

SỐ 113 - NGÀY 15-9-1961

BACH KHOA

trong số này

HUYỀN VĂN LANG vấn đề xung đột giữa ngoi sô
và tương công • NGUYỄN HIẾN LÊ vấn ý nghĩ
về cú pháp • HOÀNG MINH TUYNH đại hàn
trong cuộc khủng hoảng quốc tế • NGUYỄN VĂN
THƯ lễ vu lan hồn • ĐOÀN THÊM đời họa sỹ
VƯƠNG HỒNG SẼN thú chơi sách : sách giả •
HOÀNG THÁI LINH truyện là thơ trong tiểu thuyết
michel butor • TƯỜNG LINH hình ảnh • HOÀI
HƯƠNG gác nhỏ • THẠCH HÀ tàn tật • HUY
LỰC saigon • VÕ PHIẾN những buổi mai đẹp •
NGUYỄN (dịch augus davidson) cần chết • NGHIÊU
ĐỀ buổi sáng năm bệnh • VŨ HẠNH — VŨ HÂN —
THẾ VIÊN trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ của
bach khoa • ĐOÀN THÊM ý chiều • NGUYỄN
NGU Í đại hội chống chính sách nô dịch văn hóa •

Nhân dịp **Lễ Lạc trong Gia Đình**

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :



* Rượu mùi **CURACAO "D.C."**
* Rượu **Rhum CARAVELLE**

lần năm **44°**
và trắng **54°**

ngon không kém gì
rượu nhập cảng

Quí vị thường thức luôn **EAU DE VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'I.C.**
Pasteur, Saigon. ĐT. 23.916
và có bán tại đó :

. ALCOOL RECTIFIÉ
. ALCOOL DENATURÉ
. RƯỢU THUỐC "Ich. Tho. Tiểu"
. DẦU ĂN HẠO HẠNG CHẾ BẰNG CAO 6°



BÁCH-KHOA

Số 113 — Ngày 15-9-1961

	Trang
HUỖNH-VĂN-LANG	<i>Vấn đề xung đột giữa Nga-Sô và Trung-Cộng</i> 3
NGUYỄN-H ẾN-LÊ	<i>Vài ý nghĩ về cú pháp</i> 15
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Ảnh hưởng tình thế Đại-Hàn trong cuộc khủng hoảng Quốc-Tế</i> 23
NGUYỄN-VĂN-THU	<i>Lễ Vu-Lan-bồn</i> 29
ĐOÀN-THÊM	<i>Đời họa-sĩ</i> 35
VƯƠNG-HỒNG-SẼN	<i>Thủ chơi sách</i> 53
HOÀNG-THÁI-LINH	<i>Truyện là thơ trong tiểu thuyết của Michel Bulor</i> 63
TƯỜNG-LINH	<i>Hình ảnh (thơ)</i> 72
HOÀI-HƯƠNG	<i>Gác nhỏ (thơ)</i> 73
THẠCH-HÀ	<i>Tàn lặt</i> 75
HUY-LỰC	<i>Sàigòn (thơ)</i> 83-84
VÕ-PHIẾN	<i>Những buổi mai đẹp (truyện ngắn)</i> 85
NGUYỄN (dịch Giuseppe Beito)	<i>Cần chết</i> 95
NGHIÊU-ĐỀ	<i>Buổi sáng nằm bệnh (thơ)</i> 102
VŨ-HẠNH — VŨ-HÂN — THẾ VIÊN	<i>Trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ của Bách-Khoa</i> 103
ĐOÀN-THÊM	<i>Ý chiều (thơ)</i> 112

SINH-HOẠT

NGUYỄN-NGU-Í	<i>Đại hội chánh sách nô dịch văn hóa</i> 113
--------------	---

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Hội nghị các nước không tham gia.*
- ĐOÀN-THÊM : *Vấn đề thông cảm với họa sĩ.*
- BÙU-KẾ : *Thuận-An thất thủ.*
- QUỐC-DŨNG : *Thân dân.*
- VƯƠNG-HỒNG-SÈN : *Về bộ tiền đồng đời xưa vừa được trưng bày trong viện bảo-tàng Saigon.*
- T. Đ. G. : *Giới thiệu nước Hòa Lan.*
- NGUYỄN-HỮU-PHIỄM : *Gia đình và học đường*
- CUNG-GIỮ-NGUYỄN : *Brecht.*
- TRẦN-HƯƠNG-TỬ : *Bộ mặt thực của Triết - học hiện-sinh.*
- HOÀNG-THÁI-LINH : *Alain Robbe - Grillet.*
- VÕ QUANG-YẾN : *Ta biết gì về kim-tinh.*
- NGUYỄN-ANH-LINH : *Bước tiến đến nhân-bản vô-thần : Nietzsche, con người sát thiên — (Déicide) —*
- TRẦN-VĂN-KHÊ : *Nhạc-khí dùng trong lối « ca Huế » và lối « đờn tài tử ».*
- NGUYỄN-NGU-Í : *Có chồng không linh tri.*
- CÔ-LIÊU : *Cô liêu (truyện dài rút ngắn : Clem)*
- VŨ-HẠNH : *Người thầy thuốc.*
- VÕ-HỒNG : *Chuyện cái răng.*
- ĐẶNG-TRẦN-HUÂN : *Con gà sống diên (truyện dịch).*
- PHONG-NHÃ : *Aminata (truyện dịch).*

VẤN-ĐỀ XUNG-ĐỘT GIỮA NGA-SÔ VÀ TRUNG-CỘNG

★ HUỖNH-VĂN-LANG

« Giả sử chiến tranh nguyên tử xảy ra giữa Mỹ và Nga thì chắc chắn là chúng ta tiêu diệt lẫn nhau và Trung-Hoa sẽ thắng trận. Còn giả sử như chiến tranh xảy ra giữa Mỹ và Trung-Hoa, thì sao? Người Mỹ các ông sẽ ném bom nguyên tử xuống Trung-Hoa và tiêu diệt năm ba triệu dân và họ vẫn còn 500 triệu hoặc hơn nữa để chôn cất. Mao-Trạch-Đông sẽ kêu gọi chúng tôi trợ giúp và rồi Nga và Mỹ cũng lại sẽ tiêu diệt nhau để rồi Trung-Hoa lại vẫn thắng trận » (Báo The China Quarterly số 1, 1960 trang 51)

*Lời của một kỹ sư Nga
nói với một người Mỹ*

(Xin xem B. K. từ số 112)

... Sống chung hòa-bình.

Sự xung đột Nga - Hoa về chế độ công xã đã có một thời - kỳ khá sôi nổi và gay gắt, nhưng dẫu sao cũng còn kém sự tranh chấp giữa hai bên về chiến lược ngoại giao hay chánh sách mệnh danh là « sống chung hòa bình » (1) do Khrushchev chủ trương, ngược lại với tư tưởng và thái độ của Mao-Trạch-Đông.

Ai ai cũng biết rằng Nga-Hoa là hai nước Cộng-Sản có những quyền lợi chung hết sức rõ rệt để đi đôi với nhau trong việc đối ngoại hay trong chiến-lược ngoại-giao của họ. Hai bên chỉ có thể xung đột được

với nhau về vấn-đề này là khi hoặc có những quyền lợi xung đột nhau hoặc có những quan-niệm về ý-thức-hệ khác nhau. Nhưng ta cũng nên biết rằng bao giờ Cộng-Sản Trung-Hoa cũng nhận-định Trung-Hoa có những hoàn cảnh lịch sử khác biệt với Nga-Sô, cho nên một chủ-trương của Nga-Sô có thể hiệu-nghiệm cho Nga-Sô mà không nhất định phải

(1) Với sách lược « sống chung hòa bình » Khrushchev chủ trương 2 khối Cộng-Sản và tư bản cùng song song tồn tại mục đích tạm thời tránh một cuộc chiến tranh rộng rãi với toàn thể khối tư bản nhưng vẫn tiếp tục tiêu hao để làm suy yếu đối phương bằng mọi hình thức phá hoại ngay trong lòng các nước thuộc phe tư bản.

VẤN-ĐỀ XUNG-ĐỘT GIỮA NGA-SÔ VÀ TRUNG-CỘNG

hiệu-nghiệm cho Trung-Hoa và như thế không thể bắt buộc Trung-Hoa phải nhắm mắt noi theo, dù khi chủ trương ấy liên quan đến chiến lược của cả một khối Cộng-Sản chẳng nữa.

Chúng ta còn nên nhớ là sau khi Staline chết (1953) thì ở Nga-Sô đã có hai chủ trương đối chọi nhau, có một lúc chia rẽ hàng ngũ lãnh tụ Sô-viết : một chủ trương chiến và một chủ trương hòa. Sau một thời gian lục đục, chủ trương hòa đã nắm được đa số và ưu thế ; Con người đại diện cho chủ trương hòa ấy là Khrushchev. Không phải đột nhiên ông ta bày đặt ra chủ trương hòa ấy, song đó là do hoàn cảnh tạo ra mà hai yếu tố chánh là : bom nguyên tử và khuynh hướng « an cư lạc nghiệp » phát sinh ở trong quần chúng Nga một cách hết sức mạnh mẽ. Sự xuất hiện của nguyên tử là đe dọa cả thế giới chớ không riêng gì các nước Cộng-Sản vì loài người đã tìm được nguyên tử có thể sẽ bị nguyên tử tiêu diệt. Hơn nữa, càng ngày càng có nhiều quốc-gia sản xuất nguyên tử lực được, cho nên nếu không hòa giải với Tây Phương bây giờ để giữ ưu thế tất không sớm thì muộn sự độc quyền nguyên tử sẽ mất và sự kiểm soát nguyên tử sẽ khó mà thực hiện được. Và biết đâu nay mai lại chẳng có một quốc gia khác như Ấn-Độ, Trung-Hoa, Á-rập, Nam-Dương, Nhật-Bổn... một cường quốc nguyên tử rất hùng hậu có thể làm cho Mỹ lẫn Nga bớt uy quyền lẫn ?

Phản khác, sau những khốn khổ của chiến tranh thứ II, dân chúng Nga có quyền đòi hỏi « an cư lạc nghiệp » phần nào để đền bù lại những hy sinh to lớn đã chịu trước. Chắc chắn là Cộng-Sản Nga-Sô không thể hoàn toàn nghe theo đòi hỏi của họ được, nhưng cũng không thể hoàn toàn từ chối được, để tránh cho Đảng một cơn khủng hoảng có hại, vì những đòi hỏi « sung sướng » rất chánh đáng ấy là của mọi tầng lớp quần chúng. Hơn nữa, trong lúc chiến tranh, người Nga đã có dịp « phá rào » một phần nào để hiểu biết cái thế giới không Cộng-Sản, nhất là cái thế giới tư bản Mỹ, tất cũng bị đời sống đầy đủ của tư bản Mỹ cám dỗ ít nhiều. Cho nên, tuy ngân-sách quốc phòng và tuyên truyền khoa học vẫn còn to lớn lắm, nhưng không thể quá mức hy sinh của quần chúng như trước kia được. Đã đến lúc phải nghĩ đến nhà cửa, phương tiện chuyên chở, sự ăn mặc của quần chúng ít nhiều mà sự hòa hoãn với tây phương là một điều kiện vậy. Đang khi yếu tố « nguyên-tử » làm cho nguyên-tắc « chiến-tranh không thể tránh được » của Lênin không còn đúng nữa, thì yếu tố « an-cư lạc-nghệp » của quần chúng là một phương pháp để củng cố Đảng Cộng-Sản Nga, mà Đảng Cộng-Sản Nga là tiền phong trong công cuộc xây dựng Cộng-Sản quốc tế. . .

Vấn đề xung đột Nga Hoa về chiến lược ngoại giao có thể chia làm ba giai đoạn : tán thành, đá kích và nhượng nhin. Trong giai đoạn đầu,

từ 1958 đến cuộc viếng thăm Mỹ quốc của Khrushchev (tháng 9-1959), Trung-Hoa hoàn toàn tán thành chánh sách sống chung hòa bình của Khrushchev.. Đầu tiên Cộng-Sản Trung-Hoa rất lạc quan vì cho rằng lực lượng quân sự và tiên bộ khoa học của Nga-Sô đã trội xa hơn của Mỹ, nên đã thay đổi được tánh cách háo chiến (2) của Mỹ. Bởi vậy Trung-Hoa hoan nghênh việc viếng thăm Mỹ quốc của Khrushchev và đề nghị giải giới tổng quát của Nga. Chúng ta còn nhớ lại vệ tinh Lunik được phóng lên cùng một lúc Khrushchev qua Mỹ. Cho nên lúc bấy giờ Cộng-Sản Trung-Hoa cho rằng: « Kẻ nào muốn khai chiến tổng quát với Nga-Sô và khối xã-hội chủ nghĩa thì chỉ mang sự tiêu diệt vào thân » (3) Một điểm khác của kỷ nguyên mới này là vai trò chống đế quốc của các nước hậu tiến Á-Phi và Nam - Mỹ, như tác-giả Dư-Thu-Lý đã viết: « hậu thuẫn của đế quốc đã hóa ra tiến tuyến chống đế quốc ». (4) Và tiếp theo, tác-giả còn luận rằng: Dulles, ngoại trưởng Mỹ (1952 - 1959), đã biết rõ tình trạng ấy từ cuối năm 1958, nên thay vì « công nhận một sự kiện thực tế, thì ông ta lại muốn áp dụng một chiến thuật hòa bình như một thành phần bổ túc cho các chiến lược chiến tranh của ông ta. Biết rằng không thể dùng chiến tranh xâm lăng được nữa để tiêu hủy khối xã-hội chủ nghĩa, ông ta sẽ dùng sự đột nhập, tiêu hao, nội chiến hay những âm mưu khác... »

Nhưng cách đó không lâu, báo chí Trung-Hoa Cộng-Sản lại nêu lên hai vấn-đề :

1 — Mỹ có đổi chiến thuật phần nào, nhưng chiến lược của Mỹ trước sau vẫn là miệng nói hòa bình mà dự bị chiến tranh, mục đích chỉ để tiêu diệt chế độ xã-hội chủ nghĩa.

2 — Ở Mỹ chỉ có một nhóm nhỏ muốn sống chung hòa bình, còn phần lớn các nhà lãnh đạo vẫn không nhìn nhận sự sống chung hòa bình có thể thực hiện được.

Đó cũng là hai nhận xét của Đảng Cộng-Sản Trung-Hoa và vì nhận xét như vậy nên tất nhiên Trung - Hoa Cộng-Sản phải xung đột với Nga-Sô. Lần đầu tiên Nga Hoa xung đột nhau công khai về chiến lược sống chung hòa bình là ngày kỷ niệm đệ thập chu niên Hiệp-ước thân hữu Nga - Hoa (tháng 2-1960) và nhứt là nhơn cuộc Hội-đồng Minh-ước Varsovie ngày 4-2 - 1960. Trong những lời đầu của Thông-cáo chung do Nga đề xướng có một đoạn như sau : « Sau nhiều năm chiến tranh nguội », / lần đầu tiên những quan hệ bình thường của thời bình được thiết lập giữa những nước « đối nghịch nhau », sự gây cản được dịu bớt rõ ràng và còn có triển vọng để đi đến chỗ tin cậy nhau

(2) Sự tăng cường quân lực của các nước tự do, dù với mục đích phòng ngự cũng đều bị cộng-sản gán cho danh từ « háo chiến » cả.

(3) Hùng-kỳ số 1, 1960. Bắc-kinh.

(4) Hùng-Kỳ số 1, 1960. Bắc-Kinh.

được... Sự viếng thăm « lịch sử nước Mỹ của Khrushchev và cuộc hội đàm của ông ta với Tổng-thống Eisenhower Mỹ đã đóng một vai trò hết sức quan trọng trên bình diện nói trên. Kết quả của cuộc viếng thăm đó là chiến tranh nguội giữa hai cường quốc mạnh nhứt thế giới đã chấm dứt và mở đầu cho một giai đoạn mới trong việc phát triển quan hệ quốc tế ». Nhưng lúc đó đại biểu Cộng-Sản Trung-Hoa là Khương-Sanh, lại có lời chông đỏi và cho rằng « những hành động của Mỹ hoàn toàn chứng minh là bản tính của đế quốc chưa thay đổi » như Nga-Sô mơ tưởng. Sau đó, Cộng-Sản Trung-Hoa còn tuyên bố rõ ràng hơn nữa là vũ lực và chiến tranh vẫn còn là yếu tố cần thiết để tiêu diệt đế quốc, và Cộng-Sản Trung-Hoa không tin tưởng thực hiện sống chung hòa bình được, vì đó chưa phải là thượng sách. Trong bài xã thuyết tờ Nhân-dân ra ngày 6/2/1960, có đoạn: « Các nước xã hội chủ nghĩa thành thật yêu chuộng hòa bình mà đồng thời cũng hoàn toàn tin cậy nơi lực lượng của mình. Cho nên không bao giờ họ cần khùng bỏ ai, nhưng họ sẽ dùng tất cả nghị lực của họ để gìn giữ hòa bình thế giới ». Trong tờ Hùng-Kỳ, nhân dịp kỷ niệm đệ thập chu niên Hiệp-ước Nga-Hoa (1960), Trần-Hi còn nói mạnh hơn nữa: « Tình trạng mà các lực lượng hòa bình đã thắng được các lực lượng chiến tranh trong 10 năm qua là kết quả của bao nhiêu cuộc thử sức khó khăn chớ không phải là dễ có được. Khoảng

thời gian 50 năm qua đều đầy dẫy những cuộc đấu tranh giữa các lực lượng hòa bình và các lực lượng chiến tranh ». Và từ tháng chạp 1959, báo chí Trung-Hoa đã nói rồi: « Những cử chỉ hòa bình của Mỹ lại mâu thuẫn với hành động của họ và chỉ là bình phong (Smokescreen) che đậy chiến tranh. » (5)

Trong cuộc hội đàm giữa Khrushchev và Mao-trạch-Đông tháng 9-1959 tại Bắc-Kinh như đã nói trước, Khrushchev có cho Mao-trạch-Đông biết rằng ông nhứt định thương thuyết với Tây-phương, cho nên ông yêu cầu Trung-Hoa nên hòa hoãn để cho nhiệm vụ của ông được dễ dàng, vì lúc bấy giờ Mỹ đang áp dụng chánh sách liên đới trách nhiệm (partial responsibility) của ngoại trưởng Herter. Sau một tháng suy nghĩ, Cộng-Sản Trung-Hoa đưa lập trường của họ gồm mấy điểm như :

1.— chiến tranh giữa hai khối là không thể nào tránh được, vì phần lớn các nhà lãnh đạo Mỹ đều háo chiến, chưa công nhận sự sống chung hoà bình, chỉ trừ có một số tối thiểu thôi. Trong khi diễn tả quan điểm này của họ, Cộng-Sản Trung-Hoa đi đến kết luận là Khrushchev và Cộng-Sản Nga-Sô mắc bịnh chủ quan.

2.— Tương quan lực lượng giữa hai khối từ 1957 đến giờ đã không thay đổi, nghĩa là lực lượng Cộng-

(5) Bắc-Kinh tạp chí, 9/2/1960 ; do The China Quarterly số 3 trích dịch.

Sân chưa hoàn toàn trôi xa hơn lực lượng tư bản đủ để bảo đảm hoà bình thế giới.

3. — Nếu có sự êm dịu giữa hai khối, thì quyền lợi của Trung-Hoa sẽ bị thiệt thòi và đe dọa, vì đề quốc đã tổ chức và củng cố xong những lực lượng xâm lăng của họ ở Á-Đông này, như Seato, Hòa ước Mỹ-Nhật, các địa điểm quân sự ở Đại-Hàn, ở Đài-Loan v.v... Cộng-Sản Trung-Hoa ý thức rằng lực lượng của khối Cộng-Sản rất hùng hậu nhưng Trung-Hoa không thể xử dụng được.. Cho nên Trung-Hoa có mặc cảm là mình còn yếu thế và bị phong tỏa bởi những lực lượng xâm lăng của Đề quốc. Mao-Trạch-Đông có nói: « Về mặt chiến lược thì ta hãy khinh địch, nhưng về mặt chiến thuật thì ta phải nể địch », để hình dung cái mâu thuẫn vừa mạnh vừa yếu của Trung-Hoa...

Thái độ vừa cứng rắn của Trung-Hoa đối với Tây phương vừa có tính cách chông đối với Nga-Sô đã làm Nga-Sô khó chịu. Bởi vậy Mác-Tư-Khoa lập tức phản ứng ngay một cách mạnh mẽ ở những Đại-hội Cộng-Sản ở Lỗ-Ma-Ni, Bảo-Gia-Lợi và nhất là Mác-Tư-Khoa. Ở Lỗ-Ma-Ni, Khrushchev khuyên bảo các đảng viên Cộng-Sản các nước phải đề phòng những bọn người có óc bè phái chia rẽ, ám chỉ Trung-Cộng. Ở Bảo-Gia-Lợi ông ta còn nói rõ hơn nữa, đả kích những đảng viên Cộng-Sản chỉ biết trích những lời lẽ của Lenin

mà bắt chập đến thực tế. Ở Mác-Tư-Khoa kỳ Đại-hội tối cao tháng 11/1960, chỉ có Mao-Trạch-Đông và Kim-Nhật-Thành là hai lãnh tụ Cộng-Sản không đến dự (?) — trong bản tuyên ngôn Mác-Tư-Khoa 1960, (6) Cộng-Sản Nga-Sô sau khi phân tách tình hình thế giới nhận định là quan điểm của Lenin về chiến tranh đã lỗi thời, vì giai đoạn lịch sử hiện tại là giai đoạn của chủ nghĩa xã hội, chứ không còn là giai đoạn của chủ nghĩa tư bản nữa. Trên căn bản nhận xét ấy, Đại-hội cho rằng:

1 — Chẳng những có thể chấm dứt chiến tranh một cách vĩnh viễn với sự toàn thắng của chủ nghĩa xã hội được mà còn có thể giải thoát hơn loại khỏi cái ác mộng một thế giới đại chiến khác nữa từ bây giờ: « có thể tẩy trừ chiến tranh khỏi đời sống của xã hội dù cho tư bản vẫn còn tồn tại ở một vài nơi trên thế giới ».

2 — Nếu không tẩy trừ được chiến tranh địa phương thì ít ra cũng có thể ngăn ngừa và tiêu diệt những chiến tranh do Đề quốc gây ra, và điều đình là giải pháp duy nhất để tránh chiến tranh tàn phá.

3 — Phải nhìn nhận chương trình giải giới tổng quát và hoàn toàn của Nga Sô là « lịch sử » và nếu nhân dân và chánh quyền các nước bên khối xã hội chủ nghĩa cố gắng tranh thủ thì chắc chắn sẽ thành tựu được.

(6) The 1960 Moscow Statement, báo The China Quarterly số 5 trang 25-52.

VẤN-ĐỀ XUNG-ĐỘT GIỮA NGA-SÔ VÀ TRUNG-CỘNG

4 — Sau hết và hơn hết, Đại - hội còn mô tả sự sống chung hoà bình là một hình thức đấu tranh giai cấp, nghĩa là một yếu tố căn bản để tiến bộ trong quá trình lịch sử.

Trong kỳ Đại-hội Cộng-Sản Mạc-Tư Khoa này, chúng ta biết chắc là đại đa số các nước Cộng-Sản đều ủng hộ lập trường sống chung hòa bình của Nga-Sô và công khai lên án chủ trương háo chiến của Trung-Cộng. Mãi đến khi Hội-ngập tối cao Đông Tây ở Ba-lê tan vỡ tháng 5/1960, Trung-cộng vẫn ngoan cố giữ nguyên lập trường của mình và vẫn cho chánh sách của Khrushchev là chủ quan, dựa trên những căn bản suy luận và nhận xét sai lầm sau đây :

1 — Sự thời-quá-hoá các hiểm hoạ chiến tranh nguyên tử chỉ làm tê liệt ý chí chống đế quốc và đưa đến chỗ dè dặt thời quá.

2 — Sự lầm tưởng về khuynh hướng thực tề của các đầu nậu đế quốc như Eisenhower đối với sự sống chung hòa bình, có thể đưa đến sự bất cẩn mật trong hàng ngũ Cộng-Sản.

3 — Kết quả là trông cậy thời quá vào sự điều đình ngoại giao như là một phương thể để tránh chiến tranh, và làm như thể là hạn chế những phong trào cách mạng cùng những « chiến tranh chánh đáng » có mục đích giải phóng các dân tộc mà đáng lý phải xem những chiến tranh ấy là những phương thể hữu hiệu nhất để tiêu hao lực lượng của đế quốc và khử trừ những chiến tranh xâm lăng của nó. . .

Các nhà ý thức hệ Trung - Hoa còn cho rằng : người Cộng-Sản nên gặp Eisenhower thì rất phải lẽ, nhưng bảo rằng họ tin tưởng ở ý chí hoà bình của Tổng-Thống Mỹ thì là lầm lạc; đề nghị giải giới hoàn toàn và tổng quát thì rất phải lẽ, nhưng bảo rằng các đồng chí mình thật hy vọng thực hiện việc ấy được thì lại rất lầm; tuyên truyền sự sống chung hòa bình thì rất phải lẽ, nhưng khuyên nhủ các nhà ái quốc Algériens hãy cố gắng điều đình với Tổng-Thống De Gaulle thì lại càng lầm lạc. Tóm lại, Cộng-Sản Trung-Hoa quan niệm rằng tuyên truyền hoà bình là một phương pháp chiến đấu Cách - mạng chống đế quốc, nhưng ngoại giao hoà bình không thể là một phương tiện để làm cho những hình thức chiến đấu ấy biến thành êm dịu, dù là tạm thời. Tóm lại, lúc bấy giờ lập trường của Cộng-Sản Trung-Hoa hoàn toàn trái ngược với lập trường của đại đa số Cộng-Sản trong khối xã hội chủ nghĩa đã được mô tả trong bản tuyên ngôn Mạc-Tư-Khoa 1960.

Sự xung đột Nga Hoa về chiến lược ngoại giao trên đây đã có cơ hội bộc lộ ra ở Bắc Việt như ở Bắc - hàn. Trước đây bao giờ Bắc-Việt cũng được Cộng-Sản Trung-Hoa ủng hộ và nâng đỡ về mọi mặt và trước mặt Cộng-Sản quốc-tề, Bắc-Việt cũng như Bắc-Hàn vẫn được là đôi si của đôi tướng Trung-Hoa, hay là hai chư hầu trung thành nhứt của Trung - Hoa. Còn Trung - Hoa

thì bao giờ cũng coi hai nước ấy ở trong khuôn khổ bảo hộ của mình. Mao-Trạch-Đông đã tuyên bố từ năm 1939 : « Khi đã chiến thắng Trung-Hoa thì các đế quốc đã cướp lấy những thuộc địa của Trung - Hoa. Nhật-Bổn cướp lấy Triều-Tiên, Đài-Loan, những cù lao Ryukyu và Pescadores, Hải-cảng Lữ-Thuận, Anh quốc đã cướp lấy Miền-Điện, Bhutan, Nepal và Hồng-Kông, Pháp quốc đã chiếm đóng An-Nam, và đến cái nước không ra gì như Bồ-Đào-Nha... cũng đã lấy Macao. » (7). Nhưng từ hồi đấu cho đến bây giờ là kỳ Đại-hội Lao-động lần thứ III ở Hà-nội (5 - 10 tháng 9 1960) thì Bắc - Việt vẫn giữ thái độ trung lập trong việc Nga - Hoa xung đột. Kỳ Đại-hội này mới là cơ hội để cho Bắc-Việt tỏ thái độ theo Nga của mình về chiến lược sống chung hòa bình cũng như về nhiều vấn-đề khác. Và đó cũng là một cơ hội cho Nga - Hoa công khai đối chọi nhau một lần nữa.

Ngay từ buổi khai mạc Đại - Hội, Phạm - Văn - Đồng đại diện cho đảng Cộng - Sản Bắc - Việt đã long trọng tuyên bố sự thay đổi vị trí của Bắc-Việt từ « chư hầu Trung-Hoa » sang qua « Nga-Sô thuộc địa » như sau : « Hiện giờ Nga-Sô và các nước xã-hội chủ nghĩa khác đang xây dựng chủ nghĩa xã-hội một cách hữu hiệu và chúng ta đã trở thành một lực lượng hùng hậu không còn ai thắng nổi. Cùng với mọi dân tộc yêu chuộng hòa bình thế giới, chúng ta đã đủ sức ngăn ngừa chiến tranh, cản trở những bàn tay đầm máu của Đế-quốc, duy

trì hòa bình và cứu chữa nhân loại khỏi một thế chiến khác, là thế chiến nguyên tử » (8) Một bằng chứng thứ hai nữa là Bộ-trưởng quốc-phòng Bắc-Việt, Võ-Nguyên-Giáp, một lãnh tụ Cộng-Sản đại diện cho chủ trương « chiến », phải hạ cấp, từ hàng thứ 5 xuống hàng thứ 6, để cho Phạm-Hùng thay thế, cũng như Bắc-Việt bãi bỏ kế hoạch xâm lăng công khai miền Nam và giảm bớt ngân sách quốc phòng, dù việc thôn tính miền Nam bằng du kích chiến, nội tuyến, khủng bố... vẫn phải tiếp tục và gia tăng. Tóm lại, Cộng-Sản Bắc-Việt đã công khai rời bỏ hàng ngũ của Trung - Hoa để ủng hộ lập trường sống chung hòa bình của Nga-Sô. Đọc lại báo chí Nga-Hoa-Việt thì sẽ thấy ngay là Trung-Cộng rất ngạc nhiên và không bằng lòng, trái lại Nga-Sô thì hết sức đặc chí, cũng như Bắc-Việt được thơn thớt khỏi được cái « bóng » nặng nề của Trung-Hoa, được Nga-Sô viện trợ kỹ-thuật nhiều hơn mà mình không thiệt thòi gì (9).

Trong kỳ Đại-hội này, Nga-Sô cũng chẳng bỏ qua cơ hội để chỉ trích Trung-Cộng. Trưởng phái đoàn Nga Sô là Mukhitdinov trong bài diễn

(7) Mao-Trạch-Đông, Cách - mạng và Đảng Cộng-Sản Trung - Hoa, 15 tháng 11, 1939. Bắc-Việt chắc phải suy nghĩ nhiều về lời tuyên bố ấy ?

(8) Nhân-dân nhật báo, 12-9-1960 do P. J. Honey trích dịch.

(9) Trước đó ít lâu, Hồ-chí-Minh đã mật đàm với Khrushchev ở Mạc-Tư-Khoa mà Trung-Cộng cũng không hay biết về chuyện gì.

vấn đề lúc này, có tuyên bố như sau : « Chánh sách ngoại giao của Nga-Sô có mục đích đảm bảo hòa bình lâu dài giữa các dân tộc, sa thải chiến tranh nguội và chấm dứt cuộc thi đua võ trang. Chánh sách đó được giới cán lao khắp thế giới nhiệt liệt ủng hộ vì nó là phản ánh của những quyền lợi chánh đáng của họ. Nga-Sô còn cố gắng cầu tạo những điều kiện để tránh chiến tranh khiêu khích. Những đề nghị rõ ràng và cụ thể về vấn đề giải giới hoàn toàn và tổng quát đã được nhắc lại trong các diễn văn của đồng-chí Khrushchev, đó là đường lối đúng để cầu tạo một bầu không khí thuận tiện cho những quan hệ quốc-tê ». Mukhitdinov còn nói mạnh hơn nữa : « Cộng-Sản không bao giờ có ý dùng võ lực để truyền bá ý thức hệ của mình, họ không bao giờ muốn chiến tranh. Sống chung hòa bình là chánh sách duy nhất hoàn toàn phù hợp với bản tính nhân đạo của chủ nghĩa xã hội và ý thức hệ Cộng-Sản và sự tin tưởng của chúng tôi chỉ dựa trên một sự phân tách cao siêu theo Mác-Lenin về tình hình quốc tế hiện tại. » Đại biểu Trung-Cộng là Lý-Phú-Xuân lại nhấn mạnh về tình đồng chí quân sự giữa hai dân tộc Trung-Hoa và Việt-Nam và về những yếu tố liên kết hai nước, nhưng ông ta cũng không quên trả đũa lại đồng chí Nga-Sô ngay : « Tuyệt đối không thể cho phép được bỏ qua những lý thuyết căn bản Mác-Lenin (chiến tranh không thể tránh được), vì lẽ là để chôn lại một xu hướng cứng rắn ». Lần này ở Hà-Nội

cũng như ở Mạc-Tư-Khoa sau này, Trung-Cộng phải thất bại trước sự tấn công của Nga-Sô, vì ngoại trừ các phái đoàn Cộng-Sản Nhật-Bổn, Maroc Gia-Nã-Đại, Bắc-Hàn không nói gì còn kỳ dư như phái đoàn Bảo-Gia-Lợi, Tiệp-Khắc, Đông-Đức, Hung-Gia-Lợi, Mông-Cổ, Ba-Lan, Lô-Ma-Ni, Pháp, Ấn-Độ, Ý đều ủng hộ lập trường của Nga-Sô. Nhưng trái lại phái đoàn Cộng-Sản, Albanie và Nam-Dương lại lên tiếng ủng hộ Trung-Cộng.

Thất bại trước các nước Cộng-Sản nhưng chắc chắn Trung-Cộng không bao giờ chịu thua. Vì chừng đối với Trung-Cộng — nhiều biên cô quốc-tê, nhất là vụ U2, làm cho Hội-nghị tối cao Đông Tây ở Ba-Lê (tháng 5-1960) sụp đổ, vụ thử sức ở Lào, giặc nguội chung quanh vấn đề Bá-Linh, hoà ước quân sự Mỹ-Nhật, đổ bộ Cuba v.v... chứng tỏ rằng Trung-Cộng có lý hơn Nga-Sô, vì đối với Trung-Cộng những biên cô ấy là những chứng cứ cụ thể của chiến lược chiến tranh do khởi từ bản chủ trương. Cho nên trong năm nay, cả hai bên Nga-Hoa đều thay đổi thái độ của họ một phần nào: Nga Sô tỏ ra háo chiến hơn, không hăng hái hô hào về chánh sách sống chung hoà bình như trước và cứng rắn hơn trước về vấn đề giải giới, cũng như vấn đề Bá-Linh, mà lý do chánh chỉ là những thất bại ngoại giao liên tiếp của Nga-Sô. Trái lại, Trung-Cộng tỏ vẻ hoà hoãn đôi chút đối với Tây phương, vì lẽ Trung-Cộng thấy mình không được đa số các nước Cộng-Sản trong khối ủng hộ và có lẽ phần lớn tại những thất bại nặng nề trong nội

bộ Trung-Cộng nhứt là về vấn đề công xã. Hai đảng đã thay đổi phần nào thái độ của họ để đi đến chỗ nhượng nhịn nhau trong giai đoạn thứ III của cuộc tranh chấp ý thức hệ Nga-Hoa này, tuy rằng hai đảng không thay đổi lập trường riêng của mình và vẫn theo dõi chiến lược hoà hay chiến của mình dưới một sắc thái có phần khác hơn trước. Thực ra, Nga-Sô vẫn còn nói đến chuyện điều đình, chuyện hội-ngị tối cao, chuyện giải giới v.v., và Trung-Cộng vẫn tiếp tục trợ giúp công khai các nước hậu tiến chống đế quốc, muốn gây chiến với Mỹ ở Á đông v.v. . .

Cuộc Nga-Hoa về chiến lược ngoại giao cũng như về chánh sách thực hiện Cộng-Sản đã có những lúc gay cấn, quyết liệt, cũng có những lúc ngấm ngấm và những lúc êm dịu. Trong cuộc tranh chấp ý thức hệ này có khi thì Nga thắng, có lúc Trung-Hoa bại, nhưng cũng có khi uy tín Trung-Hoa lên, có lúc uy tín Nga-Sô xuống. Kết cuộc thì Nga-Sô — trước mặt các nước Cộng-Sản — vẫn còn giữ được quyền hành lãnh đạo của mình, nhưng không còn như trước nữa. Trái lại, tuy bại nhiều hơn là thắng, Trung - Hoa lại thu được nhiều kết quả : từ nay quyền thế ý-thức-hệ không còn là độc quyền của đảng Cộng-Sản Nga - Sô nữa, nhưng phải chia sẻ phần nào cho đảng Cộng-Sản các nước. Nếu Nam - Tư hoàn toàn chống đối với Trung-Cộng về chiến lược ngoại giao là sự sống chung hòa bình, thì Nam-Tư lại gặp Trung-Cộng về điểm nói trên đây. Và hơn

nữa, nếu sau này quan hệ Nga-Sô có gặp những gì trục trặc, thì chúng ta lại phải trở về điểm trên đây mà tìm một căn bản để phân tách, để tìm hiểu.

Kết - luận

Sau Lenin và Staline, nhà lãnh tụ Cộng-Sản đã góp công vào việc phát triển ý thức hệ Các-Mác nhiều nhất có lẽ là Mao - Trạch - Đông. Trong những vấn - đề họ Mao nêu ra, phải chăng lý thuyết của ông ta về « những mâu thuẫn » là đáng được các Đảng Cộng-Sản trong khối chú ý nhất và đó cũng là một lý thuyết quan trọng nhất trong ý thức hệ Cộng - Sản Trung - Hoa. Bài diễn văn của họ Mao đọc trong tháng 2 - 1957 về « sự giải quyết đúng đắn những mâu thuẫn giữa nhân dân » đã gây vang âm không ít trong giới ý thức hệ Cộng-Sản. Trước đó, lý thuyết gia Lưu-Thiếu-Kỳ cũng đã viết rất nhiều về vấn đề ấy và đưa lý thuyết « mâu thuẫn » ấy ra làm phương châm ý thức hệ của Cộng-Sản Trung-Hoa. Thật ra lịch sử cách mạng Trung-Hoa không thiếu những sự kiện, những biến cố luôn luôn được giải thích theo lý thuyết mâu thuẫn ấy. Đã nhiều lần Cộng-Sản Trung-Hoa phải hợp tác với đối phương để chống Tây-phương, phải hợp tác với mọi tầng lớp nhân dân không thân Cộng để chống Nhật-Bản... Phương châm ấy còn dùng để giải thích những biến cố ngoài nước như vụ Hung-Gia-Lợi, trong nước như phong trào sửa sai, tẩy não và nhứt là để tìm hiểu vấn đề xung đột Nga — Hoa.

VẤN-ĐỀ XUNG-ĐỘT GIỮA NGA-SÔ VÀ TRUNG-CỘNG

Trong bài diễn văn nói trên, Mao-Trạch-Đông có nói đến hai loại mâu thuẫn : mâu thuẫn đối nghịch và mâu thuẫn không đối nghịch. Mâu thuẫn đối nghịch là những mâu thuẫn cổ điển của ý thức hệ Mác-Xít, là mâu thuẫn giữa những giai cấp thù nghịch nhau như giai cấp tư bản và giai cấp vô sản, giữa những chế độ xã hội thù nghịch nhau như chế độ tư bản và chế độ xã hội mà Mao-Trạch-Đông gọi là những mâu thuẫn giữa « quân thù và chúng ta ». Theo Mao-Trạch-Đông thì chỉ có võ lực mới giải quyết được loại mâu thuẫn này và chính những mâu thuẫn này là bản chất của quá trình lịch sử.

Còn những mâu thuẫn không đối nghịch nhau là những mâu thuẫn xảy ra chính trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Ở đây, Mao-Trạch-Đông lại khác hơn Staline. Theo Staline thì mâu thuẫn không đối nghịch nhau này chỉ có tính cách kỹ thuật, sanh ra bởi sự cách biệt giữa những « quan hệ sản xuất » và những « lực lượng sản xuất của xã hội », nghĩa là giữa « bản tính tiên bộ của hệ thống xã hội Xô - Việt » và « bản tính lạc hậu » của những cơ cấu kinh tế của nó. Mao-Trạch-Đông còn đi xa hơn Staline, khi ông ta phân tách rằng những mâu thuẫn không đối nghịch không phải là những mâu thuẫn có tính cách kỹ-thuật theo Staline mà thôi, mà còn là những mâu thuẫn giữa những quyền lợi của quốc dân, của đoàn thể và những quyền lợi cá nhân,

là những mâu thuẫn giữa dân chủ và tập trung chế, là những mâu thuẫn giữa người lãnh đạo và những kẻ được lãnh đạo, giữa những khuynh hướng nha sánh (bureaucratic) và nhân dân. Và không cần nói thêm nữa là mâu thuẫn giữa Nga-Sô và Trung-Hoa thuộc về loại mâu thuẫn không đối nghịch này.

Đứng trong khuôn khổ ý thức hệ Mác-Lenin thì các mâu thuẫn đều phải được giải quyết. Và mỗi thứ mâu thuẫn đòi hỏi một thể thức giải quyết riêng biệt. Thể thức giải quyết những mâu thuẫn đối nghịch tự nhiên phải có tính cách bạo động. Thể thức giải quyết những mâu thuẫn không đối nghịch tự nhiên không có tính cách bạo động, nhờ qua cái quá trình « thảo luận, phê bình và giáo huấn ». Cộng-Sản Trung-Hoa bao giờ cũng tin tưởng như thế, cho nên dĩ nhiên Cộng-Sản Trung-Hoa khó mà nhìn nhận chánh sách sống chung hòa bình của Khrushchev được (10).

Tuy nhiên Đảng Cộng-Sản Nga-Sô vẫn còn được nhìn nhận là tiên phong trong phong trào Cộng-Sản quốc-tế và Nga-Sô là đầu não của khối xã hội chủ nghĩa. Trước kia, năm 1957, có lần Mao-Trạch-Đông đã chẳng công khai tuyên bố là cần phải có một lãnh tụ duy nhất vừa cho các quốc-gia Cộng-Sản vừa cho các đảng Cộng-

(10) Nhưng làm sao Trung-Cộng giải thích được sự giải quyết bằng xe tăng và súng đồng ở Budapest đề ủng hộ sự can thiệp của Nga-Sô vào Hung-Gia-Lợi ?

Sản và ông ta đã nhận mạnh là chỉ có Nga-Sô mới làm tròn được cả hai nhiệm vụ ấy thôi.

Nhưng bây giờ Trung-Cộng lại công khai thảo luận về những trách nhiệm đặc biệt « của hai cường quốc vĩ đại xã hội chủ nghĩa » là Nga-Sô và Trung-Hoa. Và khi nói đến vai trò tiên phong của Nga-Sô, Cộng-Sản Trung-Hoa không bao giờ quên nhắc đến những ảnh hưởng to lớn của cuộc cách mạng Trung-Hoa gây ra trên các nước Á-Phi và Nam-Mỹ và cái gương anh dũng của Trung-Hoa đối với sự giải phóng dân tộc của các nước. Cho nên, từ nay trong một khối xã hội chủ nghĩa, đã có hai cường quốc vĩ đại, trong một phong trào cách mạng Cộng-Sản đã có hai cái kiểu mẫu, và nếu như thế thì chắc chắn sẽ còn có những sự dị đồng nếu không phải là mâu thuẫn sẽ xảy ra nữa ở trong khối. Nhưng nếu hai cường quốc đã là một phe với nhau thì chắc chắn họ vẫn còn phải tiếp tục hợp tác với nhau, dù cho họ chưa giải quyết được những sự bất đồng ý kiến hay mâu thuẫn của họ. Thành ra, nếu từ nay ở trong một phong trào không có hai « lãnh tụ » hai « đầu não » để điều khiển phong trào, theo mỗi một lãnh vực địa lý phân cách, thì ít ra từ nay cũng phải có ở trong khối

hai trung tâm ảnh hưởng khác nhau : nhiều đảng Cộng-Sản ngoài khối Sô-Việt từ nay trở đi càng ngày sẽ càng độc lập hơn, ít ra là về mặt chiến thuật, khi mà họ tự do được thu nhận viện trợ cùng chỉ thị hoặc do Mạc - Tư - Khoa hoặc do Bắc-Kinh, hoặc cùng một lúc hoặc thay phiên. Như thế thì dĩ nhiên tính cách duy nhất về lý thuyết và chiến lược của khối sẽ ở trong tình trạng hiểm nghèo, có thể đi đến chỗ tan vỡ được.

Sự thắng trận và trưởng thành của Cộng-Sản Trung-Hoa đã kết liễu cái trung tâm duy nhất Sô-Việt do Lenin đã cầu tạo ra và do Staline đã xây đắp. Khi lật bệ Staline, Khrushchev cũng đã đập đổ cái thần thoại xung quanh tính cách độc nhất của trung tâm Sô-Việt trong phong trào Cộng-Sản quốc tế rồi. Và một khi cái quá trình « đa tâm chế » (11) đã xuất hiện như nói trên, thì không còn trở ngược lại tình trạng ấy được. Cho nên nếu « đa tâm chế » đã xuất hiện rồi thì chắc chắn là sẽ tồn tại. Và nếu nó tồn tại thì chắc chắn sẽ còn mâu thuẫn mãi mãi vậy.

HUỖNH - VĂN - LANG

(11) Polycentric movement.

ĐỌC VÀ CÔ ĐỘNG

BÁCH KHOA

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plaplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

VÀI Ý NGHĨ VỀ CÚ-PHÁP

Nguyễn-hiến-Lê

Những người lưu tâm đến Việt-ngữ thường nhận thấy rằng trên báo chí sách vở ngày nay — cả những sách Giáo khoa nữa — văn viết cầu thả hơn hồi tiền chiến rất nhiều. Không kể những lỗi dùng sai chữ, viết sai chính tả, mà thời nào cũng có, ngay đến cách đặt câu làm khi cũng hỏng: lời thô, tối tăm, không vững, thiếu đầu, thiếu đuôi, làm cho người đọc không hiểu hoặc hiểu lầm...

Cơ hồ như người ta muốn viết sao thì viết, không có qui tắc gì cả.

Gần đây ông Nguyễn-Văn-Hầu cho xuất bản cuốn **Những lỗi thông-thường trong thuật viết văn** để nhắc học-sinh và những người tự học những quy-tắc căn-bản về cách diễn ý, đặt câu, dùng chữ, tránh những tật rườm, sáo, đẽp... Sách ra rất hợp thời, nhận-xét nhiều chỗ đúng, lời gọn và sáng, đáng được dùng trong các trường học, vì có thể sửa chữa được một phần nào cái tật viết cầu thả trong giới thanh niên.

Đọc chương II về những lỗi thường thấy trong cách đặt câu, tôi đồng ý với ông về những điểm, nhưng có lẽ vì soạn cho học-sinh, nên ông chỉ xét một cách tổng quát, chưa phân tách tỉ-mỉ, tìm cách quy định cú-pháp.

Để góp ý với ông mà cũng để chất chính cùng độc giả, trong bài này chúng tôi rón tìm một số tiêu-chuẩn có thể giúp ta định được viết thế nào là không nên.

Đây là những dò-dẫm của chúng tôi trong khi cầm bút. Chúng tôi chỉ ước sao những nhận xét của chúng tôi sẽ gọi cho độc giả suy nghĩ, tìm kiếm thêm, chứ không dám có cao vọng gì khác.

HÌNH như năm kia thì phải, ông Phạm-Duy-Khiêm, cựu Đại Sứ Việt-Nam tại Ba-Lê, tuyên bố một câu rất bậy với một nhà báo Pháp, đại ý chê Việt ngữ là thô sơ, không phải là ngôn ngữ của một dân tộc văn minh. Tôi nhớ mãi mãi như vậy. Tin đó loan ra, đồng bào bên Pháp và nước nhà phẫn uất, đả đảo ông, mạt sát ông. Tất nhiên là ông không dám lên tiếng.

Mà nếu ông lên tiếng, để bênh vực chủ trương của mình, dẫn chứng rằng Việt-ngữ kém Pháp ngữ ở những điểm nào, chẳng hạn điểm Việt-ngữ không có đủ 18 « thì » như Pháp ngữ ; thì chúng ta cũng có thể đưa ra nhiều điểm chứng minh rằng Việt-ngữ tinh tế hơn Pháp ngữ, chẳng hạn ta có những hư từ *ru, nhĩ, nhế, mà, là...* ở cuối câu mà Pháp không có ; lại giàu

thanh âm hơn, lại có tới năm tiếng : *đen, hắc, ó, mực, ác* để chỉ cái màu *noir* của Pháp.... Còn về văn học, nếu ông Khiêm dẫn những *Le Cid, Andromaque, Les Fleurs du mal* của ông ra thì chúng ta cũng sẽ dẫn *Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, Thơ Hồ Xuân-Hương* ; và như vậy cuộc tranh biện kéo dài hằng năm cũng chẳng ai thuyết phục được ai cả. Cái số người như ông Khiêm không phải là ít ; có hằng ngàn hằng vạn ra đây, chỉ khác là họ giấu ý kiến của họ, hoặc có tuyên bố thì chỉ tuyên bố với bọn « đồng thanh đồng khí » thôi, chứ không đại dốt như ông Khiêm mà tuyên bố với một ký giả Pháp để ông ta đem đăng lên báo.

Tất cả những người đó chỉ có cái tội là không chịu đọc sách về ngôn ngữ học. Nếu họ đã đọc những cuốn như *La langue et l'écriture chinoises* của Georges Margouliès (Payot — Paris) thì họ sẽ nhận rằng không thể bảo một ngôn ngữ nào hơn một ngôn ngữ nào được ; rằng mỗi ngôn ngữ có đặc điểm của nó, nếu có sở trường thì sở trường đó cũng chính là sở đoản, mà nếu nó có sở đoản thì sở đoản đó cũng chính là sở trường ; rằng ngôn ngữ của một dân tộc nào cũng có đủ phương diện để diễn hết những ý nghĩ, tình cảm, của dân tộc đó, và một khi vì nhu cầu mới mà thấy thiếu thì người ta tự nhiên phải tạo thêm, bằng cách này hay cách khác. Vậy ta chỉ có thể nói văn hóa dân tộc này cao hơn dân tộc khác, chứ lấy gì làm tiêu chuẩn để so sánh hai ngôn ngữ nó khác nhau như một bông hồng với một bông huệ ?

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải nhận rằng Việt ngữ hiện đang ở cái giai

đoạn tương đương với giai đoạn của Pháp ngữ ở thế-kỷ XVIII hay XVII.

Trước kia, Việt ngữ chỉ dùng trong đời sống hằng ngày của dân gian ; các cụ hồi xưa không dùng nó để truyền bá khoa học, triết học hay văn học — tôi không có cái lối giảng của nhà Nho : *nhân chi sơ ra người chung sơ, Kỳ vi nhân đã ra thừa làm người vậy* là một lối truyền bá triết học hay văn học — Cho nên tuy xuất hiện từ mấy ngàn năm mà tới hậu bán thế kỷ trước, Việt ngữ vẫn chưa phát triển mấy mà cú pháp của ta, cách phô diễn của ta xét chung thì bình dị, mặc dầu ta đã có những tập thơ nôm rất hay.

Phải đợi đến khi tiếp xúc với văn minh phương Tây, học hỏi người phương Tây, ta mới có những quan-niệm mới, những lối suy nghĩ mới, và ta mới thấy cần phải diễn những cái đó ra. Nhu cầu mới đã bắt ta phải tạo những danh từ mới, những lối phô diễn mới. Trong nửa thế kỷ nay, những người viết văn hầu hết đều có tân học. Vì thông tiếng Pháp, nên áp dụng ngay lối phô diễn của người Pháp. Tình trạng đó rất tự nhiên. Người nào thận trọng, có tinh thần bảo thủ thì biết dung hòa Pháp ngữ và Việt ngữ ; kẻ nào cầu thả hoặc có tinh thần cấp tiến thì cứ theo đúng của Pháp.

Sự thí nghiệm đó cần thiết và bổ ích. Nó đã thi hành được khoảng nửa thế kỷ, nó sẽ còn tiếp tục lâu nữa, cho tới khi nào nền Đại học của ta dùng Việt ngữ làm chuyển ngữ được 10, 20 năm thì có lẽ lúc đó tình hình mới gần ổn định. Hiện nay có thể nói rằng ta đã đi được hai phần ba con đường.

Nếu không có những kẻ vì ngu xuẩn hoặc vì quyền lợi mà cản trở nó thì chỉ một thế hệ nữa, Việt ngữ sẽ vượt được hai trăm năm trong lịch trình tiến triển của Pháp ngữ, nghĩa là đương ở giai đoạn tương đương với giai đoạn thế-kỷ XVIII của tiếng Pháp, sẽ nhảy vọt tới giai đoạn hiện thời của tiếng Pháp.

Đã đi được hai phần ba đường thì ta cũng nên lần lần rút kinh nghiệm mà quy định cú pháp. Từ trước tới nay, vì còn đương dò dẫm, thí nghiệm, ai muốn viết sao thì viết, nên chưa có quy tắc nhất định gì cả.

Kể ra, hai ba chục năm trước, đa số các nhà văn và học giả đều mặc nhiên nhận một quy tắc tổng quát này : dùng hòa, theo Pháp nhưng rán giữ cho đừng « lai căng » quá. Đôi khi sự theo Pháp đó có chỗ gò ép. Chẳng hạn nhiều nhà cho câu : « Tới nơi thì hấn đi khỏi rồi » là sai ngữ pháp vì các nhà đó cho *tới* trong câu ấy là *Participe passé*, mà theo ngữ Pháp thì *Participe passé* đứng đầu câu « đi » với chủ từ trong câu, vậy *tới* đó là *hấn tới* và câu thành ra vô nghĩa. Lại có người bắt Việt ngữ phải có những tính mật của Pháp, mà theo tôi, chỉ là vô ích — vô ích cho Việt ngữ, chứ không phải cho Pháp ngữ — như bắt bề câu : « Nó tới với bạn » là thiếu ý, mà hỏi vặn : « Bạn của ai ? Nếu là bạn của nó thì phải nói : Nó tới với bạn của nó. »

Nhưng dù mắc những lỗi gò ép như vậy, các nhà văn lớp trước cũng đã có công làm cho Việt ngữ phong phú và sáng sủa thêm. Đọc lại tác phẩm của họ, ai cũng phải nhận rằng nhờ cái vốn Pháp văn vững,

nhờ có lương tâm và có tài, văn của họ có giá trị, không luộm thuộm, ít khi non nớt.

Bây giờ tình hình tệ hơn nhiều. Các nhà văn già thừa thớt lần, nghỉ viết, hoặc ít viết đi, trên văn đàn đa số là các bạn trẻ, ít chịu ảnh hưởng của tiếng Pháp, nên không áp dụng những quy tắc Pháp, mà quy tắc Việt thì chưa ai đặt ra, dầu có đặt ra cũng vì tất đủ uy tín để người khác theo, thành thử mỗi người có một chủ trương, mỗi người có đặt theo một lối rồi có kẻ lại đem dạy cho thanh niên. Tình trạng như muốn loạn.

Thỉnh thoảng cũng có người đem những quy tắc trong ngữ pháp Pháp bắt bẻ họ tất nhiên họ không chịu, cho rằng ngữ pháp Pháp không thể áp dụng vào ngữ Pháp-Việt được. Việt ngữ không có phần biến di tự dạng, không có *accord*, không có *conjugaison*, một tiếng lúc thì dùng làm tính từ, lúc thì dùng làm phó từ mà lối viết không thay đổi, như vậy mà phân tích câu văn theo lối Pháp thì không được. Họ có lý một phần. Ta không thể dựa vào ngữ pháp Pháp mà bảo họ rằng viết sai. Còn ngữ pháp Việt thì đã có ai quy định đâu ?

Vì vậy chúng tôi nghĩ phải đặt ra một số tiêu chuẩn dựa trên đặc tính của Việt ngữ sự hợp lý, sự sáng sủa, sự gọn gàng, sự cân đối, sự êm tai. . . để xét xem nên đặt câu ra sao, nghĩa là để quy định cú pháp.

Chúng tôi gom góp được trong sách báo, ít câu mà chúng tôi cho là không xuôi, hôm nay xin trình với độc giả rồi đưa ra ít ý kiến, phải hay trái xin độc giả chỉ giáo. Những câu đó chúng tôi không ghi xuất xứ, nghĩ việc này không cần.

Nhưng trước hết chúng tôi xin ba điều kiện :

— Điều thứ nhất :

Chúng tôi đứng về phương diện người cầm bút, tìm những cách phô diễn sáng sủa gọn gàng, thuận tai, vì vậy trong bài này chúng tôi chỉ xét cách viết của một số nhà văn chứ không phân tích cách nói của hạng người bình dân. Những thí dụ chúng tôi sẽ dẫn như đã nói ở trên, đều trích trong sách hay báo.

— Điều thứ nhì :

Chúng tôi cùng với một ông bạn đã xin kiểm duyệt và sắp in một cuốn về ngữ pháp Việt Nam, và cách phân từ loại của chúng tôi khác hẳn cách dạy trong các trường học; nhưng viết bài này chúng tôi phải tạm dùng những tên mà đa số độc giả đã quen như *động từ*, *tính từ*, *mệnh đề*. . . mặc dầu chúng tôi không cho rằng những tên đó là đúng. Đôi khi chúng tôi lại dùng cả những tên Pháp như *participe présent*, *participe passé* mà không cần dịch, vì chúng tôi nghĩ rằng đa số độc giả đều hiểu những tiếng đó; nếu có vị nào không hiểu thì chúng tôi đành xin lỗi thôi, chứ dịch ra hoặc giảng trong vài ba hàng cũng không thể làm cho các vị đó hiểu được.

— Điều thứ ba :

Xin độc giả đừng hiểu lầm chúng tôi; chúng tôi tuyệt nhiên không nghĩ rằng ngôn ngữ là một cái gì luôn luôn hợp lý. Ta không thể ép ngôn ngữ vào một khuôn khổ hợp lý được. Nói sai hay đúng là vấn đề quen tai quen miệng, cho nên có những điều rất vô lý mà một khi đã *thông dụng* thì chúng ta phải theo, không

thể đem môn luận lý ra mà bắt bẻ được. Chúng tôi chỉ xin cử ra vài thí dụ: Khi ta nói *sông Hồng-hà*, *núi Thất-sơn*, *đề-cập tới*. . . thì một tiếng dư. Vì *hà* là sông, *sơn* là *núi*, *cập* là *tới*; nhưng mọi người đã nói như vậy thì ta không có quyền chê là sai mà phải tìm hiểu tại sao ngôn ngữ lại biến chuyển lạ như vậy. Chẳng hạn ta có thể giảng rằng khi hai tiếng Hán đi liền nhau như trong ba trường hợp đó, thì qua tiếng Việt, một tiếng mất lần lần nghĩa đi (tiếng *hà*, tiếng *sơn*, tiếng *cập*) và nói lên ta chỉ còn nhớ *tới* nghĩa của tiếng kia thôi (*Hồng*, *Thất*, *đề*) nên ta phải thêm những tiếng *sông*, *núi*, *tới*; do đó mà hóa dư. Không hiểu lối giảng ấy có đúng không, nhưng đó cũng là một lối giả thuyết.

Nhưng khi một lối viết (hay nói) nào chưa được thông dụng, một số người viết (hay nói) thế này, một số người khác cũng khá đông viết (hay nói) thế khác; thì ta nên quy định cho lối viết (hay nói) được thống nhất; mà đã quy định thì nên theo những qui tắc nào đó: chẳng hạn theo sự hợp lý, sự giản tiện, sáng sủa, thuận tai...

Có thể rằng mười lần quy định chỉ bốn năm lần thành công nghĩa là được đa số theo; nhưng dù có thất bại thì công việc ta làm cũng không phải là vô ích; ít nhất thì cái việc thống nhất ngôn ngữ, ngăn bót trong một giai đoạn nào đó, hạn chế trong một mức nào đó, sự biến chuyển quá mau hay lộn xộn của một ngôn ngữ cũng là một điều nên làm; huống hồ là qui định rồi mà thất bại, ta mới rút được kinh nghiệm để tìm hiểu sự biến chuyển của ngôn ngữ. Công việc chúng tôi thử làm đây nhắm mục đích đó.

*
* *

Những nhận xét dưới đây có tính cách rời-rạc, không thành hệ thống vì chúng tôi mới thu thập được một số ít trường hợp làm chúng tôi suy nghĩ, chưa có thì giờ tìm tòi sâu rộng hơn.

I

Các nhà giáo khi vạch lỗi Việt văn cho học sinh thường dùng quy tắc này mà chúng ta mượn của người Pháp : *mỗi tiếng phải có một chức vụ và chỉ có được một chức vụ trong câu.*

Quy tắc đó là một quy tắc phổ thông trong nhiều ngôn-ngữ. Nó có ích cho nhà giáo. Nhiều học sinh lên tới lớp đệ tứ rồi mà còn viết những câu như vậy :

Trong câu « Gắn mực thì đèn, gắn đèn thì sáng » có nghĩa là...

Áp dụng quy tắc trên, ta giảng cho học sinh hiểu được ngay rằng tiếng *trong* ở đầu câu phải xóa đi vì nó không có một chức vụ gì hết.

Nhưng chúng ta nên nhận rằng áp dụng vào tiếng Pháp nó cũng không phải là luôn luôn đúng.

— Vì có những tiếng không có một chức vụ ngữ pháp nào trong câu, tức những thán từ (exclamation) như *ab ! oh ! hélas ! Mon Dieu !...* ; và những tiếng *expletif* như *vous, en*, trong các câu.

On vous le prend, on vous l'assomme (La Fontaine).

Il en est pour sa peine.

— Lại có trường hợp mà một tiếng có hai chức vụ, trường hợp những *pronoms relatifs* :

Le livre que je vous ai prêté est assez intéressant.

(*Que* trong câu đó vừa thay cho *livre*, làm bổ túc từ cho *avez prêté*, lại vừa đề nối hai mệnh đề : *le livre est intéressant* và *vous m'avez prêté*).

Nhất là câu :

(*Quiconque n'observe pas la loi sera puni.*

(Một tiếng *quiconque* công dụng ngang hai tiếng *celui qui*, nó vừa làm chủ từ của *observe*, vừa làm chủ từ của *sera puni* lại vừa nối hai mệnh đề trong câu).

Nhưng ta có thể cho đó là những ngoại lệ không làm hại gì cho quy tắc.

Áp dụng vào tiếng Việt, chúng tôi thấy nhiều nỗi khó khăn hơn.

Chúng ta cũng có những thán từ không có chức vụ ngữ pháp ; lại thêm, những hư từ đặt ở cuối câu như *ru, mà, ăa, ta, thay, vậy...* cũng chẳng có một chức vụ ngữ pháp nào cả.

Vả lại, có những tiếng như *thì, mà...* dùng cũng được, bỏ cũng được câu vẫn đứng vững, vậy thì làm sao áp dụng quy tắc đó mà viết cho đúng được ?

Một trường hợp nữa :

Ta nói : *Không có ai.*

Không có ai hết

Không có một ai hết

Chức vụ ngữ pháp của những tiếng một và hết là gì ?

Một trường hợp khác :

Ở và ở tại khác gì nhau không ?

Hôm qua tôi ở Long-Hải

Hôm qua tôi ở tại Long-Hải.

Ở *tại* coi là hai tiếng hay là một tiếng ?
Nếu là hai tiếng thì chức vụ của mỗi tiếng là gì ?

Theo chúng tôi nghĩ, phải đợi khi sự phân từ loại được chỉnh đốn lại, cho hoàn thiện hơn hiện nay, mới có thể áp dụng phần thứ nhất « *mỗi tiếng phải có một chức vụ* » của quy tắc kể trên, mà sự phân từ loại trong Việt ngữ là một việc rất khó.

*
* *

Đến như phần thứ nhì : « *mỗi tiếng chỉ có một chức vụ* » thì cũng còn tùy.

Trong câu :

Tôi đã tìm thấy cây bút anh đánh mất hôm qua thì cây bút có mấy chức vụ ? Nó là bổ túc từ của *tìm thấy*, mà có phải là bổ túc từ của *đánh mất* không ?

Và câu đó có mấy mệnh đề ?

Cuốn sách anh định mua đó về loại nào ?

Magellan là người đầu tiên đi vòng quanh thế giới.

Tôi ghét những bà mẹ mắng con sa sả suốt ngày

Cuốn sách, người, bà mẹ có mấy chức vụ ?

*
* *

Tóm lại, quy tắc « *mỗi tiếng có một chức vụ và chỉ có một chức vụ* » rất khó áp dụng trong nhiều trường hợp. Ta phải tìm hết những ngoại lệ rồi mới nên nhận nó là một quy tắc. Công việc đó chưa ai làm. Chắc cũng tốn công lắm.

II

Chúng ta nói :

1 — *Chịu chết chứ không chịu nhục.*
nhưng không thể nói :

2 — *Chịu chết chứ không chịu nhục đó.*
mà phải nói :

3 — *Chịu chết chứ không chịu nhục như vậy.*

hoặc :

4 — *Chịu chết chứ không chịu cái nhục đó.*

Tại sao vậy ?

Đọc câu 1 ta thấy thuận tai, đọc câu 2 ta thấy không thuận. Nhà Nho hồi xưa chê câu 2 là *chênh*. Chênh nghĩa là nghiêng lệch, là không bằng nhau. Ví dụ : giá gạo ở Hậu Giang lúc này chênh, ở Châu-Đốc thì rẻ, ở Cần-Thơ thì đắt. Câu 2 có hai phần : a — *chịu chết* ; b — *chứ không chịu nhục đó*. *Chết* là động từ ; *nhục* là danh từ. Hồi xưa cho danh từ là thực từ, động từ là bán thực từ ; Vì vậy các cụ cho là chênh. Câu 1 không chênh vì *chết* và *nhục* ở đó đều là động từ cả, đều bán thực cả. Câu 3 cũng vậy.

Nhưng câu 4 theo quan niệm của các cụ thì cũng phải chê nó là chênh (*chết* là động từ, *nhục* là danh từ) mà sao ta nghe vẫn xuôi tai ?

Theo tôi, bàn như cổ nhân chưa hẳn là sát lý. Có lẽ nên giảng như vậy thì hơn :

Đọc phần đầu câu 2, ta thấy *chết* là động từ ; khi đọc tiếp tới tiếng *nhục* ta cũng tưởng nó là động từ nữa ; đọc đến tiếng *đó* thì ta mới hiểu rằng *nhục* không phải là động từ mà là danh từ. Điều đó làm cho

ta ngạc nhiên, muốn tránh sự ngạc nhiên ấy, ta phải thêm tiếng *cái* ở trước *nhục*. Tiếng *cái* này nó báo trước cho ta rằng tiếng *nhục* đứng sau nó sẽ là danh từ chứ không phải động từ. Được báo trước rồi, ta không còn ngạc nhiên nữa.

Vì vậy mà câu 4 nghe xuôi.

* *

Mấy câu dưới đây không có lỗi, nhưng khi đọc chúng tôi thấy hơi vương vương :

5 — *Kẻ mơ mộng hão lúc nào cũng như đi trên mây, sống trong một thế giới khác, không ham muốn cái gì, làm việc cho đủ sống.*

6 — *Hạng người đó không dám ganh đua, rút lui trước khi thi sức rồi trốn vào giới mộng để tìm sự yên ổn.*

Câu 5 chúng tôi thấy vương ở giữa tiếng *gì* và những tiếng *làm việc*. Câu rõ nghĩa lắm, nhưng đọc xong không ham muốn cái gì chúng tôi cứ tưởng rằng tiếng *không* sẽ đi luôn cả với những tiếng *làm việc*.

Trong câu : *Nó không cử động, nói năng gì cả*, chúng tôi không thấy vương vì tiếng *không* đi với *cử động*, và *nói năng*.

Muốn cho khỏi vương — đây là ý nghĩ riêng của chúng tôi — ta nên sửa lại :

... *không ham muốn cái gì, chỉ làm việc cho đủ sống.*

Câu 6 cũng nên đổi một chút :

Hạng người đó không dám ganh đua mà rút lui trước khi thi sức... để cho độc giả khỏi tưởng là không dám rút lui.

Chúng tôi xin nhắc lại, hai câu 5, 6 đó đều rõ nghĩa, người đọc không thể hiểu lầm được ; nó chỉ có vẻ không thuận tai thôi.

* *

Những câu dưới đây không hẳn là tối nghĩa nhưng bắt ta phải suy nghĩ một chút rồi mới hiểu :

7. — *Sau khi mãn khóa, họ sẽ vẫn giữ liên lạc với nhà trường để hướng dẫn họ trong các vấn đề quá chuyên môn.*

Chúng ta mới đọc qua, tưởng rằng họ vẫn giữ liên lạc với nhà trường và họ sẽ hướng dẫn họ. Nên sửa là : ... để được hướng dẫn trong các vấn đề quá chuyên môn.

8. — *Ai nấy đều ngóng đợi ngày thứ ba, ngày mà chuyển tàu ở Sydney tới để đi San Francisco.*

Câu đó dịch câu tiếng Anh :

They all looked forward to the Tuesday when the boat for San Francisco was to arrive from Sydney.

Đọc bản dịch tôi tưởng là họ đi San Francisco ; coi lại nguyên văn thì không phải là họ đi San Francisco mà chuyển tàu đi San Francisco. Nghĩa khác nhau xa.

Nên dịch lại là :

Ai nấy đều đợi ngày thứ ba, ngày mà chuyển tàu từ Sydney đi San Francisco sẽ ghé bến.

9. — *Đả đảo Việt-cộng đề cao vô sản mà đàn áp nghiệp đoàn.*

Câu đó là một biểu ngữ nhắc người ta đả đảo Việt cộng. Viết như vậy thì *đề cao* và *đàn áp* cũng giữ một chức vụ như *đả đảo*, và người ta sẽ hiểu là phải *đề cao vô sản* và *đàn áp nghiệp đoàn*. Thực là vô lý.

Muốn cho rõ, phải sửa là :

Đả đảo Việt cộng, những kẻ đề cao vô sản mà lại đàn áp nghiệp đoàn.

10.— Câu: *Đà đảo Việt gian Cộng sản hại dân hại nước cũng mắc lỗi đó.*

Những thí dụ dẫn trong mục II này chứng tỏ rằng người đọc có cái xu hướng muốn cho câu văn đi xuôi một hơi, mà trong câu văn một tiếng ở trên như gọi một tiếng đồng loại ở dưới (như *chết* là động từ gọi một động từ là *nhục* — thí dụ 2; *đà đảo* là động từ chỉ trống (infinitif) thì *đề cao*, *đam áp* cũng là động từ chỉ trống — thí dụ 9); vậy mỗi khi ta thay đổi cái hơi văn thì phải thay đổi cách dùng tiếng, thay đổi vị trí, chức vụ của một vài tiếng, để cho người đọc khỏi hiểu lầm (như thêm tiếng *cái* trong câu 2 để làm cho tiếng *nhục* thành một danh từ, thêm tiếng *chỉ* trong câu 5 để người đọc biết rằng 2 tiếng *làm việc* không bị tiếng *không* ở trên chi phối).

Luật đó có thể gọi là luật *thuần nhất* hay không? hay là luật *tương ứng*? Những tiếng có chức vụ chính trong câu thường tương ứng để tạo nên một sự thuần nhất. Ta có quyền phá sự thuần nhất đó nhưng hễ phá thì phải đổi cú pháp.

Sự thuần nhất đó chẳng những chỉ hiện trong một câu, mà còn hiện trong hai câu đặt song song nhau, thành hai vế của một đoạn.

Tỉ dụ khẩu hiệu dưới đây viết chung trên một tấm bảng:

11 — *Lợi dụng công nghiệp của những người kháng chiến, Việt cộng phản bội Tổ-Quốc,*

12 — *Tham gia cách mạng Nhân vệ để hoàn thành công tác kháng chiến giải phóng miền Bắc.*

Câu trên, chủ từ là Việt - Cộng. Đọc tới câu dưới ta cũng tưởng chủ từ là Việt - Cộng nữa, sự thực thì khác hẳn: chúng ta phải tham gia cách mạng... chứ không phải Việt-Cộng phải tham gia. Vì vậy ta bờ ngỡ, suy nghĩ một chút rồi mới hiểu.

Bạn sẽ bảo: Nhưng sao trong các câu đối, thường thấy vẽ trên nói về một người, vẽ dưới nói về một người khác?

— Vâng, nếu là câu đối thì được; ở đây không phải là câu đối, phần trên chỉ rõ đích danh Cộng-Sản phần dưới không chỉ đích danh ai cả, cho nên không được.

So sánh với lập luận này trong bài *Kiều đi thanh minh* của Chu-Mạnh-Trình:

Dưới hoa nếp mặt gương lồng bóng
(chỉ Kiều)

Ngàn liễu rung cương sóng gợn tình
(chỉ Kim-Trọng)

hoặc với hai câu:

Khéo khôn ai cũng tranh phần được,
Trong sạch ta thời giữ mực thường.

của Nguyễn-Công - Trứ trong bài *Khuyên người đời* bạn sẽ thấy ngay rằng lối đặt câu trong biểu ngữ nói trên không hợp pháp.

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-HIỆN-LÊ

ĐẠI HÀN TRONG CUỘC KHỦNG HOẢNG QUỐC TẾ

Hoàng-minh-Tuynh

Ngày 16-5, cuộc đảo chính quân-nhân xảy ra tại Nam-Hàn ; ngày mừng 6-7, Bắc-Hàn ký kết minh ước phòng thủ hỗ-tương với Liên-Xô ; ngày 11-7, Bắc-Hàn lại ký kết minh ước thứ hai với Trung-Hoa Cộng-Sản : phải công-nhận đó là sự kiện mới lạ tại Đông-Á. Từ trước, ống kính thời sự chỉ hướng về Đông-Nam châu Á, nay có chiều hướng về Đông-Bắc châu Á do bởi biến cố trên.

Biến cố trên đã gây ra phản-ứng tại hai miền đất Đại-Hàn, đó là điều cố-nhiên. Nhưng sau đó ; phản-ứng lại lan ra trong một phạm-vi rộng lớn hơn, đúng như ông Khrouchtchev đã xác-nhận : đó là phạm-vi cuộc khủng-hoảng quốc tế đang triển dương nhân vụ Bá-Linh và hai nước Đức. Thử nữa, một nước hiện tại cảm thấy biến cố ở Đại-Hàn đang nhằm thẳng vào mình đó là Nhật-Bản ; Nhật-Bản đang bận tâm vì một nền độc-tài quân-nhân phát sinh tại Hán-Thành, tỏ ra rất khó chịu và rất lo-âu trước việc ký-kết bất ngờ hai Minh ước ràng buộc Bắc-Hàn với hai cường quốc Cộng-Sản bảo hộ là Nga và Trung-Hoa. Tuy nhiên Nga và Trung-Hoa khi hành-động trong vụ này, hành-động với tư cách Liên-Minh hay địch-thủ với nhau ? Đó là dilemma thứ tư cần xét trong một tình-thế hiện nay ai cũng thấy là trở nên rất mực phiền toái và phức tạp.

BẮC-HÀN ký kết Minh-ước với Liên-Xô rồi với Trung-Hoa Cộng-Sản để đối-đáp lại cuộc đảo chính quân-nhân ngày 16-5 tại Hán-Thành, đó là điều chắc chắn. Trước sự xuất-hiện một chính quyền quân nhân tại Nam-Hàn, Bắc-Hàn không thể ngồi yên và phải có phản-ứng. Hai Minh-ước có mục-đích cảnh-cáo Nam-Hàn, các nước Tây-Minh

và luôn cả các nước Á-Châu rằng Cộng-Sản không bao giờ chịu ở trong thế bị động. Mỗi khi phe chống Cộng tại Á-Châu tự-do tỏ ra có một thái-độ cứng rắn thì lập tức bên phe Cộng cũng đưa một thái-độ cứng rắn tương tự để đối đáp lại liền.

Như vậy có phải là Bắc-Hàn e sợ một cuộc tấn công của Nam-Hàn chăng ? Ít là trong lúc này, sự e sợ ấy thật là quá

ĐẠI-HÀN VÀ BÁ-LINH

thừa. Nam-Hàn hiện đang trải qua một cơn khủng - hoảng kinh tế trầm-trọng ; Nam-Hàn hiện nay không thể tính đến chuyện Bắc-tiến, và Bắc-Hàn cũng biết rõ như vậy. Chính quyền quân-nhân Nam-Hàn cũng tuyên-bố chính sách duy nhất của họ đối với Bắc-Hàn lúc này là chính sách kinh tế chứ không phải quân-sự : mục tiêu của họ là tái lập một miền Nam phần thịnh và tự-do, trong đó dân chúng sống sung-túc hơn ở miền Bắc. Vấn đề chính là xét coi liệu họ có thể thành công hay không. Nếu chẳng may họ thất-bại thì liệu các vị đại-tá trẻ trung của Hán-Thành có liệu mở một cuộc tấn công tự sát mà đánh dốc lên Bắc-Hàn chăng ?

Giả thuyết này có đúng hay không và sự e ngại của Bình-Nhưỡng, thủ đô Bắc Hàn, có thành thật hay không chẳng nữa, việc Nam-Hàn tấn công Bắc-Hàn lúc này có thể coi như không xảy ra được, vì lẽ giản dị nó sẽ gây ra tức khắc sự tham chiến của Nga và của Trung-Hoa.

Có điều thiết thực và nghiêm trọng hơn cho Bắc-Hàn là sự phát sinh một chế độ quân nhân ở Hán - Thành đã khuynh đảo hoàn toàn các khả năng gây ảnh hưởng của Bắc-Hàn đối với Nam-Hàn. Trong thời gian thi hành chế độ dân-chủ thời Trương-Miến và sau cuộc cách mệnh của các sinh-viên, miền Bắc tưởng như có thể mở một chiến dịch tấn-công hoà - bình bằng : tiếp xúc trao đổi văn - hóa, tuyên truyền thống nhất quốc - gia, tung cán-bộ thâm nhập các tổ chức Nam-Hàn. Tất cả những việc này bị tình hình chấm-dứt, Bắc-Hàn buộc lòng phải lui lại vị trí cứng rắn trước, sử dụng phương thế bên ngoài làm áp-lực, và hai liên-minh quân sự nói trên là hai áp lực chính vậy.

Thái độ cứng rắn của khối Đông phương lúc này giúp ích rất nhiều cho thủ-đoạn của Cộng-Sản quốc-tế, ít là cho Nga. Nó xảy ra cùng một lúc với thái độ cứng rắn của ông Khrouchtchev khi khởi sự tấn công vào Bá-Linh trong trận gay go nhứt của cuộc chiến tranh lạnh từ trước đến nay. Thái độ ấy được xếp đặt, xen kẽ vào trong cuộc khủng hoảng Bá-Linh do Mạc-Tư-Khoa tổ chức. Nhiều người còn cho Minh ước Liên-Xô — Bắc-Hàn đã nằm sẵn trong kế hoạch của hai nước từ trước khi xảy ra cuộc đảo chính quân nhân tại Hán-Thành ; và dù cuộc đảo chính này không xảy ra, Minh-ước vẫn ra mắt chào đời như thường. Đối với Mạc-Tư-Khoa, Minh-ước này, dù sao, cũng là một cách thể củng cố công cuộc phòng thủ Liên-Xô về tả dực phía Đông. Trước ngày gây cuộc khủng hoảng tại Âu-Châu, Mạc-Tư-Khoa tăng cường hệ thống chỉ huy chính-trị và quân sự ở Á-Châu. Hiệp-Chúng-Quốc như được cảnh-cáo phải án binh bất động trong vùng này. Ông Khrouchtchev như có ý nhấn bảo Hiệp-Chúng-Quốc đừng hòng chống đối áp lực Cộng-Sản tại Bá-Linh bằng cách mở một chiến tuyến thứ hai tại Viễn-Đông hay bằng cách sử dụng lực lượng của họ tại Nam-Hàn làm áp lực đối với Bắc-Hàn.

Đó cũng là một cảnh-cáo thẳng Hiệp-Chúng-Quốc, nhưng cũng nhằm luôn Nhật Bản vì Nhật-Bản từ năm 1952, vẫn là đồng minh chính của Hiệp-Chúng-Quốc tại Viễn-Đông và mới đây lại kết thúc lại với nước này một hiệp ước an-ninh hỗ-tương (hồi năm 1960) nữa.

CẢNH CÁO NHẬT-BẢN

Hiện nay ở Đông-kinh mọi người đều biết rằng, trước liên-minh của các nước trong hai khối kết thúc với nhau, nước Nhật sẽ phải lâm vào vòng chiến, nếu biên cương của thế giới tự do tại nước Hàn bị tấn công. Trong cuộc chiến này, Nhật sẽ phải đương đầu với Liên-Xô và Trung-Hoa Cộng-Sản. Do đấy, vị trí, của Nhật trở nên nguy - hiểm hơn ngày có cuộc chiến-tranh tại nước Hàn, Nhật bấy giờ chỉ đóng vai bàng - quan, lãnh thổ Nhật chỉ thụ động đóng vai căn cứ hậu bộ cho lực lượng Liên-hiệp-Quốc và Hiệp-chúng-Quốc.

Đó là điều không làm cho công luận Nhật ưa thích chút nào vì nhân-dân họ lúc này rất yêu chuộng hòa-bình, muốn hoàn toàn ở ngoài cuộc phân - tranh giữa hai khối, trong một chủ nghĩa trung-lập gần như ngây thơ, mâu thuẫn rõ ràng với sách-lược của chính-phủ họ. Chính Bắc-Kinh và Mạc-Tư-Khoa hiện đang nỗ lực gây ảnh hưởng trên công-luận Nhật, vận dụng cho công-luận này bất bình với chính-phủ bảo thủ và thân Mỹ. Hai thủ - đô Cộng-Sản có thể tính rằng Đại-Hàn là một con đường dốc, trước sau rồi sẽ dẫn tới một cuộc khủng-hoảng mới, như cuộc khủng-hoảng tất sẽ xảy ra khi nhóm quân - nhân sụp đổ hay khi nhóm ấy thất bại trong công cuộc phục-hưng xứ sở. Trong trường hợp này, điều cần là làm sao cho công-luận Nhật ngăn cản chính-phủ can thiệp vào việc nước Hàn, để cho họ thấy sau Bắc - Hàn có Trung-Hoa và Liên-Xô sẵn sàng xông vào trợ chiến.

Dù không đạt tới đó, Mạc-Tư-Khoa và Bắc - Kinh cũng thấy cần để cho người

Nhật nghĩ rằng không nên kết thân với nhóm quân-nhân Hán - Thành để gây sự biếm khích với khối Cộng-Sản, và Nam-Hàn là một nước láng giềng nguy-hiểm. Một trong những mục-tiêu của chính sách Cộng-Sản là dìm Nam-Hàn ở trong tình-trạng kinh tế bế tắc. Hiện nay, chỉ duy nước Nhật là có đủ khả năng cứu trợ Nam - Hàn. Mạc - Tư - Khoa và Bắc-Kinh tự thấy cần phải gây ra bất hòa giữa Đông-Kinh và Hán-Thành, sự bất hoà vốn đã có từ thời Lý-Thừa-Vân. Hai nước Cộng-Sản không muốn cho sự bất hoà được thay thế bằng sự giải hoà mà cả Hoa-Thịnh-Đốn, Đông-Kinh và Hán-Thành đều cùng mong muốn. Liên-Minh Liên-Xô và Trung-Hoa có thể phần nào cản trở cuộc hòa giải và khiến cho Nhật phải dè-dặt khi cứu-trợ Nam-Hàn và không dám tận tình nâng đỡ chính-phủ quân-nhân.

Sau nữa, việc kết thúc hai liên-minh trên cũng là cách thế Mạc-Tư-Khoa và Bắc-Kinh dùng để tỏ thái độ bất bình của họ đối với chính sách của Nhật. Khối Cộng-Sản từng hy-vọng kéo Nhật vào trong thế trung-gian, tách Nhật ra khỏi Hiệp-Chúng-Quốc để đưa lại gần Liên-Xô và Trung-Hoa Cộng-Sản. Mặc dầu có những biến cố xảy ra mùa hạ năm 1960, Nhật vẫn trơ trơ như đá, lại ký kết hiệp ước An-ninh với Mỹ-Quốc. Tổng thống Kennedy lên nắm chính quyền không đã động gì đến việc thay đổi cách thức áp dụng hiệp-ước. Cuộc du hành mới rồi của ông Ykeda lại thắt chặt thêm tình hữu-nghị giữa Nhật và Hiệp-Chúng-Quốc. Do đấy Mạc-tư Khoa và Bắc-Kinh đều đi đến kết luận này là họ cũng phải buộc lòng đi vào trong cái thế kết thúc liên-minh và phân liên-minh, tuy từ bao lâu, người Cộng-

Sân Trung-Hoa vẫn hằng tuyên bố không muốn có liên-minh quân-sự với bất luận nước nào tại Á-Châu hết.

TRỊ SAO KHÔNG KẾT THÚC MỘT MINH-ƯỚC TAY BA ?

Đứng trước những sự kiện đó, người Nhật không khỏi cho rằng những cái người ta gọi là xích-mích giữa Mạc-Tư-Khoa và Bắc-Kinh, đều là những điều người ta dụng tâm làm cho lớn truyện và có thể chỉ là điều phát sinh do một «Wishful thinking» (1) của người Mỹ mà thôi. Họ tự nhủ: «Đối với chúng ta, hiển-nhiên là trong thực tế hai nước không lẽ trong khối Cộng-Sản cùng theo đuổi một chính sách trên đất nước chúng ta».

Người Nhật nhận định không sai lắm, và các nhà bình luận bán chính thức ở Hoa-Thịch-Đồn đã tỏ ra thiếu thận trọng khi hấp-tấp báo rằng Minh-ước giữa Bắc-Hàn và Liên-Xô nằm trong kế-hoạch của Liên-Xô nhằm rút Bắc-Hàn ra khỏi ảnh-hưởng của Bắc-Kinh: năm ngày sau Minh ước Bắc-Hàn — Trung-Hoa chứng minh sự thật không phải như vậy.

Tuy nhiên, chính người Nhật cũng đi quá xa trong hướng suy luận của họ, việc Bắc - Hàn ký - kết hai Minh - ước song song không chứng minh rằng cuộc giao-hảo giữa Mạc-Tư-Khoa và Bắc-Kinh đều tốt đẹp hoàn toàn. Hơn thế, nguyên sự kiện có hai Minh - ước khiến người ta rất ngạc-nhiên và ngờ rằng có sự lũng-cung giữa hai Thủ-đô. Tại sao Bắc-Hàn lại ký-kết một lúc hai Minh-ước với hai nước trong một khối Cộng-Sản ? Tại sao ba nước không ký-kết chung một Minh-ước để tỏ mối đồng tâm nhất trí ? Càng

suy nghĩ sâu-xa, người ta càng thấy dư-luận của các giới ngoại-giao ngoại quốc tại Đông-Kinh cho rằng ở đây có sự «kéo phe kéo phái», giữa hai nước Cộng-Sản là đúng: việc ký-kết hai Minh-ước riêng biệt chẳng phải là bằng cớ tỏ ra rằng Trung-Hoa và Liên-Xô, trong khi cùng theo đuổi một mục - tiêu, hiện đang tìm thế tranh giành ảnh-hưởng tại nước Hàn ? rằng hai Thủ-Đô khó lòng quân-bình được tham vọng của nhau ? rằng Bắc-Hàn đang bị giằng co bởi một thế chỉ-huy lưỡng đầu, mà Bắc-Hàn chẳng phải là nước duy nhất trong thế giới Cộng - Sản chịu cảnh ngộ này ?

Dù sao chúng ta thử đem so-sánh tình thế Đông-Bắc Á-Châu, hồi năm 1958 và ngày nay. So-sánh như vậy, ta sẽ thấy trong vòng ba năm, bao nhiêu biến-cổ quan trọng đã xảy ra, nhưng biến cố đem lại một giải-đáp khá rõ rệt cho vấn-đề giao - dịch giữa người Nga và người Trung-Hoa.

Năm 1958, Mạc-Tư-Khoa và Bắc-Kinh nói gì ? họ nói không ký-kết liên-minh quân-sự mới mà chỉ hoàn tất những liên-minh hiện đã ký-kết ; họ không chủ trương gây-gổ nữa mà chủ-trương hòa giải về chính-trị cũng như về ngoại-giao. Chính sách của họ thu tóm thành một phương-thức : tạo ra một khu-vực hòa-bình tại vùng này ở Á-Châu, hay đúng hơn, một khu-vực « không có vô khí nguyên-tử ».

Đưa ra phương thức trên, Mạc-Tư-Khoa có ẩn ý gì ? Trước hết, Mạc-Tư-Khoa muốn cho Nhật ở trong khu-vực ấy, để bãi-bỏ các căn-cứ của Mỹ tại Nhật và để cho Nhật cam-kết không chế tạo vô khí nguyên-tử, Mạc-Tư-Khoa còn ngầm muốn

(1) Wishful thinking : vọng tưởng sờ ước.

cho Trung-Hoa Cộng-Sản cũng ở trong những nước « không có vũ khí nguyên-tử », (nếu không phương-thức của Mạc-Tur-Khoa đưa ra sẽ không có ý nghĩa và sẽ không thể thực-hiện được). Giữa hai điểm, có một liên-quan hợp lý : Mạc-Tur-Khoa cố dụ Nhật đứng vào thế trung-lập, để đỡ Trung-Hoa đừng trở thành « cường quốc nguyên-tử », để chắc-chắn giữ được chân Trung-Hoa khỏi bước vào cái « club » nguyên-tử.

Chính sách ấy đã bị thất bại cả về hai mặt. Trước hết về mặt Nhật-Bản, chính phủ bác-bỏ chủ nghĩa trung-lập bằng cách ký-kết liên-minh quân sự với Hiệp-Chúng-Quốc. Sau nữa Trung-Hoa, theo chỗ người ta được biết, cũng từ chối, không chịu ở trong cái thế một nước « không có vũ khí nguyên-tử ». Trung-Hoa cho rằng đề nghị giải trừ vũ-khí nguyên-tử trong khu-vực Thái-Bình-Dương, chỉ là đề nghị dùng để tuyên-truyền, nhất là trong khu-vực ấy, người Mỹ và người Nhật nhất định không chịu tài-bình. Trung-Hoa Cộng-Sản vốn đối lập với thuyết sống chung và hoà-giải, nhất định tiếp-tục chế tạo trái phá nguyên-tử, mà không cần đến sự giúp đỡ của người Nga. Chỉ từ nay đến năm 1965, Trung-Hoa sẽ có trái phá ấy, không chừng sẽ có vào cuối năm 1962 hoặc nội trong năm 1963.

Việc đột-nhiên ký kết luôn hai Minh-ước ở Bắc-Hàn làm phát sinh ra viễn tượng mới này. Mạc-Tur-Khoa đã mất hy-vọng kìm hãm « đồng chí » Trung-Hoa và ngăn cản biến cố đầy hậu quả tai hại, là biến cố Trung-Hoa Cộng-Sản thăng tiến lên hàng các cường quốc nguyên-tử. Đồng thời, Mạc-Tur-Khoa lại mất luôn hy-vọng trung lập hoá Đông-Bắc Á châu bằng phương thế giải trừ binh-bị và không chế tạo vũ-khí nguyên-tử. Mạc-Tur-Khoa chỉ có thể trung-lập hoá vùng này bằng cách đem sách lược liên-minh đối đáp với sách lược liên-minh, cũng như ở các nơi khác mà thôi.

Tóm lại, chính sách chủ-trương thiết-lập khu-vực « không có vũ khí nguyên-tử » đã thất bại hoàn-toàn. Trong vùng Đông-Bắc Châu Á này, không còn ai nhắc tới nó nữa hay chỉ nhắc để làm một lợi khí tuyên truyền. Thực sự, con đường mà hai Minh-ước kết thúc ở Bắc-Hàn vừa vạch ra, đang đi vào hướng đối-ngịch, hướng tăng cường tình-trạng cấm go, hướng người ta quen gọi là dùng sự khủng bố để giữ thế quân bình.

(Theo tài liệu của
« Le Monde diplomatique »).

HOÀNG-MINH-TUYNH



BÁCH KHOA

Đã đóng tới **TẬP 9**

CÓ BÁN TẠI TOÀ SOẠN VÀ CÁC HIỆU SÁCH

TẬP 10 SẼ CÓ BÁN TRUNG TUẦN THÁNG 9

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghĩ (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtcombank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

NHÂN NGÀY RẼM THÁNG

BẢY THỦ BÀN VỀ Y-NGHĨA

LỄ VU - LAN BỒN

NGUYỄN - VĂN - THU

(tiếp theo số B. K. 112)

Phương pháp phá ngục cứu tù.

NGUỜI ta chớ nên quan niệm tù nhân được tha do một ơn cứu rỗi nào, cửa ngục được mở do mệnh lệnh của một quyền lực nào. Không có thẩm-phán ký lệnh, không có Diêm-Vương tha lỗi, không có Ngọc-Để can thiệp và nhất là không có Phật Bồ-Tát hoá phép nữa. Phật có giỏi thì đã cứu nổi mẹ Ngài Mục Kiền Liên, nhưng Phật cũng chịu. Người đã từng nói « Thần thông bất năng định nghiệp ».

Phật có thể dạy cho biết cung cách thoát ra khỏi ngục nhưng biết cung cách cũng chưa đủ, phải thi hành và thi hành đúng phương pháp. phương-pháp ấy là *gây một cuộc cách mệnh* tinh-thần ở ngay nơi bản tâm tù nhân khiến cho họ thay đổi lối nhận xét và nhìn ra con đường độc nhất để giải thoát.

Sự giác ngộ.

Nói giác ngộ tức là phá vô minh.

Vô minh là gì? Tôi đã từng nghe giảng về Vô minh và từng đọc những bài bàn về Vô minh; nhưng thấy giảng sư đã quanh cửa chùa, luận gia rờ bốn vách mà nói đây là đường đi.

Thực ra vô minh là *không rõ*, có thể thôi. Không rõ cái gì?

Không rõ mình với ta tuy hai mà một.

Ta với mình tuy một mà hai.

nên đem cái chấp-ngã ra đặt ở giữa chiếu để sống theo đường lối *ích kỷ* có « ta ». Vì yêu ta, quý ta nên đem ta để trước sự vật, đặt ta lên trước mọi người thành ra kiêu căng, hỗn xược, không được thì đâm ra giận dữ, thù hằn, được thì đâm ra mê đắm, đến lúc mất thì đâm ra si ngốc, ngẩn ngơ mong tiếc.

Cuộc sống hằng ngày là một nỗ lực làm nở rộng cái ta bằng đủ mọi cách; nhà ta, cửa ta, con ta; thêm muốn mưu mẹo, lừa lọc, giết cướp ở đây mà ra cả. Ngày đêm không dừng ta đem hình hài thọ mạng đặt vào công cuộc phục-vụ cho lòng ích kỷ vì phục-vụ cho lòng ích kỷ cho nên gây ra một mớ tội báo.

Giữ chặt cái ta, bám vào nó tức là giữ chặt cái mớ tội mà cái ta đã gây ra bám chặt vào cái tổ chức hành phật tội nhân, bảo tồn cái nhân quả địa ngục và chung đúc cái sức kiên cố của tường sắt vách đồng và tăng thêm uy-thể cho bọn ngục tốt phán quan.

Vậy thủ phạm gây ra tội ác, gây ra địa ngục rõ ràng là cái ta đáng ghét.

Những giải thoát cái ta không phải là đem thủ tiêu nó đi; trái lại phải suy xét kỹ lưỡng về nó để chọn trí chiếu rõ cái tính hư ảo của nó. Rõ ảo tưởng, ảo dụng của cái ta tức là chuyển mê thành ngộ, chuyển cái tâm chấp có ta, có người thành ra cái thực trí người và ta vốn không một, không khác.

Khi cái ta gây ra tội là giả thì tất cả cái gì bám trên đất giả, xây dựng trên đất giả đều tự tan biến.

Mình xưa đã giết người nhưng lúc bấy giờ mình thấy mình khác với người nên mới thành tội giết người. Nếu bây giờ mình rõ người ấy cũng là mình thì mình có giết ai đâu, có ăn cướp của ai đâu, không làm thiệt cho ai bao giờ, không được lợi của ai bao giờ, làm gì có tội, làm gì có ai phạm tội thì làm gì có người chịu tội.

Trước kia là có, có hết cả nhưng có trong cảnh chiêm bao Nhân, Ngã Còn

chiêm bao thì cảnh trong chiêm bao vẫn thực, đến khi tỉnh giấc mộng Nhân, Ngã thì đâu ra vết tích sự vật trong giấc chiêm bao. Trước đây chính tội nhân là người xây ngục của mình và đã chung lưng góp sức để giữ vững những hình thức giam cầm họ, hành hạ họ. Chính họ đã tạo ra Diêm-Vương, phán quan, ngục tốt, ra vạc dầu, lửa đỏ, nước sôi, cả đến những cảm giác thời gian thọ tội vô cùng vô tận nữa....

Nhưng một khi phá tan được gốc rễ tội ác thì còn đâu đất bám cho những hình-thức định tội, thọ tội. Tôi đã không có đất bám thì các cơ-cấu hành tội cũng theo tội mà tan biến trong hư vô.

Cho nên suy tưởng với cái « ta » to tướng làm trung tâm so sánh, quyết định, tức là hành-động theo vọng thức, là sinh-hoạt trong ngục không gian, thời gian và đeo các thứ gông cùm của vọng cảnh, chịu một mớ tội do vọng tâm tạo ra.

Giải thoát được cái ta tức là nhất-như hóa với bản thể, tánh, tướng dụng của chân tâm tức là siêu xuất ra ngoài thời gian và không gian vì 2 món này chỉ là giả tướng, giả dụng của tâm pháp. Đã siêu thoát hết cả ảo ảnh, ảo tướng của thời Không, Nhân, Ngã thì lấy gì làm ngục, làm tội, làm hình-phạt mà phải cầu ai cứu rồi.

Phương pháp phá địa ngục như thế, không phải là phá một cái gì ở ngoài phá vào, mà phải phá tự ở trong phá ra tức là làm thế nào cho tội nhân chuyển được thức-tâm thành thanh-chí.

Công đức ấy người ta trông đợi ở Chư Tăng, Phật cũng trông cậy vào Chư Tăng. Có 2 lý do đã được nêu ra về điểm này :

— *Lý do thứ nhất.* — Phật đã ấn chứng pháp môn cần thi thiết, nhưng pháp môn này đòi hỏi sự gia hộ của Chư Tăng mới thành tựu vì chỉ có công đức của Chư Tăng mới chuyển nổi nghiệp thức nơi chúng sinh.

— *Lý do thứ hai.* — Phật muốn cho khi nào Phật không còn tại thế nữa, pháp môn Vu-Lan vẫn có thể thi hành được vì chỉ cần có 2 ngôi tăng và Pháp là đủ.

Cho nên thứ vị quan-trọng nhất trong nghi thức Vu-Lan được đặt vào tay Chư Tăng và ngày giờ cũng phải chọn cho *thời* được thuận tiện, *cơ* cũng được thuận tiện.

Cơ thuận tiện là lúc Chư Tăng họp lại một chỗ trong các khoá hạ.

Thời thuận tiện là ngày tự tứ tức là ngày mãn hạ, (hết khoá học rồi), Chư tăng đều hoan hỉ mà bỏ thí công đức. Ngày rằm tháng Bảy vì thế nhất định là ngày Khế cơ, Khế thời để cử hành lễ Vu-Lan.

Một mặt khác, lễ Vu-Lan đòi hỏi một hàng tâm ở nơi tín chủ, nhiều ít đặt vào trong một cái chậu hay cái mâm, cái quả đem *dâng cúng Chư Tăng*.— Tôi nói dâng cúng Chư Tăng chứ không phải là đem lễ Phật; điểm này quan trọng lắm.

Nếu lễ Phật tức là Phật nhận lấy trách nhiệm rồi; đằng này nút bấm là ở cơ quan tăng già kia mà. Các thầy cứ nhận đi, rồi có đem dâng Phật, trước khi thọ thí đó là chuyện riêng của các thầy kính Bề trên, còn chúng tôi tín chủ chỉ biết căn cứ vào giáo pháp của Đức Thế Tôn đem lễ Vu-Lan lại cúng giàng Chư tăng để cầu một việc siêu thăng cho tiên linh. Các Thầy mà thọ thí thì là các thầy

hoan hỉ, hoan hỉ chuyển pháp luân, có thể thôi !

Chỉ có thể nhưng mà lắm chuyện lắm ạ !

Bề ngoài thì mừng tượng như thế nhưng bề trong thì quyết nhiên không phải chỉ có thế.

Lễ vật đâu có phải là món thù lao giả cho mấy ông thầy kiện để chạy việc hộ.

Đâu có phải là một «Khoản trắng» để thúc đẩy các Thượng tọa đấu phép với Vua Diêm Vương ?

Muốn hiểu giáo lý Vu lan Phật, tử cần đã thông một cách dứt giáo ý nghĩa cúng giàng Chư tăng.

Tại làm sao ta lại làm một tín chủ !

Tại làm sao ta không để vải ta mặc, gạo ta ăn, tiền ta tiêu, ta không đem cho vợ con, anh em, bè bạn mà ta lại đem cúng nhà Sư.

Xin giả lời việc cúng giàng Chư Tăng là một pháp môn rất mầu nhiệm, càng thành kính bao nhiêu thời càng lợi ích bấy nhiêu. Thử hỏi đem của mình ra cúng cho người đã là của mất đi lại còn chấp tay chấp chân kính cẩn thỉnh thầy thọ lĩnh ! lời thôi quá...

Nhưng mình vẫn phải làm, và phải hiểu tại làm sao phải làm thế, một cử động hy-sinh là một cử động làm giảm bớt tham, sân, si của ta; một cử động nhẫn nhục, khuất phục là một cử động để phá bớt kiêu mạn của ta. Nói tóm lại về phía tín chủ, riêng cho tín chủ đã là một pháp môn tiêu tội và *tăng thêm* Đức hạnh. Nếu tín chủ cúng giàng Chư Tăng lại hồi hướng công đức cho Pháp giới chúng sinh lại càng quý hoá nữa và việc cứu rỗi tiên linh sẽ có hiệu lực.

Về phía Chư tăng thì cả là một sự khó nói. Nếu nói thật thì e có sự ngộ nhận, nhưng thà bị ngộ nhận còn hơn là không nói, không nói đúng.

Nhà Sư nhận của bố thí là có thể nói nhận tội thay cho tín chủ. Cho nên muốn lãnh thọ của tín thí phải có công đức tu hành (giới luật tinh nghiêm).

Những bậc Thánh tăng chứng được nhị không chơn trí (sinh không tức là không có nhân có ngã, và Pháp không thì dù có thọ của bố thí nhiều bằng ức núi Tu-di cũng đủ đức để chịu nổi). Người tín chủ được may mắn cúng giàng cho các Vị đó thì công đức hóa ra vô lượng, vô biên.

Vô lượng vì phép bố thí chân chính được thành tựu. Người thọ khí không khỏi nhân tướng, Ngã tướng nên thí phẩm do đó giải thoát được mọi tương đối hạn lượng Thời, Không (nhiều ít, to nhỏ, nặng nhẹ, vuông tròn, bản sạch, thơm chua, lâu chóng, xanh đỏ...). Cho nên công quả không nghĩ bàn được vì đó là những Pháp vô lậu, pháp không còn bị cái bụi bản Nhân Ngã nó hạn lượng.

Trái lại, nếu gặp phải những Sài chùa đã quét lá đã ăn lại không quét sạch lá rơi sân chùa mà còn thích oản mạn thì thật là buồn quá : Thí chủ không gặt được ích lợi lại còn gieo họa cho Sư Ông. Sư Ông không đủ đức để lãnh thọ, cuộc cúng giàng chỉ là chuyện vay giả của Ngài Thượng-tọa Tái-sinh.

Thượng-tọa Tái-sinh cũng như mọi con nợ khác..... Làm thân trâu ngựa đền nghì Trúc Mai.

Vì vậy cho nên chúng ta phải đợi ngày tự tứ, các Chư tăng hội họp đủ mặt, có kẻ dở cũng phải có người hay, lấy số nhiều để bảo đảm kết quả.

Hơn nữa khi Phật tại thế trong đám tăng già biết bao nhiêu là Bồ tát, La hán là các Vị thần thông quảng đại, phước huệ lưỡng tôn.

Sau này Phật đã nhập diệt rồi các Tổ nối nhau truyền đăng thì lại còn bao nhiêu Vị Nhục thân Bồ tát vì nguyện mà ở trong đời hóa độ chúng sinh. Cho nên trong giáo lý Phật-Đà là gồm cả phàm tăng, hiền tăng lẫn thánh tăng mới đủ gọi là Chư Tăng.

Phàm tăng là các Vị đầu tròn áo vuông, thụ giới tỷ-kheo để trau dồi đức hạnh, vị thứ ở dưới ngôi Tư-Lương.

Hiền tăng là các Ngài đã chứng ngôi Thập Trụ, Thập hạnh, Thập Hồi-hướng, Chứng Hiền Vị và sắp đăng Địa.

Thánh tăng là các Vị Bồ tát đã đăng địa từ lúc chứng ngôi sơ tâm hoan hỷ cho đến khi tu nhân đã tròn, chứng quả đã mãn, vào ngôi Đăng Giác, Diệu Giác mà vì 4 nguyện lớn nên chưa chịu nhập Niết Bàn.

Các Vị ấy vẫn luôn luôn có mặt ở nơi có kinh, có tượng để hộ trì Chánh Pháp.

Vả chăng Chư tăng gọi là Sư tức là Thiên, nhân Sư, thầy của Trời và loài người cho nên Tăng Bảo là một ngôi oai đức lớn ; vì oai đức rất lớn nên trong nghi thức Vu-lan các Vị ấy « như Pháp bố thí » diệu-lực.

Thế cho nên phía Chư tăng hiền oai nghi, thọ tín thí là khế hợp với đại nguyện của Chư Phật.

Phía tín chủ thành tín dâng hương là khế hợp với sở cầu của chúng sinh.

Nghi thức được thi hành đúng phép. Pháp luân tự chuyển, Hồng-Từ của Chư Phật, Uy đức của Chư tăng, tín lực của thí chủ làm chấn động cõi u minh, dội ánh sáng trí huệ vào thức tâm tăm tối của bọn tội nhân khiến cho họ tỉnh giấc mộng dị sinh (dị hình, dị tính, dị loại mà sinh ra cho nên gọi là chúng sinh). Chỉ có phương pháp ấy làm cho họ tự cứu họ thì mới cứu được họ, ngoài ra không còn có phương pháp nào khác nữa. Nói tóm lại, Hồng từ của Phật phải thấu suốt cõi u minh.

Mỗi mỗi chúng sinh nơi u minh phải riêng đón ánh tuệ quang chứ không ai giúp hộ được, kể cả Phật nữa. Chúng sinh đón được nhiều ít hay không đón được không phải là Bề trên lựa chọn mặt người tùy theo yêu ghét, nhưng do nguyên lực của thân nhân họ có thâm, sâu, cảm được đến họ hay không, do đức của Chư tăng có đầy đủ hay không, do nghiệp báo của chính thân họ dày mỏng ra sao. Mặt trời vẫn chiếu khắp nhân gian nhưng chỗ nào có nước thì mới hiện được hình mặt trời. Tâm chúng sinh chưa có nước công-đức thì làm sao chiếu được hình giải thoát.

Sau đây là mối giao cảm giữa tín chủ với Chư Phật qua trung gian của Hiền Thánh Tăng trong nghi thức Vu-lan.

Về phần người hành hương (Tín chủ)

Gọi là tín chủ đức tin là điều cần nhất. Kẻ cầu xin cho Ông bà, cha mẹ được siêu thăng phải hết lòng tin ngưỡng pháp môn Vu lan. Tín Pháp môn Vu

lan là tín Phật pháp, tín nhân quả thiện ác, là tín giáo lý Tam giới duy-tâm, Vạn pháp duy thức.

Tín chủ đã hiểu tội ác của tiên linh mình là do tham sân si kiêu mạn mà ra nên muốn cứu tổ tiên bản thân mình tất tu phải đến Phật Đài với tất cả lòng Chân thành, kính hồi, phải khởi lòng thương hết cả mọi loài hữu tình như thương mình, tha thứ cho hết cả mọi người, cầu xin sự giải thoát cho tất cả mọi người dù là thù hay là bạn, như thế trong thời gian từ vô thủy đến vô chung.

Tất cả tâm hồn phải chuyển thành một nguồn thương không phân biệt thân sơ, một suối hy xả không bờ bến điều kiện.

Phẩm vật trong chậu Vu-lan chỉ là thứ tượng trưng cái tâm cúng giáng của tín chủ mới định giá nối kết quả hành động cứu rỗi Ông bà cơ thân mình.

Về phần Đức Phật trong nghi thức Vu-Lan

Chư Phật không hề thủ vai trò mở cửa ngục hay ra lệnh cho kẻ khác mở cửa ngục. Vả lại nói Phật không phải là chỉ một Vị Phật nào mà là tất cả Phật của mười phương ba đời.

Vì có chúng sinh nên mới có danh từ Phật nên 4 thông nguyện của Chư Phật, Chư Bồ-tát là cứu hết chúng sinh khiến cho chúng sinh thành Phật. Nếu chúng sinh đều thành Phật thì không còn cái gì phân biệt Phật với chúng sinh nữa cho nên danh-từ Phật cũng chỉ là giả danh, Phật pháp cũng chỉ là giả lập để độ tận chúng sinh.

LỄ VU-LAN BỒN

Độ tận chúng sinh đó là nguyện 10 Phương Chư Phật.

Cho nên bất cứ đối với chúng sinh nào 10 Phương Chư Phật đều « *đồng nguyện thù từ* ». Cho nên tất cả mọi chúng sinh đều có thể ngửa trông lên mà đón lấy cái từ lực của Phật.

Sự đón nhận ấy chỉ được thành tựu hoàn toàn khi nào mỗi chúng sanh đều hiểu rõ ràng mình với Phật cùng một thể.

Mê thì là chúng sinh, lúc ngộ thời là Phật.

Một mặt khác mỗi mỗi chúng sinh cũng phải nhận thấy mình với mọi chúng sinh khác cũng không phải là xa lạ gì mà cũng đồng một thể.

Một chúng sinh cầu Phật phải ý niệm là hành động với ý chí vì toàn thể chúng sinh 10 phương mà cầu Phật và phải cảm thấy một người cầu cũng như 10 phương chúng sinh đều cầu cả. Như thế một chúng sinh cũng có thể có cái sức mạnh của 10 phương chúng sinh vì lẽ rằng họ không mang cái bản ngã ty tiện của họ mà lẽ Phật, trái lại họ đã dùng cả cái bản thể pháp giới mà cầu xin do đó cái nguyện lực

« *đồng thể bi ngưng* » sẽ vô biên như pháp giới.

Đồng thể bi ngưng nơi chúng sinh, đồng nguyện thù từ nơi Chư Phật nên Từ-bi thành ra một phương tiện viên mãn nó hàm cả đại giác, đại hùng, đại lực và nó thành tựu tất cả mọi món công đức.

Trước cái diệu lực đại từ bi ấy, cái thức tâm của tù-nhân một khi được chấn động, ánh sáng không Ngã, không Pháp chiếu dọi

vào thì cả ngục thành phải tan biến vào chỗ bản tính không không của nó cũng như người đau mắt khỏi bệnh thì tất cả các vòng tím tím, xanh xanh hết mùa may quay cuồng.

Mặt trời huệ đã soi sáng thì động sâu hang thâm nào còn có thể tối tăm u uất được nữa.

KẾT LUẬN

Hơn 300 năm trước, khi đi sứ sang Tàu Cụ Nguyễn-Du có lại lễ tại Đài Phân-Kinh, là chỗ Lương-Chiêu Minh Thái-tử dựng lên để kỷ niệm công đức san định kinh Kim-Cang.

Trong phút cảm thông, Cụ có ứng khẩu mấy vần kệ mà tôi còn mang máng nhớ :

Ngã tụng kim cang thiên biến linh

Kỳ trung áo diệu độ bất minh

Hạnh đạo Phân Kinh thạch đài Hạ

Chúng Chi Vô Tự thị Chân Kinh

Đại ý nói rằng Cụ hằng vẫn tụng kinh Kim-Cang đến hơn nghìn lượt, thấy trong kinh nhiều chỗ khó hiểu. Nay may mà được đến lễ đài Phân Kinh mới chợt hiểu rằng Chân Kinh vốn là một thứ kinh không có chữ.

Tác giả xin mượn câu chuyện kể trên làm đoạn kết đề tài lễ Vu-Lan Bồn với tâm nguyện Quý Vị tìm thấy dưới đây bồn Vu-Lan cuốn kinh Vô Tự của Cụ Nguyễn-Du. Khi đó, chúng ta khỏi phải bàn đến chuyện có không, không có của loại địa ngục duy thức.

NGUYỄN-VĂN-THU

XI. - ĐỜI HỌA SĨ

ĐOÀN . THÊM

N GƯỜI phương Tây ưa chuộng nghệ - thuật, thì tò mò xem xét thân-thể nghệ-sỹ để thăm dò ảnh hưởng cuộc đời tư vào sự-nghệp tác-giả.

Mỗi việc thuộc Manet hay Van Gogh... được ghi từng năm, có khi từng tháng, từng ngày: không những vẽ gia-thê, học-văn, hoàn-cảnh xã-hội, hoặc sự biến-chuyển trong phạm-vi kỹ-thuật, mà cả những điều lặt - vặt không liên - quan đến sáng-tác (1).

Sự nghiên-cứu quá tỉ-mỉ còn do lòng mền phục thiết tha, nhưng dù sao, cũng giúp người muốn tìm hiểu nhận xét kỹ hơn những yếu tố có thể ích-lợi cho sự phát-triển nghệ-thuật.

• •
*

GIA-THỂ

Hầu hết các họa-sỹ nổi tiếng, xưa nay đều thuộc giai-cấp trung-lưu. Có lẽ vì dưới thời phong-kiến, vẽ cũng là một nghề thủ-công (artisanat) mà hạng quý-phái không dám làm, vì họ quen nếp sống tung-hoành hay

(1) Ti-dụ: Tháng 4 năm 1861, cụ thân-sinh Cézanne theo ông lên Paris; tháng 7 năm 1878, Manet dọn nhà tới số 77 đường Amsterdam; — năm 1890, em gái Bonnard là Andrée lấy bạn ông là nhạc-sỹ Terrasse; — mùa đông năm 1901, Renoir sinh con trai thứ ba, đặt tên là « trái dừa, Coco»; — năm 1946, Picasso có đi nghỉ hè ít lâu ở Golfe Juan v.v... Không khác nào nhà văn-học-sử biên: tháng 1 năm 1646, thân phụ Pascal trượt trên tuyết và té gãy chân, hoặc năm 1642 thân phụ Molière lấy vợ thứ hai tên là Catherine Fleurette (chết năm 1536), ngày 3-2-1825 thi sỹ A. de Vigny cưới vợ....

THỬ TÌM HIỂU HỘI HỌA

phóng-đăng xa-xì, ít chịu cần-cù học tập, nên chỉ khuyến khích người khác rồi mua tranh thưởng thức.

Trong hàng trăm nhà danh-họa, chỉ thấy có vài người thuộc quý-tộc : Michel-Ange (1475-1564) một công-tử thanh-bạch, De Toulouse-Lautrec (1864 - 1901) một người tàn-tật, và Dunoyer de Segonzac (sinh năm 1884).

Một số xuất thân từ những gia-đình bán-bách, hoặc chính mình phải sinh nhai vất vả, song vẫn cố gắng và thành công : Francesca (1410-1482) con nhà thợ giày ; — Botticelli (1445-1510) con thợ thuộc da ; — Véronèse (1528-1588) con thợ đục đá, — Char-din (1699-1779) con thợ mộc, — Turner (1775-1851) con thợ hớt tóc, — Pérugin (1446 - 1524) người hầu một họa-sỹ, — Séraphine Louis (1564-1934) nữ-tỳ, chăn bò, — Bombois (sinh năm 1873) con người chõ thuyền, làm mướn cho nông-gia, rồi theo nghề xiếc, — Bauchant (sinh năm 1883) con người coi vườn, cũng làm lao-công, — Pignon (sinh năm 1905) thợ gói hàng, thợ phụ hãng Citroën thợ rửa ảnh....

Là con cháu họa-sỹ, hai ba đời liền :

Jérôme Bosch (1450-1516) Cranach (1472-1553) Clouet (1475-1540) Raphaël (1483-1520) Holbein (1497-1543) Brue-gel (1530-1569) Le Greco (1541-1614) Magnasco (1667-1747) Tiepolo (1693-1770) Boucher (1703 - 1770) Vernet (1714-1789) Ingres (1780-1867) Utrillo (1883-1955) Picasso (sinh năm 1881)

Braque (sinh 1882) Hartung (sinh 1904).

Cả mấy anh em ruột cùng là họa-sỹ :

Van Eyck (1380-1441) Les frères de Limbourg (thế-kỷ XV) Ghirlandajo (1449-1494) Le Nain (1588-1648) Villon (sinh 1875).

Như vậy, phải chăng ảnh-hưởng của hoàn-cảnh gia-đình hoặc sự di-truyền cũng khá mạnh, trong sự nảy nở các xu-hướng và tài-năng ? Nếu phụ-huynh chẳng huấn luyện cho con em như ở trường-hợp Bellini và Boucher, thì cũng khiến họ bất-chước theo đòi. Song một số họa-sỹ không may bị cha mẹ ngăn cản khi muốn noi đường nghệ-thuật, nên đã tồn thời giờ lạc sang môn học khác, về sau vật nài dai dẳng mãi mới được toại-chí : Courbet, Cézanne phải học Luật rồi bỏ, Manet đành vào ngành hàng-hải một thời-gian, Sisley và Pissaro khi bắt đầu vẽ đã hơn 25 tuổi.

* *

ĐÀO-LUYỆN

Tuổi học — Muốn dễ thành tài, dĩ-nhiên cần có những năng-khiếu hay thiên-bẩm, mà nhiều vị đã sớm tỏ khi còn thơ ấu. Giotto (1267-1337) chăn cừu thuở bé, họa được súc vật rất khéo, Cimabué (1240-1301) đi qua trông thấy, xin về làm con nuôi và dạy vẽ; Turner hồi mới bảy tám tuổi đã bày bán tranh ở cửa tiệm hớt tóc của cha.

Nhiều vị được học từ 14 tuổi : Vélasquez, Vouet, Gainsborough (1727-1788) W. Blake (1757-1827) Soulages (sinh 1919), hoặc trong khoảng 14-17 tuổi: Mantegna (1431-1506) Gros (1771-1835) Turner, Ingres, Monet, Modigliani (1).

Một số lại nảy nở rất sớm, hoặc rất muộn :

Từ 11 tuổi: Caravage (1573-1610), Raphaël: ông này năm 28 đã nổi tiếng vì kiệt-tác đầu tiên, L'Ecole d'Athènes.

Dali (sinh 1904) vẽ từ năm lên 10, và ngày đó đã tỏ ra khuynh-hướng Siêu-thực: đứng trên lầu nhảy lộn xuống đất để gây kinh-ngạc, một đặc-tính ở tranh và râu của ông sau này.

Picasso bắt đầu sáng tác khi 12 tuổi và năm 14, thi vào trường Mỹ-thuật, đáng lẽ chỉ cần nộp bản trong một tháng, thì ông vẽ xong trong một ngày.

Renoir mãi đến 21, và Cézanne 23 tuổi mới vào nghề, dù sao còn sớm

(1) Các trường Mỹ-thuật hiện nay ấn-dịnh tuổi-nhập học là 12-16 (Việt-Nam) ở cấp Cao-Đẳng tối-thiểu là 15 (Việt-Nam, Pháp).

Trường Cao-Đẳng Mỹ-Thuật ở Pháp không buộc phải có bằng cấp trung-học để thi vào, như ở các trường Cao-Đẳng khác. Nhưng học-văn phò-thông chắc cũng không thừa đối với họa-sỹ. Học càng rộng, thì tài cũng dễ lên cao? Léonard de Vinci là một nhà bác-học quán triệt cả toán-học, vạn-vật-học; — Le Gréco giỏi cả về văn-chương, triết-học, kiến-trúc. Ở thời cận-dại, rất nhiều danh-họa đã qua bậc tú-tài và học một vài năm ở đại-học và các ban kỹ-sư (Derain, Juan Gris), Thuốc (Bazille), Văn-chương (Max Ernst), hoặc Luật (Courbet, Cézanne, Degas, Bonnard, Jongkind, Matisse, Villon, Kandinsky). Hartung học cả thiên-văn, triết-học, sử-học.

hơn Frans Hals (1580-1660) 36 tuổi, và Gauguin 41 tuổi khi dứt bỏ các công việc khác để cắm chổi sơn.

Cách học-tập. — Như đã trình ở bài trước, đại-đa-số theo học một vài thầy ở xưởng vẽ, họa-viện tư hay trường công (1).

Người ta hay phàn nàn rằng ở trường công, sinh-viên bị gò bó trong các khuôn-khổ chật hẹp. Song cũng có những giáo-sư hiểu biết rộng rãi, chỉ hướng dẫn và khuyến khích cho theo sở-trường để dễ phát huy biệt-tài, nên đã đào-tạo được nhiều học-trò nổi tiếng: tỉ như: Gustave Moreau (1826-1898) thầy của Matisse, Marquet, Rouault.

Nếu học tư, thì dễ chọn thầy hơn, nhưng nghệ-sỹ thường quá chuộng tự-do, hoặc giàu lòng tự-ái, nên cũng xảy ra những vụ nổi loạn, như Manet chống Thomas Couture đến nổi tôn-sư phải mời ra khỏi cửa: định học thầy hay dạy thầy đây? (2).

(1) Chế-độ trường Cao-dẳng Mỹ-thuật Pháp: mới đầu phải thi vào lớp dự-bị (classe préparatoire) để học và sửa soạn thi vào ban Hội-họa. Không cần bằng cấp gì, miễn là đủ 15 tuổi. Khi thi vào ban Hội-họa, phải đủ 17 tuổi và không quá 26 tuổi (Elèves titulaires). Chỉ những sinh-viên thực-thụ này mới sẽ dự thi để lấy những giải thưởng của trường. Người ngoại-quốc cũng có thể theo học như trên, hoặc xin vào với tư-cách bằng-thỉnh (auditeurs libres) miễn là không quá 35 tuổi, và được sự ưng-thuận của các giáo-sư phụ trách về các xưởng vẽ.

(2) « Mon ami, si vous avez la prétention d'être un chef d'école, allez en créer une ailleurs » (theo Georges Bataille: Manet, Skira).

Lại có người tin rằng chẳng cần học ai, cứ tùy tài mà vẽ: như trường-hợp các họa-sỹ Hồn-Nhiên (Naïfs). Nhưng xét kỹ, Henri Rousseau tập vẽ ở các viện Bảo-Tàng và đã được nhiều bạn khuyên bảo: Picasso, Marie Laurencin, Fernand Léger, Apollinaire và nhất là William Uhde, người đã khám phá ra cả Bombois, Séraphine Louis v.v... cùng một họa-phái (1).

Quả như người xưa đã nói, học thấy chẳng tây học bạn. Hầu hết các danh-họa, nhất là trong hơn trăm năm vừa qua, đều nhờ cạy, khuyên nhủ, dìu dắt lẫn nhau, hội họp bàn cãi, cùng vẽ một nơi hay thí nghiệm một phương-pháp, rồi về sau các nhà phê-bình mới phân chia ra từng nhóm. Monet năm 1858 gặp Boudin thuyết phục cho theo cách vẽ ngay trước cảnh, sức nghĩ ra đường lối mà đi tới Ấn-Tượng, và chính ông nhận rằng sự tương-phùng đó tột quan-trọng cho đời nghệ-thuật của ông (2). Rồi luôn luôn người ta thấy ông với những bạn sau này nổi tiếng Jongkind, Bazille, Sisley, Renoir, Seurat..., ngồi vẽ ở bờ biển, trong rừng, trên bờ sông Seine v.v... Trước khi tìm thấy bút-pháp riêng, đã nhiều lúc Cézanne chịu ảnh-hưởng của Pissaro, Van Gogh của Signac, Vlaminck của Van Gogh, Matisse của Monet, và rất nhiều người lớp sau, của Cézanne hay Gauguin.

Học người đồng-thời, họ còn học tiền-bồi nhiều hơn, ở các lâu đài treo tranh cổ, hoặc ở các viện Bảo-tàng (3). Họ chịu khó nghiên cứu các tác-phẩm cũ hoặc vẽ theo mà khám phá

lại những bí-quyết nghệ-thuật của người trước, rồi mới tìm ra được những đường lối riêng không kém đặc-sắc, và lạ hơn nữa, là có khi khác xa của những đàn anh được ngưỡng-phục. Đó là trường-hợp của Rubens đối với Mantegna, Michel-Ange, Carache, Le Caravage; — của Goya đối với Vélasquez; của Turner đối với Poussin và Watteau; — của Vlaminck đối với Van Gogh, — Cézanne học hỏi Delacroix, Rubens, Le Tintoret và Courbet; — Picasso ưa chuộng Le Greco và Ingres; — Một người bề ngoài ngang-tàng và « phi-lý » như Dali, đã thừa nhận Ấn-Tượng, cùng những ưu-điểm của các họa-sỹ Hòa-Lan Thế-Kỷ XVII và Tân-cổ-điển như David hay Ingres. Không mấy ai xem xét, thấu hiểu, phục tòng Cổ - điển và nhất là Cézanne, bằng André Lhote tuy ông vẽ theo Lập-thể. Trừu-Tượng đi ngược lại Thế-hiện: ai ngờ đâu nhiều họa-sỹ mới lại thường thức tranh kiệt-tác cũ: Manessier (sinh 1911) đã tập vẽ phỏng tranh Rembrandt, Le Tintoret và Renoir ở viện bảo-tàng Le Louvre; — Nicolas de Staël (1914-1955) rất trọng Vermeer, Rembrandt, Cézanne

(1) Mỗi nhà danh-họa đều qua nhiều giai-đoạn sáng-tác, có người biến chuyển không ngừng và khó lường, như Picasso. Còn những người « hồn nhiên » xét ra trước sau chỉ có một lối: phải chăng vì thiếu học tập, tuy có thiên-phú?

(2) « Ce fut tout à coup comme un voile qui se déchire, j'avais saisi ce que pourrait être la peinture » (theo Jean Leymarie: L'Impressionnisme, Skira)

(3) B. K., số 112

và Matisse; — *Ravel* (sinh 1915) coi như gương mẫu, những tranh của Daumier, Cézanne, Van Gogh và Villon; — *Soulages* (sinh 1919) cũng học như Manessier và thích các họa-phẩm kiểu « roman » thời Trung cổ (1).

Khi phân tích nghệ-thuật Renoir, một người mến Diaz, Courbet, Delacroix, Véronèse... người ta đã thấy ông rút nhiều kinh-nghịệm ở tác-phẩm của các vị này, tránh được nhược-điểm, dung hoà các vẽ đẹp mà tiền đền những đặc-sắc chưa từng thấy. Ông từ bỏ màu đen xam của Diaz vì dễ phai nhạt tuy lúc đầu có thể lộng lẫy, xa lánh những luận-đề bằng nét vẽ của Courbet, sự tương-phản quá rõ rệt sáng-tối của Manet, những mây khói xóa mờ hình-thể của Monet, những đề-tài lãng-mán và có tính-cách Cân-đông giả-tạo của Delacroix... Nhưng ông học được của Courbet cách trực-tiếp giao-cảm với cuộc sống thiết-thực, của Monet những bóng rắng thơ mộng, của Delacroix lối biến chuyển màu sắc trong trẻo mà ông hoà hợp với ánh sáng của Rubens và Raphaël, nên phơi bày ra được những vẽ mềm mại, ông chuốt ở những cảnh những người đầy nhựa sống như chắt sỡ của ông (2).

Du-lich — Cũng như văn-nhân, họa-sỹ năng đi lại các xứ ngoài để hiểu biết nhiều hơn và trau giồi nghệ-

thuật. Nhờ sự giao-thông và giao-thiệp dễ dàng ngay từ thời cổ, họ đã gặp nhau nhiều để trao đổi kinh-nghịệm, khiến hội-họa tiến mau và mang tính-cách quốc-tê sớm hơn nhiều ngành sáng-tác văn-hóa.

Từ thế-kỷ XIV, họ ở các nước Âu Châu kéo sang Ý, rồi trở về truyền lại những điều mắt thấy tai nghe ở Venice, Florence, Milan, Rome... Người Y-Pha-Nho như Vélasquez, người Hoà-Lan như Rubens, người Pháp như Ingres, người Anh như Reynolds... đều đã qua hoặc ngụ khá lâu bên xứ-sở của Michel-Ange mà chiêm ngưỡng những kỳ-công rực rỡ trong các lâu đài. Về sau này, họ còn toả ra các nước khác, lắm khi được các vua chúa mời: Leonard de Vinci sang Pháp với François I^{er}, Holbein từ Đức sang Anh với Henri VIII; Le Titien từ Ý sang Đức với hoàng-đế Charles-Quint, v.v... Monet tìm hiểu Turner và Constable tại Londres; — Matisse sang Maroc, ở những vùng biển và cát mênh mông rực sáng, thấy nảy ra nhiều đề-tài mới, và hoàn thiện một bút-pháp khoáng-đạt, giản-dị, và thuần-nhã (1); — Gauguin lang thang trên các đảo Martinique, Tahiti và Marquises, giữa cảnh bí-mật và người chắt-phác hợp với tâm hồn ông, và kích thích cho ông thực hiện những tác-phẩm bắt-hú (2): — Đọc

(1) Le XX^e siècle P. Tisné et B. Dorival
Les peintres d'aujourd'hui — Pierre Courthion.

(2) Phòng theo một phần nhận xét của Denis Rouart: La leçon de Renoir. Skira,

(1) như Zorah debout (1911) Tangor, fenêtre (1912) Sur la terrasse (1912) Porte de la Casbah (1912) Le Rifain (1913) Les Marocains (1916) Oda-lisques (1927-28) v. v...

(2) như Tahitiennes sur la plage (1891) Vahiné, Ta Matete (1892) Maternité (1896) D'où venons-nous? Que sommes-nous? Où allons-nous? (1897) v. v...

tiểu-sử các họa-sỹ hiện nay còn sống, thấy họ xuất ngoại rất nhiều : Har-tung người Đức, đã qua Ý, Y-Pha-Nho, Hoà-Lan, Bỉ, Thụy-Điền ... Cha-gall người Nga trú ngụ ở Paris biết miền Cận-Đông và Hoa-Kỳ ...

Nỗ-lực — Trong một tác - phẩm, người ta thường chỉ sẵn sàng ưa ghét hay khen chê, và dẫu thường thức, cũng chỉ nghĩ đến tài-năng, ít khi tới thời-gian và công-phu đã tốn : đó là một lệ chung mà tất cả các ngành sáng-tác đều phải chịu.

Song tài thì biết lấy chi đo lường, lại còn có người như Pasteur tin rằng tài chẳng qua là sự kiên-tâm ; dù sao, khó lòng phân biệt ở một kết-quả rực-rỡ đâu là phần thiên-tư huyền-bí, đâu là phần cố gắng tùy sức cá-nhân : tuy-nhiên, sự-kiện này ở hội-họa rất quan-trọng, và xét kỹ, thì trong nhiều trường-hợp, sự chịu khó và bền gan của họa-sỹ lên một mức rất cao, hiện ra nhiều hình-thức.

Nhiều tác-phẩm lâu năm mới thành : 3 năm, bức « Đức Bà bên núi La Vierge au rocher » của Léonard de Vinci ; — 4 năm, tranh sơn trần thánh - cung Chapelle Sixtine, của Michel-Ange ; 5 năm, « Ngày tận-thê Jugement dernier » cũng của ông này.

Một bức cũng đòi nhiều công. Theo nữ - họa - sỹ Berthe Morisot em dâu Manet, thì Manet bắt cô Gonzalès ngồi đi ngồi lại để vẽ tái vẽ hồi, đến lần thứ 40 còn chưa vừa ý, nên xóa cái đầu. Ambroise Vollard kể lại : Cézanne họa chân-dung ông, ông phải ngồi 140 phiên, rồi họa-sỹ mới bảo :

cái vạt áo sơ-mi trước ngực, lần này trông cũng không đến nỗi nào (je ne suis pas mécontent du devant de la chemise).

Với đức kiên-nhẫn đó, Cézanne đã trở lại nhiều phen cùng một đề-tài, nhất-quyết đi đến toàn-mỹ : Những người đi tắm « Baigneurs, Baigneuses », vẽ năm 1879-1882, rồi 1885-87, lại 1895, để thành tranh Grandes Baigneuses 1898 - 1905 ; núi Montagne Sainte-Victoire : 1885, 1898, rồi 1904-1906 mới bộc lộ được hết vẻ đẹp cao và mạnh của ông ; chính ông đã nói : chỉ cần một ít bản - lĩnh, với nhiều công-phu kỹ-thuật, người ta có thể tiến rất xa « avec un peu de tempérament et beaucoup de science, on peut aller fort loin ».

Tuy-nhiên, ông vẫn chưa thi gan được với một người lớp trước : In-gres đã vẽ thử 250 lần rồi sắp đặt lại 10 lần mới xong bức « Le Martyre de Saint Symphorien », và hơn 400 lần bức « L'Âge d'or » (1)

Như André Lhote đã kết luận, nhân dịp nghiên cứu về ngành chân-dung : thiên - tài không bùng nổ ngay ra thành - quả vĩnh - viễn, nhưng xuất động dần dần mỗi ngày một mạnh và đúng hướng hơn (Le Génie nous apparaît procéder non par déflagration soudaine et définitive, mais par des explosions successives de plus en plus intenses et de mieux en mieux orientées (2))

(1) Theo André Lhote : Parlons peinture — In-gres vu par un peintre.

(2) André Lhote : Traité de la figure : Vingt fois sur le métier.

ĐOÀN-THÊM



Léonard de Vinci



Michel Ange



Raphaël



Le Titien



Vélasquez



Rubens



Rembrandt



Goya



Poussin



Ingres



Delacroix



Corot

Dĩ-nhiên chẳng phải nhà danh-họa nào cũng miệt mài lâu như vậy, nếu không, thì một đời sáng tác được bao nhiêu ? Song dù tài-hoa phát hiện mau lẹ, sự nỗ-lực cũng đáng kính. Rubens, từ 1622 đến 1625, hoàn thành 21 họa-phẩm lớn trên tường, thuật lại tiểu-sử hoàng-hậu Marie de Médicis ; — Rembrandt trong ngót 40 năm, để lại hơn 700 tranh, 250 bản

vẽ khắc « eau - forte » với hơn 1000 bản vẽ linh-tinh : ấy là chỉ kể số còn lưu được ở các viện bảo-tàng và các lâu đài công tư (1)

(1) *Sommets des Beaux - Arts* — của Harteel và Swanenburg.

Eau - forte — bức họa vẽ trên ấn-bản kim-khí. Lấy sáp ong bôi trên bản đồng, dùng bút sắt nhọn khắc cho tơi đồng ra, rửa cả bản vào acide nitrique, chất cường-toàn này nhằm găm đồng theo kẻ vạch. Nhiều họa sỹ theo cách này : Dürer, Bruegel, Van Dyck, Tiepolo, Watteau, Boucher v. v. . .

THỬ TÌM HIỂU HỘI HỌA

Nhưng ai theo kịp Van Gogh phóng bút tùy rung cảm như nhà thơ ngẫu hứng ? 200 bức từ cuối 1886 đến giữa 1887 ; và 150 bức năm 1890, sau khi ra khỏi nhà thương điên, 3 bức lớn sau ngày 1/7, bức Marie d'Auvers trong ngày 14/7, nghĩa là một tuần trước khi tự tử. (1)

Còn nhiều nhà danh-họa sống lâu hơn, lại cũng cặm cụi đến cùng, nên số sản-xuất càng nhiều, khó lòng đếm hết, Degas, Monet sắp hỏng mắt còn vẽ Renoir bị tê liệt cả tay rồi (1912) còn buộc bút vào kẽ hai ngón để làm việc, tranh vẫn đẹp, như bức « Người giặt giũ Les Lavandières 1913 » : ai biết được tổng - số tranh của ông trong 55 năm từ ngày trưng bày bức đầu tiên ? Trước ông, Goya vẽ trong 57 năm, và đồng-thời với ông Gauguin 29 năm, Manet 33 năm, Cézanne 46 năm, Matisse 58 năm, Monet 68 năm, Picasso từ 65 năm nay(2)

(1) Van Gogh — Etude critique của Charles Estienne.

Vie de Van Gogh của G. H. Sibert.

(2) Chỉ kể từ khi có bức họa ký tên lần đầu. Không hiểu vì sao phần đông các danh-họa thọ lâu thế ? Xin thử xét từ cổ đến nay, và ngoại lục-tuần không đáng kể.

Từ 70 đến 80 tuổi : Gerard David 73, Perugin 78, Mantegna 75, Lotto 76, Le Titoret 72, Le Greco 73, Poussin 71, Le Lorrain 82, Le Nain 70, De Champaigne 72, Lebrun 71, Tiepolo 77, Desportes 72, Fragonard 74, Vernet 75, Blake 70, J. L. David 77, Boudin 74, Corot 79, Daumier 71, Jongkind 72, Pissaro 73, Renoir 78, Turner 76, Derain 74, Dufy 76, Picabia 74, Rouault 77, Utrillo 72.

Trên 80 tuổi : Ucello 86, Francesca 82, Signorelli 82, Michel-Ange 89, Le Titien 96, Le Lorrain 82, Magnasco 82, Chardin 80, Greuze 80, Mme Vigée-Lebrun 87, Jordaens 85, Mignard 83, Liotard 87, Goya 82, Ingres 87, Monet 86, Matisse 85.

Những lão-họa-sỹ còn sống : J. Arp 74, Braque 79, Chagall 74, Cocteau 72, Foujita 73, Gromaire 69, Rhote 76, Miro 63, Picasso 80, Van Dongen 84, Villon 86....

Chỉ có một số ít chết non : Raphaël 37, Giorgione 34, Le Corrège 43, Bruegel 39, Vermeer 43, Watteau 37, Gericault 33, Seurat 32, Toulouse-Lautrec 37, Van Gogh 37, Modigliani 36.

THÂN-THỂ

Muôn thành công tất phải làm nhiều. Song thiện-chí tùy người, kết-quả còn tùy hoàn-cảnh, nên cần xét cuộc đời riêng khổ hay sướng, sống gió hay phẳng lặng, đã ảnh hưởng như thế nào tới sự sáng-tác ?

Về phương-diện này, một điều được truyền-khẩu và tiếp nhận dễ dàng không kiểm soát, là tài mệnh thường xung đột, xuất-nhân hay gặp gian-lao, và có đau khổ mới thành kiệt-tác.

Với thói quen hồ nghi những tin đồn và câu sáo, — kẻ thù số một của sự nghiên-cứu và phán-đoán, — xin thử tìm tòi một cách thận-trọng hơn trong thân-thể các họa-sỹ nổi tiếng ở mỗi thời.

Le Caravage (1573 - 1610) tính sắc cạnh, lục đục suốt đời ngắn ngủi của ông, hay gây sự, lắm kẻ thù, đánh nhau luôn, có lần giết người bị tù rồi trốn.

Tranh sống động, nổi bật ánh-bóng, một trong những người được tiếng về điểm này.

Rembrandt (1606 - 1669) hai lần góa vợ, đã giàu có sang trọng, rồi lại sa sút vì tiêu quá nhiều để mua đồ mỹ-thuật chắt đáy nhà, vỡ nợ, về già phải sống nhờ con, cả hai con lại chết, đành tiêu nhờ cả tiền của nữ-tỳ.

Tranh sáng-tối huyền ảo, với những đề-tài và màu sắc u-trầm tỏ rõ họa-sỹ hay suy tư về ý nghĩa cao sâu của cuộc đời.

ĐOÀN-THÊM



Cézannes 1883
do họa sỹ vẽ lấy



Renoir vẽ già, do
họa sỹ vẽ lấy năm 1910



Gauguin 1896
do họa sỹ vẽ lấy

Watteau (1684-1721) nghèo, ốm, và chết yếu.

Vẽ những cảnh lộng lẫy, hay êm đềm thơ mộng.

De la Tour (1704-1888) tính ngang ngược, loạn trí, bị nhốt, rồi chết.

Vẽ như tác tượng, ưa tạo hình đơn-thuần dưới ánh đèn đuốc, tranh có cá-tính dễ nhận.

Goya (1748-1828) Ngoài 40 tuổi, bị điếc đặc cả hai tai, phải bút đàm. Từng trải nhiều, qua lắm cảnh thăng trầm, loạn ly.

Vẽ nhiều loại tranh, phần lớn là chân - dung, cuộc đời ngả về những hoạt-cảnh, những đề-tài, sự-tích, với nét vẽ mĩa mai chua chát.

Turner (1775 - 1851) Phong - lưu, nhưng sống cô - độc, vì bị coi như loạn óc, tại ông vẽ theo lối riêng đề ánh sáng như khói tỏa lấp mắt cảnh-vật, nhưng chính ông có ảnh-hưởng lớn đối với nhóm Ấn-Tượng sau này.

Gros (1771 - 1835) được trọng đãi suốt ba triều vua, rồi bị ghen tị, dèm pha chê bai nhiều quá, cực chẳng đã, sau 30 năm thắng-lợi, nhảy xuống ao tự tử trong đêm khuya

Một sò chân - dung, và rất nhiều tranh lịch-sử chiến-trận thời Nã-Phá-Luân I.

Millet (1814-1875) suốt đời bị chê, chết trong cảnh nghèo khó.

Tà thực những đồng quê, và đời sống mộc mạc của bình-dân lam lũ, cảnh và người đượm vẻ buồn thương.

Monet (1840-1926) hai lần góa vợ, nợ nần, ăn vay mãi của chúng bạn, nhất là Renoir, nhưng Renoir nhiều lúc cũng túng, Có lần toan tự-tử vì thiếu thốn quá. Ngoài 40 tuổi mới đỡ khổ, nhưng gần lòa và sống xa lánh ở vườn trại

Phong - cảnh đầy bóng rắng lung linh, rồi sau ngả dần về diêm-ảo gần như bán-trừu-tượng.

THỬ TÌM HIỂU HỘI HỌA

Degas (1834-1917) bị đau mắt từ 26 tuổi gần mù.

Những tranh hoạt-cảnh sống động, lại đòi hỏi nhiều sự quan-sát như ngựa thi, vũ-nữ nhảy múa.

Renoir (1841-1919) thiếu-thời vật vả, làm thợ rồi cô học vẽ, trải nhiều hồi túng thiếu, nửa đời về sau phong-lưu, tậu được nhà cửa, nhưng mắc nhiều bệnh tật : lúc phong thấp, lúc bị tê liệt một phần mặt, rồi cả hai tay.

Tranh đầy nhựa sống, vui tươi, lộng lẫy, óng ả.

Sisley (1839-1899) Một đời nghèo kiết.

Vẽ những cảnh rất mát tươi êm dịu.

Gauguin (1848-1903) trước đủ ăn, sau bỏ nghề thương-mại theo nghề vẽ, túng quẩn, lìa bỏ vợ con đi lang thang, xa lánh 8 năm về các đảo Thái-bình-dương, gặp nhiều chuyện rắc rối, bị 3 tháng tù, chịu kham khổ bệnh tật giữa đám thổ-dân chât phác, có lúc đã toan tự tử bằng nhân-ngôn.

Một đặc-sắc ở nhiều tranh ông, là tính-cách tượng-trưng huyền-bí, ở những cảnh rừng, núi, biển, và người bản-xứ ngây thơ, với những màu sắc âm và chìm dễ nhận.

Van Gogh (1853-1890) xung khắc với gia-đình trừu với em Théo, hay gây chuyện với bạn bè, xa nhà, bỏ sinh-kê, túng quẩn luôn luôn, lúc nào cũng bồng bột sôi nổi vì tín-ngưỡng, vì tình-cảm, rồi phát điên,

giận bạn thì cắt tai đem cho gái điếm, tự tử hai bận, lần sau mới chết.

Họa-phẩm của ông, khi âm-đạm, khi rực rỡ, bao giờ cũng mang màu nét rung động quẩn quại như hờn giận đau thương.

De Toulouse - Lautrec (1864-1901) từ thuở nhỏ ngã gãy chân, chữa gần khỏi lại ngã què hằn, học vẽ, quanh quẩn ở phòng trà quán rượu, bê tha say sưa, tê liệt rồi mất sớm.

Nét vẽ của ông mĩa mai hay sắc bén, lột ra những khía cạnh đáng vẻ chán chường của nhiều hạng người đồng-thời.

Modigliani (1884 - 1920) bỏ quê hương bên Ý, sang sông lang thang ở Paris học vẽ, nghèo đói xác xơ, bán tranh vài xu lấy tiền uống rượu, nghiện thuốc haschish, mắc chứng lao, chết yểu.

Chuyên vẽ chân-đung và khóa-thân với nét vẽ mềm cong dài, các dung-nhan thân-thể thường lộ vẻ buồn thiếu-não.

••

Cũng may, chỉ thấy có những người kể trên là khổ nhất, còn thì đời nghệ-thuật không đến nỗi đen tối đối với tất cả các nghệ-sỹ có tài. Như ở các giới khác, cạnh người đáng thương, vẫn không thiếu kẻ may mắn hơn.

Phần đông họa-sỹ nổi danh thuở trước, được các triều-đình, các phái quyền-quí, hay giáo-hội nâng đỡ, ít ra cũng đủ sống yên ổn lành mạnh mà sáng tác : Magnasco, Van Der Goyen, Bellini, Fouquet, Lebrun, v. v..



Braque



Manet, 1879
do họa sỹ vẽ lấy



Van Gogh cắt tai nên
phải băng bó 1889, do
họa sỹ vẽ lấy



André Lhote



Monet



Picasso



Fernand Léger

Xin kể rõ vài tí dụ :

Léonard de Vinci (1452 - 1519) và *Raphaël* (1483-1520) sớm thành danh, được các vị giáo-hoàng và vua chúa trọng vọng, cả hai người đều có dung-mạo tuần-tú, nhất là *Raphaël*, nhiều người quý.

Le Titien (1480-1576) có lẽ sống hơn cả các họa-sỹ từ thượng-cổ đến nay : suốt một đời toàn thắng-lợi, danh vang Âu-Châu, đủ cả « tam-đa ngũ-phúc », càng già càng đẹp, thọ 96 tuổi.

Vélasquez (1599 - 1660) một danh-họa bậc nhất Y-Pha-Nho, được các vua chúa Âu-Châu sùng ái, chức tước bổng lộc có thừa, sống để huế với vợ con, người quốc-thước, thọ 61.

Rubens (1577 - 1640) cũng ở hoàn-cảnh tương-tự như của *Vélasquez*, rất giàu có, tậu cả một lâu đài chứa

tranh, nhưng 53 tuổi còn gặp tình yêu tha-thiết của một nàng 16 xuân sanh.

Boucher (1703-1770) Giầu, mạnh, cưới người yêu, nổi tiếng sớm, luôn luôn đông khách hàng, không thỏa mãn cho xuề.

Những người thời sau, cũng thường được sung túc : *Corot* (1796-1875) *David* (1748 - 1825) *Delacroix* (1798-1863) *Ingres* (1780-1867) *Manet* (1832-1883) *Cézanne* (1839-1906) nhờ có gia-tài hoặc kiếm được nhiều tiền, đỡ phải gian-truân ; *Matisse* đầy đủ yên ả, *Picasso* càng già càng khỏe mạnh giầu có.

Tóm lại, không phải hễ có tài thì khổ, hoặc vì khổ mới thành tài. Túng quẫn, kiệt quệ, bệnh hoạn : cứ vẽ ; sống giữa vàng lụa : cũng vẽ. Cho nên không thể lấy sự nọ giàng buộc vào sự kia và vội vàng coi là nguyên-nhân để cắt nghĩa kết-quả.

Nhưng sướng khổ ít ra cũng có ảnh-hưởng vào tranh, tác-phẩm nghệ thuật nào không phản chiếu tâm-hồn ? *Michel - Ange* buồn bực

vì nhân-tâm và thời - cuộc, những hình-thể của ông tạo ra, tuy vĩ - đại, nét mầu của ông tuy lộng lẫy, nhưng vẫn đầy vẻ bi-đãt. *Van Gogh* vẽ ra đau thương cuồng loạn...



Matisse

Thiết nghĩ vẫn cần đề dặt. Sao Caravage phóng dăng, mà tranh tôn-giáo rất tinh-vi sáng sủa? Monet nửa đời điêu-dứng: sao nước mây của



Hélène Fourment vợ trẻ của Rubens và các con, do họa sỹ vẽ năm 1635

ông phảng phất một hồn thơ êm dịu? Ngắm tranh Gauguin, ai thấy đâu những nỗi sầu thảm trong cảnh riêng của ông?

Căn cứ vào đời những họa-sỹ khổ đã kể ở trên, trong nhiều trường-hợp, không thấy họa-phẩm buồn bã như trạng-huông.

Tôi dễ lạc vào thành-kiến nếu không phân biệt các đường lối sáng-tác.

Có người đề cho tình-cảm lôi cuốn, thì hay bộc lộ như những nhà thơ lãng-mạn thích rên la, vẽ theo Biểu-hiện. Nhưng người khác tuy khổ vẫn yêu đời, như Renoir, nét mầu tươi như tính-tình diện-mạo, ông muốn vẽ để tạo ra xinh đẹp thích thú, cho nên tranh khác cảnh riêng. Lại cũng có người đắm-dam tự-chủ, ngả về những kỹ-thuật dụng trí nhiều hơn: Tân ấn-Tượng, Lập-Thể, Trừu-Tượng Ký-hà... Và chẳng, nhất là ở thời sau này, họa-sỹ không chú trọng mấy đến đề-tài, đến những chuyện buồn vui, thì đâu có sử dụng các yếu-tố thể-hiện để giải tỏ nỗi niềm như thi-sỹ?

*
*
*

Họa-sỹ có tài, cũng như người thường vẽ nhiều phương-diện, vẫn có thể sống một cách giản dị, trong cảnh vợ con lúc nhúc, mà chẳng thấy hại gì cho nghệ-thuật: Pissaro 5 con, Le Tintoret 6 con, Murillo 9 con, Tiepolo 9 con, Goya 20 con. Đôi khi vì yêu tuổi thơ mà vẽ ra được những chân-dung trẻ nhỏ rất xinh: chắc nhiều người nghĩ tới Renoir. Tiepolo ở giữa một bầu đoàn ấm cúng, mà hay vẽ những nét tung bay hoặc đứng - được (Thủy - Tiên Nymphes et Dauphin 1740, Thiên-cung Olympe 1740, Đẹp yên bão tố Jésus apaisant la tempête 1769...)

Nếu cuộc đời yên lặng cũng cho phép sáng tác nhiều, có lẽ những tình yêu cuồng nhiệt phải thúc đẩy mạnh hơn? Có tìm kiếm trong đời các họa-sỹ bậc nhất bậc nhì và xuống cả

hạng ít người biết, tôi cũng chưa được những bằng chứng cụ-thể, nghĩa là những điểm-tình lý-kỳ làm rơi lụy chúng ta và đã rung động bàn tay người vẽ.

Một số đã cưới những phụ-nữ làm kiểu mẫu : Rembrandt lấy Hendrickje Toffels, Rubens lấy Héléne Froment, Monet lấy Camille, Renoir lấy Aline Charigot, Cézanne lấy Hortense Piquet : nếu trước sau tra vẽ người đẹp, chẳng phải người đẹp đã xui cho yêu nghệ-thuật, hoặc kích thích cho thành những tranh . . . núi đá, trái cam, trái táo, mảnh lục-huyền-cám, những vết lem nhem, hoặc những chiến-trận, những hình kỳ-hà . . . nghĩa là những đề-tài cần bỏ-cục, viễn-họa, cân đối, hay ánh



Bà công tước Duchesse d'Albe, 1795 của Goya cũng không lấy gì làm đẹp cho lắm



Jeanne Hebuterne của Modigliani vẽ năm 1919

sắc hơn là những yêu đương thiết tha rền rĩ . . .

Henri Rousseau, họa-sỹ « Hồn-nhiên », lúc trẻ yêu một cô gái Ba-Lan, rồi cưới hai đời vợ khác, đến năm 64 tuổi lại hỏi một nàng 54 xuân, nhưng bị ba má nàng từ chối, họa-sỹ buồn mất một dạo : không thấy nỗi sâu đó hoặc mọi chuyện tình duyên của ông có liên-quan gì đến những bức tranh ngây ngô.

Cũng có những cảnh động-tâm, nhưng không có ảnh hưởng rõ rệt đến đường lối nghệ-thuật : Jongkind (1819 - 1891) vẽ già bị tê liệt và loạn trí, được bà Fesser săn sóc ngót 30 năm : nhưng họa-sỹ vẽ từ lúc trẻ. Modigliani gặp cô Jeanne Hebuterne con nhà tử tề, yêu mến và giúp đỡ.



Bức La Maja Vestida, mỹ-nhân có quần áo, của Goya vẽ năm 1804. Lại còn bức không mặc quần áo. Người ta ngờ và đồn rằng chính bà công-tước d'Albe đã nằm cho Goya vẽ : Không đúng.

nhieu trong những thời-kỳ đau yếu, nhưng họa-sỹ vẫn say rượu nên không thoát bệnh : khi ông mất, cô được tin, nhảy từ lầu thứ năm xuống đất mà chết : song nhiều người mà ông từng vẽ, lại thuộc giới giang-hồ.

Van Gogh mê con gái nhà chủ trọ, Ursule Loyer, rồi cảm một cô em họ sau lại mắc với cô hàng xóm là Margot, nhưng chẳng lần nào thành duyên, cực chẳng đã sống hai năm với một gái điếm vừa nhân-tình vừa kiểu-mẫu. Rất có thể những sự thất-vọng kia đã khiến ông đau khổ hơn, song nông-nỗi của ông vẫn đã bi-đát từ bao năm trước với nhiều khó khăn rắc rối, sầu muộn và máu điên sẵn có. Không nhà nghiên-cứu nào tìm ra vết tích của những chuyện tình ngang trái trên các tác-phẩm của ông.

Trái lại, người ta bàn tán nhiều hơn về Goya (1746-1828) có kẻ đã viết truyện quay phim về mối tình của ông với bà công-tước Duchesse d'Albe. Thực ra, ông đã nổi tiếng từ lâu và vẽ mãi cho nhà vua, có vợ với hai chục con, rồi đến 51 tuổi mới vẽ cho bà, cũng như cho các phụ-nữ quý-phái khác ; rồi đi lại thân mật khi bà góa chồng, được ít lâu bà chết. Ông cũng chẳng xót xa vì biết nhau thì càng rõ tình tình xung khắc. (1). Tranh của ông về già hay có màu tối tăm và hình thể thâm với nhiều vẻ chua cay, nhưng có thể giải thích đúng hơn bằng nhiều sự từng trải trong cuộc đời dằng dặc và qua nhiều hồi loạn-lạc

(1) Solitude de Goya : Maurice Raynal, le XIX^e siècle, Skira.

THỬ TÌM HIỂU HỘI HỌA

Những động-lực mạnh nhất kích thích sáng tác, theo thiên ý, là tâm lòng tha-thiết với nghệ-thuật, để theo đuổi đến cùng con đường đã chọn, và ác thay, là những sự thất-bại.

Càng về thời sau này, khi hội-họa càng xa thực-tế để biến theo những đặc-tính và sáng kiến họa-sỹ, thì công-chúng không tiếp đón nồng-hậu ngay những họa-phẩm mới, nhất là khi đã quen thuộc nhiều những lẽ lỗi cũ : họa-sỹ càng khó chính phục, và hay bị hiểu lầm.

Sự thắng-lợi thường đến rất chậm ; khi họa-sỹ đã chết rồi, như trường-hợp Le Nain, Millet, Sisley, Gauguin, Van Gogh ; hoặc lúc sắp hết đời : Chardin, Daumier, Cézanne. Còn những người khác may mắn hơn, đều đã bị từ chối nhiều lần ở các Phòng triển-lãm, chịu chê giễu mặt sát lâu

năm : các họa-sỹ Ấn-Tượng, Dã-Thú, Lập-Thể, Trừu-Tượng, v.v... chẳng mấy ai thoát khỏi nạn chung, và ngay đến bây giờ, Picasso tuy đã lừng tiêng trên thế-giới, cũng chưa được miễn mọi điều mỉa mai.

Nhưng dù nghèo, ốm, bị gạt bỏ, hay được sung - túc trọng-vọng, và dầu thừa biết kiệt-tác của mình rồi ra chỉ làm giầu cho bọn đầu-cơ, họ vẫn tiếp tục theo đuổi sự đẹp hay lý - tưởng, và giầu sang danh tiếng cùng mọi sự buồn vui chỉ lướt qua đời họ, chớ không ngừng được ngọn bút sơn : vậy thì nhờ tài hay nhờ chí nhiều hơn mà hoàn thành sự-nghiệp ?

D. T.

Kỳ tới : — Vấn-đề thông - cảm với họa-sỹ.

ĐÍNH - CHÁNH

Trong bài « Những điều-kiện phát triển hội-họa » trên Bách-Khoa số 112, có những chữ in lầm như sau :

Trang 38, đề cao được thân-thể,	xin đọc là... thân-thể
— 42, và sự khéo léo xấp đặt,	— sắp đặt
— 43, các ông Hàn-lâm Văn-hoá,	— Viện Văn-hoá
— 44, 20 năm đồng đã	— ròng rã
— 49, Nếu dầu họ công kích,	— Dầu họ công kích

Trân trọng mong bạn đọc sửa giúp cho — Đa tạ

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VON : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance France Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

THÚ CHƠI SÁCH

Vương-Hồng-Sên

Riêng tặng ông Nguyễn-Văn-Thư,
tác giả bài « Tranh Đại Tống » Bách
Khoa số 92, mà tôi không tiện trả lời.
V. H. S.

*Một vài mảnh - khoé gian - xảo của giới in và bán sách
mà người chơi sách cần phải coi chừng.*

CHƠI tranh, chơi đồ chạm, ngày nay nhiều người thưởng-thức. Đền như chơi sách, lại là một nghệ-thuật và một thú vui khác nữa. Kẻ khoe mình sành sỏi, người tự phụ « *chỉ có ta đây là thông-thạo* », mỗi người có một ý-định không giống nhau, chỉ giống nhau chăng là cả ba đều là vật hy-sinh nạp mạng cho bọn gian-thương, lái sách, hằng ngày gọt đầu khách hàng bằng những lá sách, khi còn ở nhà buôn thì còn đẹp-đẽ như « *thiếp Lan - Đình* », bằng những trang xinh như « *đồ chánh hiệu Con Nai* » bằng những phiến ngà « *mua mau kéo hết* », nhưng trời ôi, khi trả tiền rồi về nhà coi lại: không phải thiếp Lan-Đình mà là giấy có bôi lọ, không phải tranh thiếp mà là tranh mao-tê, còn nói gì, những phiến ngà đó là mấy cục xương cá voi hay

sừng nai, chạm chạm tro tro để loè đời. Quãng đi thi tiệc tiền, để lại thì mỗi lần đi ngang món vật, phải học ôn lại những danh-từ vừa nghe lóm được của chị bán cá mới dọn về bên phố !

Trong ba hạng khách phong-lưu, anh chơi sách là một nhơn-vật hãn hữu. Anh tự hào quyền sách, trên đời, chỉ có quyền sách trên đời, là ngoạn - hào tuyệt trần. Tranh thì « *yên lặng như tờ* », đá cổ thì câm. Không như quyền sách, « *nỉ non giấy văn tình dài* », khi thông-thiết đèn làm rơi giọt lệ trên má mỹ-nhơn, khi ai oán hùng-hồn đến khách nhu-nhược cũng muốn « *đắt bằng sấm dậy* », tay vỗ ngực, miệng than : « *ta đây há dễ thấy sự bất bình làm ngo !* ».

Người chơi sách thêm được dễ tánh, không mấy chú trọng đèn màu

mè sắc sỡ. Tranh thường phải nhiều màu lòe-loẹt mới vui mắt; đá cũng phải « ngọc ảnh Diêu-Đài » mới quý. Người chơi sách không kén : « giấy trắng mực đen » là đủ. miễn sao giấy ấy phải là giấy in, và màu đen ấy là màu mực-nhà-in thứ tốt. Ké về gần thì không ai kém ai, nhưng đòi với người chơi sách thì luôn luôn kỳ-vọng chẳng bao giờ được thỏa : Viện sách, tủ sách đã đầy ứ, mà vẫn chưa bằng bụng : « Tôi chưa có bản *Kiều năm ấy*, » « *Những quyền của nhà văn Mỗ*, tôi chưa góp đủ bộ », « Anh nhắc tôi mới nhớ : *Quyển Ba tháng ở Paris của Thượng Chi*, trước ở trong tủ tôi, bị chạy giặc mà mất tiêu, kiếm cuốn khác chưa ra. » vân vân và vân vân... Nói ra thì nhảm-nhí, người ta cho mình là mèm mòi. Không nói thì « chơi sách » là một « thú cảm », còn gì ?

Bắt luận đó là « bibliophile » (người chơi sách tình - luyện), hay « bibliomaniaque » (người chơi sách hỏ-lốn), cả hai đều si-mê tàng-tịch (1) đồng cảnh-trạng những người chơi đồ-họa (gravures), tề-họa (miniatures), ngà chạm (ivoire), đồng (bronze) hoặc tranh sơn dầu (toiles peintes)...

Người chơi sách có khi ngồi hàng giờ nầy qua giờ nọ, tề-lê-mê trước một bản in đặc-biệt, và há-hê thích-thú khi gặp một bản chép tay hay sách cổ-bản *incunables* (2).

(1) si mê tàng-tịch : say mê tiếng đồn tích-tịch-tình-tang. V.H.S

(2) Những sách bên Âu-Châu, phải in trước năm 1500 mới được mang danh « incunables ».

Kể các văn-nhân Pháp, mỗi người có mỗi tật :

— *Balzac* ưa ngửi mùi mực-nhà-in mà ông cho là thơm hơn các thứ hoa trên đời.

— Một văn-sĩ nọ, không tiện nói tên, lại thích nghe tiếng sột-sạt của tờ giấy lật. Với cái tánh kỳ-quặc gán đền như *tiểu bệnh «Tề Tuyên»*, ông nói tiếng giấy phất-phơ giống in tiếng hàng lụa của một nàng gái đẹp bước khoan thai dịu dàng trước gió.

Maurice Barrès bao giờ cũng để trong túi áo, một quyển sách hay chưa đọc. Theo ông, cũng không cần gì đọc; miễn được « đái tùy » một sách quý, để truyền cảm tình-thần cũng đủ. Ông nói: « Sách là một bạn quý: càng thân càng trọng vì nết, mền vì tài. Có sách trong túi, thì sự đời đời với tôi, lâng lâng nhẹ nhõm ».

— Nhưng phong-lưu và tình-tử nhứt đời, là *Anatole France* vậy. Cụ Hàn, cha đẻ bộ « *Le Crime de Sylvestre Bonard* » (Tội giết người của lão Sylvestre Bonard) đòi hỏi hơn ai cả. Sách cầm tay chưa đủ, phải được « sờ mó » như thuật « thưởng hoa » — hoa trên cành cũng như hoa biết nói... *Anatole France* mất đã lâu, lại nữa ông không phải người đa vàng tình quá như ai. Chớ chi ông biết chơi bài *con chim* (Mã-Tước), tôi sẽ đưa ông đến một nơi nầy hầu bài cùng các bạn gái nhỏ Quảng - Đông, vừa

bập bẹ tiếng Việt. Những tiếng mời-mọc : « *Phụng đi thầy* », « *Mỏ đi thầy* », và « *Sượng đi thầy* » thay vì « *bắt bài đi thầy* » sẽ khiến ông táng-tụng nghệ thuật « *sờ mỏ* » cuộn sách đến đâu nữa ! (1) A. France còn dám tuyên - bố không ngượng lời trong bộ « *Kiếp văn* » (La vie littéraire) rằng « miễn cho ông thấy cách thức một nhà chơi sách mân-mê quyền sách, — không cần thầy kỹ, chỉ thoáng qua một cái nhìn cũng được, — thì ông biết ngay đó là người chơi sách sành - sỏi hay hạng tay mơ ».

A. France thêm quả quyết : « Các bậc vua chúa, đại các thành thời, các thiên kim tiểu - thơ, lá ngọc cành vàng, nếu biết nhín chút ít thì giờ quí báu để tâng - tiu cuộn sách, thì đâu đến nỗi mất nước, hư nhà, rồi trách-cứ vì sao « *nhàn trung nhật nguyệt trường* ». Và « *đời đâu đáng chán* » nếu ai kia vẫn có cuộn sách hay, kê đâu làm kinh nhựt tụng ? A. France nói đến đây rồi sám-hồi rằng mình thêm-thuống địa-vị những kẻ tốt sô, lộc trời chan chứa mà không biết thưởng thức, có cả nguyên cáo (manuscrit original), nguyên bản (copie originale) những bộ cổ-diễn Molière, Racine, La Fontaine, toàn là vô giá chi bửu, nhưng không khai thác, tin lời nhà chơi đồ cổ, giàu cất càng sâu càng kín để đúng câu « *Nhược Thâm Trân Tàng* » !

Người chơi sách chơn chính đồ-kỹ nhứt là những bộ pha-chê, không toàn bích mà làm mặt « sách tân », lấy nửa

bộ tốt vá-vúu và nửa bộ nhựt nhựt ; nhưng những trang bồ-túc, những đoạn tạm mượn, lâu ngày cũng khó lọt qua mắt xanh của các tay sành nghệ.

Người chơi sách già kinh - nghiệm luôn luôn nhớ câu : « Nếu trên đời đã có những tranh giả chữ ký, những hình đá chạm giả kiểu Đường, Tống, thì cô nhiên phải có sách cổ giả-mạo, để cho luật Tào-Hóa khỏi chênh-lệch » (Như mới đây, có một phiên đá trắng « *Tài-Lý xet* » được đem tặng Tàng-Cổ-Viện, dưới danh-từ « *Đá cổ đời Đường* ». Kiểu chạm lệt-bệt không được khéo lắm, đó là một mối ngờ. Mỗi ngờ thứ hai là sau khi mượn phiên-dịch hàng chữ để-tặng thì thầy thí-chủ chạm chữ xưng tên họ nhứt là cả chức-tước trên phiên đá trở hình Phật thì « *đột* » quá, « *thất lễ* » quá không lý một thí-chủ đời Đường phạm những lỗi như vậy rồi. Đến khi nghiệm kỹ lại, đời nhà Đường, tỉnh Vân-Nam là nơi sản-xuất đá Đại-Lý (Tài-lý-xet) còn chưa bị sát nhập vào cương-giới Đại Đường thì lấy đá thứ đó ở đâu mà chạm ? Rõ là đồ giả-hiệu mới làm sau khi Vân-Nam thuộc lục-địa Trung-Nguyên đây mà thôi). Và chuyện giả-mạo một cuộn sách cổ vẫn dễ hơn nhiều. Tỷ như muốn giả một bộ nguyên bản « *Les Essais* » của đại văn-hào Montaigne, sinh năm 1533 và mất năm 1592. Từ năm 1571 ông

(1) *Phụng* : Phong, như phong chức tước.

Mỏ : mộ câu tìm, vờ tới ?

Sượng : thượng, lên cây bài ? (Không biết phải vậy chăng) ? Xin bạn nào biết rành dạy cho V. H. S.

bắt đầu viết, nhưng đến ngày ông nhắm mắt, ông vẫn tiếp-tục thêm-thất không thôi, và bộ sách bắt hủ ấy rõ là sự tích đời ông, ông tự tả tâm-tình của mình, đúng hơn là ông ghi lại cái phản-ảnh của chơn bản-tính của ông để kết luận, sau một cuộc Âu-du năm 1580, rằng đời là cõi tạm, nhưng không nên vì đó mà yếm thê, và muốn thực-hành « *lạc-quan chủ-nghĩa* », cốt yếu nhất là phải xử sự theo « *lẽ phải* » (*le bon sens*) và rộng lòng bao dung (*tolérance*). Đã biết Montaigne sống từ năm 1533 đến năm 1592, và viết « *Tùy Bút* » từ năm 1571 trở đi, thì nhà in sách-gian cổ tìm cho được giấy cũ chưa xài, càng nhứt càng trở màu càng tốt. Tìm giấy được rồi bắt qua lựa chữ in, nếu có kiểu xưa gần giống chữ dùng trong bản tiên khởi thì hay nhứt. Giấy sẵn, chữ-in sẵn, muốn đừng « *lộ tẩy* » thì phải tìm học nhái lại cách thức in sách đời trước, cách đặt giấy lên khuôn làm sao, chừa lề bao nhiêu, đóng bìa hay khâu giấy kiểu nào... Cuốn sách in rồi, thì chỉ còn đợi cá cắn câu. Hèn chi Hoàng-đế Napoléon Đệ - Nhứt chẳng nói câu bắt hủ : « *Impossible n'est pas Français* » (tạm dịch : Chữ « *Impossible* » không có trong Pháp-ngữ, hoặc nói cách khác : « Không có việc gì mà người Pháp làm không được » hay là « *Đứng trước một việc gì dầu khó khăn cách mấy, người Pháp cũng rán làm cho được mới nghe* »). Câu nói dài dòng để kết luận rằng trên thê, có món cổ-vật nào nhiều người muốn, thì làm

sao bọn gian-thương cũng nhái lại để khảo tiến các tay sộp cho được mới vừa lòng cho. Nhái lại một bức tranh xưa rồi ký tên vào dưới « *RA-PHAEL* », việc ấy làm được ư ? Và lượm một phiến đá cổ bờ hồ Đê-Thiên Đê-Thích, tìm một Miên già bảo chạm y kiểu mẫu đá chạm Bayon, rồi làm cho cục đá trở nên lý-lý mặt mộc, để bán « *kiếm tiền xài* », thì ai lại từ nan ? Những chuyện ấy nếu đã có người làm rồi, thì cổ nhiên, một khi người nầy hỏi một bộ sách xưa ấn-bản thật mỹ-thuật, ông kia đòi mỹ-phẩm một danh-nhơn kiệt-tác, cổ nhiên người bán sách phải tạo cho ra các thứ ấy mà cung-cấp chứ ! Khi mà bộ sơ bản (*édition princeps*) của nhà đại văn-hào André GIDE giá đến mấy ngàn quan mỗi bộ, thì có kẻ mạo nó ra để xoay tiền các nhà chơi sách mơ chứ gì !

Nói có ông Trời làm chứng, có phải chỉ ngày nay mới có người giả-mạo cổ-thư và cáo-thơm đâu. Thế-kỷ thứ XVIII nghệ-thuật và thú chơi sách đã thịnh hành bên Paris, thì cũng từ đó đã có người sưu-tầm mót máy sách *incunables* và những bộ xuất bản từ đời vua Louis Thập-Tứ. Mà ngộ thay ! tuy các loại sách ấy khan hiếm không chỗ nói, mà vẫn nghe có người « *vui nhượng* » hoài. Ông Hoàng-đệ có. Ông Hoàng-thận có. Mọi người đều có. Sau điều tra lại, thì loại sách kia nhiều vô số kể. Điều tra thêm nữa thì rõ lại lò sản-xuất ấy đặt tại tỉnh-thành Lyon, nơi đây, từ thế-kỷ thứ mười-tám, đã giả sách nguyên-cáo của Racine bọn bàng, cũng như tại

Rouen, có người lại chuyên môn cho ra sách in kỳ nhứt của kịch-sĩ kiêm văn-gia Molière không ít. Chung qui chỉ vị tiền !

Năm 1553, nhà văn de Pestel cho ra cuốn « *Très Merveilleuses victoires des femmes du Nouveau Monde* »

(Mỹ-nhơn Tân-Thề-Giới Truyền-kỳ mạn lục). Sách này về sau khan hiếm quá sức tưởng tượng. Một nhà in sách ở Rouen không để cho các người chơi sách đợi chờ lâu. Năm 1750, nhà này cho ra đời một quyển nhái y hệt bản xưa, khéo léo và kỹ càng cho đến những trang giấy vẫn hun khói đến cũ xì không khác giấy bản xưa chút nào.

Sau trận Âu-Châu Đệ-Nhứt chiến tranh (1914-1918), thú chơi sách được nhiều người đeo đuổi, bọn buôn sách không bỏ qua dịp tốt, bèn xuất bản nhiều loại mỹ-phẩm giả-mạo nhái y các bản cổ quý lạ. Một anh chàng chuyên-môn bán kẹo ngọt cũng sinh làm văn-sĩ, xuất vốn triệu ra làm sách giả tung khắp chợ hoàn-cầu. Sau này anh bị phá sản, chừng ấy mới biết sách là sách, không khứng đi chung với kẹo ngọt và chocolat. Nói chí đáng, sách của anh không nên gọi sách giả-mạo, vì giá cả « *rất biết điều* ». Tuy vậy, mặc dù rằng người xuất bản không bán giá cao, tức không có ý đầu cơ, cũng nhẹ tội, nhưng nội cái ý « *bắt chước bản cũ* » đủ làm cho người chơi sách giả kén không bằng lòng, vì những người này thà chịu mua thật đắt những bản cổ chánh hiệu in thủ công, chớ khi họ

biết được bản vừa mua đang cầm trên tay, là bản in bằng máy-móc, thì họ phiền lắm, và không dung tha người buôn sách không thủ tín, đã đánh lừa họ bằng món hàng không khác thứ kia tầm-bổ bằng « nước vô lựu, máu mòng gà » ! Đứng về mặt pháp-lý, hành-động của anh chàng bán kẹo rất là đáng khiển-trách, vì giả mạo in lại sách bản cổ, thì cướp mất quyền lợi của con cháu nhà làm sách rồi đó.

Như đã nói, « *máu tham hề thấy hơi đồng là mé* ». Cho nên, khi sách của François MAURIAC được bán chạy như tôm tươi, đến vài ngàn quan mỗi bộ, thì có người cho in lên trót ngàn bộ, đưa ra phát-hành kín, tuyên - bố ồm to, đó là sách thủ-công, số in rất ít, dịp may hãn hữu ; sau mới rõ, sách in bằng máy vừa sắp vừa đúc chữ luôn một lần, *linotype* mà, thủ-công chỗ gì ?

Đó là nói chuyện những sách giả hiệu theo lối trước, còn quẻ mùa. Tội giả-mạo của người làm sách gian, nghĩ ra nên gia chớ không nên giảm, vì bản buôn không ngay thẳng, cò tạt mạt trông đến người chơi sách bằng phẩm cũng như bằng lượng, đều không y như lời tuyên-bố, rao là sách in rất ít, nói chỉ in ba trăm bộ, mà ba trăm bộ ấy biết lại là đã hơn cho hai (tức sáu trăm bộ) hoặc cho ba (tức chín trăm bộ) vì mỗi cuốn đều đánh số đến hai hoặc ba lần trùng nhau. Và như vậy tội kia dầu đến bội nhị, bội tam cũng vừa.

THỦ CHƠI SÁCH

Một khi những nguyên bản của Molière trở nên quý, hiếm, thì đã có nhà bán sách gian nọ mua lại những sách hư tẽ « *lạc-xon* », rồi đem về o-bề lại, tìm người chịu khó sắp chữ và in lại những trang thiếu sót, hoặc rách nát hoặc chữ quá lu-mờ, in xong đem ráp và khâu đóng lại với những xấp còn y như cũ, cở nhiên sách như thế đâu phải là *toàn bích* nữa, nhưng kể về giá cả thì những bộ *toàn bích* cũng khó bl. Từ ngày tìm được cách chụp ảnh những trang những sách những tài-liệu xưa (photogravure), chụp và in luôn đến những vết những thẹo, những lỗi hết như bản cở, thì nghề in sách gian càng thêm bảnh-trướng. Một khi bọn gian-thương tìm ra một lò giấy cũ chưa xài và lấy đó in sách giả xưa, thì chẳng những họ « đại chi phát tài » mà các người chơi sách kinh-nghiệm cũng phải khổ tâm với họ, vì chơn giả khó phân biệt lắm vậy.

Có nhiều khi gặp những bộ sách thiếu trang, mà người buôn sách cũng không cần thuê in những trang mất sót làm chi cho tốn tiền, vì đã sẵn có những trang ấy trong những bộ in một lượt với bản kia nhưng in trên giấy thường, nay thí một bản rẻ tiền để có thêm một bản đặc-biệt thì cũng còn lời đền! Thêm nữa, có nhiều người chơi sách có tánh lập dị, — hạng người ưa « *thuốc ngon nửa liều* », — hạng ấy lại thích những sách vá-vú, vá quàn làm vậy, khoe rằng sách này tỏ ra chủ nó đã có công mót-máy và khéo chấp nôi lắm nên nó

mới ra hồn trở nên cuốn sách hiếm lạ, cuốn sách « *có bộ gió* » khác thường.

Một ngón gian khác là đổi với những loại « *romantiques* » của phái lãng-mạn, hay loại tiểu-thuyết nguyên bản của Victor Hugo, bọn gian-thương muốn có bán, bèn lượm-lặt những bản in kỳ tam kỳ tứ, đoạn thủ-tiêu cái bìa còn mới và vài trang tựa « *tân bản* », và in lại những bìa những trang ấy y như nguyên bản thay vào, thì đồ ai biết được câu chuyện « *ly miêu hoàn chúa* » tân kỳ nầy!

Gần đây hơn hết có lão André Maillfert là nhà giả-mạo khéo-léo và có hoa-tay nhứt thời. Y có nhiều sáng-kiến hay đáo-đề. Đối với những cuốn sách xưa vô dụng, y có thể làm trở nên nhiều vật có giá-trị, một cách bất ngờ. Không có món gì trong một cuốn sách xưa mà y chịu ném đi và không đem dùng vào một việc hữu ích, mà ít ai nghĩ đến. Tỷ như một cuốn niên-lịch thông-thư hồi đời Louis XVIII (như ta có thể nói: « *Đồ đời năm Minh - Mạng thập-thất* ») hay một cuốn sách cở xoàng-xĩnh đúng bực, không có giá-trị về văn-chương chút nào, duy được cái là thật xưa, và nếu có người còn để dành cho đến ngày nay là vì tiếc cái bìa da ngổ ngổ và còn chắc khá, mấy quyển làm vậy lọt vào tay lão, thì Maillfert đã có cách xử-dụng lạ lùng

1) cái bìa da cở có mạ vàng, và sẽ thâu gọn - ghẽ làm bìa quyển sách khác nhỏ hơn, nhưng vén khéo và

có ổ khóa « bí mật » xinh xinh. Không nữa, va lấy mảnh da ấy biến thành những vật trang-sức vật-vĩnh : cái khung gương tay, hộp đựng nữ trang hoặc đựng son phấn...

2) Hai miếng giấy lót kê hai bìa sách, danh gọi « *feuille de garde* » Mailfert mót làm giấy lót trong hộp đựng thuốc lá hay đũa « hà-bao » của những nhà quý phái...

3) Những trang giấy trắng chưa dùng trong sách, gấp tay chúng mình ắt không biết làm đi gì, Mailfert cho là quý nhất vì va lấy giấy ấy vẽ lên trên những bức họa bằng thuốc keo (*gouache*) hay bằng bút chì huyết-thạch (*sanguine*) điệu Watteau, cũng kiếm khá tiền...

4) Còn lại những trang giấy in không làm gì được nữa, Mailfert lấy đó làm giấy bôi tọng hoặc cắt một miếng vá vào bức tranh cổ bị chuột gặm, thì còn gì hay bằng. Không có lão Mailfert đa mưu túc trí thì những sách cũ chẳng hóa ra vật vô dụng hết cả đi sao ?

Xưa có những sách quý tên gọi *Elzévir*, tức là sách in đẹp nhất thời cổ, do một người thợ Hà-Lan, mỹ danh là *Elzévir* sáng chế. Sau này bên Ý-đại-Lợi có người giả được hết loại *Elzévir*, ngày nay còn lưu truyền một quyển « *Thi-Ca của thi-sĩ Virgile* » trên có đề niên-hiệu « *Anno M. CCCC. LXXII* » (đọc 1472) ». Bộ *Thi-Ca* vô giá này lại có chứa một câu cho biết « sách này đề-tặng cho Đức Ông Pierre de Médicis ». Nhưng nghiệm ra vào năm 1472 ấy

thì Pierre de Médicis còn bé bỏng lắm, chưa đến tuổi thường-thức THI với CA, huông-hổ trong tập có một bài thi, nay nghiên-cứu kỹ thì ám-chỉ một chuyện ám-sát chỉ xảy ra vào năm 1480, tức tám năm sau khi đề-tặng, thì là « *tiên-tri* » quá, nên lộ tẩy là sách giả-mạo đi mất !

Trong thư-viện *Ambrosienne de Milan*, do Đức Hồng-Y Giáo-Chủ *Frédéric Borromée*, sáng lập năm 1609, trong thư-viện này có tàng-trữ một bộ sách quý giá không chỗ nói. Ấy là quyển *incunable* xưa in tại Tây-Ban-Nha, nơi thành *Valladolid*, và gồm vòn-vẹn bốn tờ sách, mỗi tờ hai trang, mỗi trang ba-mươi-hai hàng chữ in. Đây là nguyên bản bức thơ ngày trước *Christophe Colomb* đề ngày 14 Mars 1493 gửi đi thông-cáo cho các quốc-vương Cựu-Thế-Giới rằng ông đã tìm ra một thế-giới khác gọi là Tân-Thế-Giới. Bản này là bản duy nhất, thế-gian hy-hữu, có thể gọi là « *Thế-gian Đệ-Nhứt Vô Song* ». Nhưng « *Đệ Nhứt Vô Song* » ở chỗ nào ? Vì sau này nhờ sự tra tầm bền chí của các người chơi sách đa nghi, lại lòi ra đến ba bản biết đích-xác :

— Bản thứ nhứt, do bào-đệ của *Christophe Colomb* bán qua Mỹ-quốc ;

— Bản thứ nhì, dâng lên Hoàng-đế Đức-quốc ;

— Và bản thứ ba là bản định bán cho một nhà sưu-tập trứ-danh xứ Pologne (nước Ba-Lan).

Ngoài ba bản lưu-hành biết được này, thì cái bản chánh cấp-ca cấp-cúm giàu cất trong thư-viện *Ambroisienne de Milan* vẫn còn đó, đủ chứng minh là ba bản kia toàn là đồ giả. Mà phải giả có bao nhiêu đó thôi đâu. Năm 1856, để tặng biếu các vương hầu và những nhà chơi sách khét tiếng, thư-viện *Milan* cho sao bản duy-nhứt thêm một trăm năm chục bản nữa. Cái ông chủ nhà in « *Trời Đánh* », được giao-phó việc ấy, không có lương-tâm chút nào, nên thừa dịp cũng duy nhứt ấy, ông cho in đủ số nạp thư-viện *Milan* ngoài ra ông in thêm cho ông không không biết bao nhiêu bản nữa. . . Mà có như vậy mới có đến ngày nay cung-cấp cho những nhà chơi sách lắm tiền và ưa đòi hỏi kiếm mua của lạ.

Ông Paul Eudel kể lại rằng năm ông viễn-du ghé thành *Florence*, ông gặp tại thư-viện thành này, một người đang lui-cui vẽ giặm trên da *vélin* (da mịn do da bò-sữa chắt trong bụng mẹ, da bò « hàng-năm thuộc chín »): nét vẽ thần tình, không thua nguyên bản. Eudel phân vân không biết đây là nghệ-sĩ phong-lưu hay là tay « đại bợm ».

Năm 1802, tại Avignon xảy ra một chuyện đáng làm giai-thoại buổi trà dư. Nguyên tại thành này có một anh chàng chuyên bán sách cũ, Anh ta thấy bộ « *Thiên lực của đạo Da-tô* » (*Le Génie du Christianisme*) có mỗi bán chạy, bèn lén in ra vô số bản mới, gồm bốn quyển lớn làm một bộ, trên bìa có ghi cẩn-thận: « *Tân Bản* » (*Nouvelle Edition*).

Không dè chính tác-giả là văn-hào *Chateaubriand* ở tận Paris, mà đánh hơi được vụ in lậu này. Kề ra ông ta cũng tỉnh-quái đáo-đề, vì không cần kiện-cáo làm chi cho tốn công « *đáo tụng-đình* », *Chateaubriand* ngồi xe song-mã đến Avignon, điều-đình khéo với lão in sách lậu và mua lên hết tất cả những sách « *đẻ hoang* » này. Từ Avignon, *Chateaubriand* viết thư để ngày 6 *Novembre 1802* cho bạn chí thân là Fontanes, trong thư có câu như vậy: « Anh tỉnh coi, nhờ khéo nhân nại và khéo điều-đình, tôi nay chỉ tốn chút ít tiền xe mà lão kia đã huồn lại rồi, bây giờ tôi có thêm một mớ sách in khác bản của tôi hiện có. Mà xem đi xem lại, cái thằng cha ấy coi vậy mà xài được, vì bản này có phần ít lỗi hơn bản của tôi in. Như vậy, hỏi anh, tội gì mà tôi không nhận làm cha, khai sinh phứt cái « *Tân Bản* » của lão làm « *Đệ Nhị Bản* » của tôi đây cho gọn chuyện. « Và nhờ chính tác-giả xử gọn làm vậy, nên bản in lậu không còn là lậu nữa và đứa con tập-tàng trở nên chính-thức dễ như chơi !

Giai-thoại thứ hai thuộc về quyển sách của Pascal, (1623-1662) vừa là văn-hào, tư-tưởng-gia, triết-lý-gia đủ thứ. Đó là bản in năm 1670, rất là khó kiếm. Cuốn sách tìm được hai thay, mất hết mấy xấp bên trong. Không mua thì tiếc, nhưng mua mà không *toàn bích* thì cũng không được vừa lòng. May sao người tìm được nó, có sáng trí nên đem về

kiểm thêm bộ khác, lấy xấp cần dùng của bộ xấu đem qua bộ kia, thành ra có một bộ «*khá đến*», may nhứt là số trang, số hàng lên xuống, qua trang của hai bản ăn nhau như khuôn đúc, người chơi sách có duyên có phần là thế. Và đây cũng là một câu chuyện tạm mượn chữ «*tục huyền*» để gọi trong thú chơi sách được chăng? ...

Câu chuyện sau rốt là chuyện nhà in sách Poulet Malassis, xuất - bản tác-phẩm bất hủ của thi-sĩ Baudelaire, nhan sách là «*Les Fleurs du Mal*» (Ác - hoa). Poulet Malassis có đặt in riêng mười quyển đặc-biệt trên giấy Hòa-Lan. Ngày nhận sách mới biết lạc mất hết đôi quyển, nên Poulet-Malassis bảo in thêm cho đủ mười quyển như ý muốn.

Không dè một chuyện yêu-cầu nhỏ nhen thế ấy mà trở nên chuyện động trời. Nhà in in đủ số mười quyển nạp cho Poulet - Malassis, nhưng không quên in riêng cho mình bộn bộn. Câu chuyện nhà xuất-bản thích có mười bộ đặc-biệt quyển «*Ác-Hoa*» ấy lọt vào tai các nhà chơi sách hiệu-kỳ, báo hại anh nào anh nấy đều muốn có riêng làm của và đua nhau sưu-tầm hai bộ lạc mất buổi trước trong nhà in. Tội nghiệp ! bọm già mắc bẫy cò-ke là vậy ! Cái kẻ của anh chủ nhà in nhắm cũng không cao gì, thế mà có nhiều nhà chơi sách sành-sỏi lọt vào như chơi ! Chớ chỉ anh chủ nhà in đến đây chằm dứt câu chuyện thì hay quá. Nhưng không biết chứng-cớ gì bắt, mà đưa

lời quí đem đường hay sao, khiến anh động lòng tham hơn nữa, nên còn dư lại bao nhiêu bản «*đặc-biệt*», anh lén thuê người có tuồng chữ đẹp, nhái hết điệu chữ của tác-giả, rồi mỗi quyển đều có mang câu đặc-sắc :

«*À mon ami EDOUARD MANET, en toute affection*»

(Tặng bạn của tôi là ông EDOUARD MANET, với tất cả tâm-thành yêu-kính) dưới đó là chữ ký.

Nhưng coi vậy mà các nhà chơi sách vẫn có «*Thần Tài độ mạng*», khiến nên cái lão viết nhái câu để-tặng, tuy tuồng chữ lão như rồng bay phụng múa, nhưng trời sanh lão dốt đặc mù mít, nên khi viết đến mỹ danh tác-giả, lão đã hớ-hênh đến thấy được.

Thay vì Charles Baudelaire, lão đã gò từ nét, le lười, nín hơi, đem hết tinh-thần ký thật rõ :

CHARLES BEAUDELAIRE dư hết một chữ «*E*» báo đời !

Khi quyển sách có chữ ký «*Beaudelaire*» được bày ra bán, một nhà chơi sách lão luyện nọ cầm lên xem, bắt được chỗ sai lầm, bèn trả sách và la ầm lên rằng : «*Ôi ! Trời cao Đất dày ! xin chứng minh Baudelaire giùm với. . . Baudelaire, người ta hay chữ giàn Trời kia ! Còn Beaudelaire nào đây dốt quá mẹ, đến đổi tên họ của mình mà viết cũng không xong ! Ai đời thêm «*E*» làm gì cho tôi thấy được ! May không tôi đã mua đồ báo đời ấy đem về thì uống tiền biết chừng nào ! »*

THÚ CHƠI SÁCH

Những lúc ấy anh bán sách muốn bùm miệng lão chơi sách lớn hòng ấy cũng không bùm kịp, báo hại tin nầy đồn ra, sách giả chữ ký bán không chạy cuồn nào, cũng đỡ nhiều cho túi tiền của các nhà chơi sách ngây thơ khác.

Như ta đã thấy, nhiều khi để tăng thêm giá-trị quyền sách hoặc để thỏa sở-cầu sở-thích của nhiều người chơi sách hiệu kỳ, nên ngày nay nhiều bộ sách để bán có kèm thêm năm ba chữ « *thủ bút* » hay một đôi hàng chữ viết tay do bốn thân tác-giả tự tay viết để câu tặng biếu. Đối với những sách ấy cũng nên cân-thận : nếu tác-giả là người còn mạnh giỏi thì nên tìm biết có phải chính tuồng chữ của người ấy hay chẳng. Nếu người ấy đã từ

trần thì cần nên cho giáo - nghiệm tuồng chữ trước khi mua sách. Còn riêng về phần tôi, cũng xin nói luôn : tôi rất ham ký và không biết tiếc chữ với hàng anh em hàn-mặc. Nhưng một khi tôi chết mất đi rồi, (cũng chưa bây giờ đâu nhé), khi ấy, các bạn cũng nên đề-phòng ! Biết đâu nay còn sống là vô danh tiểu tốt, khi vô nằm trong säng rồi có người giả chữ ký cũng như ai ! Nhưng ai đó xin cho tôi căn-dặn một lời : tên của tôi viết « *SÊN* », đừng thêm « *G* » cũng đừng thêm « *H* », không khéo lại là chuyện *Baudelaire* và *Beaudelaire* tái diễn. . . nữa rồi.

(Trích tập «Thú chơi sách» sắp xuất bản nay mai).

VƯƠNG - HỒNG - SÊN

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— CÁC LOẠI RƯỢU :

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

- Các tiệm tạp-hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**

193 và 203 Trần-hung-Đạo — Sài-gòn

• Đ.T. số 24.454

— Kho 6 Bến Vân-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

truyện là thơ

trong tiểu thuyết của

MICHEL BUTOR

HOÀNG-THÁI-LINH



Michel Butor, sinh năm 1926 ở miền Bắc nước Pháp. Đến ở Paris từ lúc lên ba. Học đại-học về ngành Triết-lý. Làm giáo-sư nhiều nơi ở ngoại quốc (Ai-Cập, Anh, Thụy-Sĩ v. v.) Đi du lịch nhiều nước. Lập gia-đình năm 1958 và hiện ở Paris.

Tác phẩm :

- Passage de Milan, tiểu thuyết (nhà xuất bản Ban Đêm) 1954
- L'Emploi du Temps — 1956
- La Modification — 1957
- Degrés — Gallimard 1960
- Le génie du lieu (cảo luận)
Grasset 1958
- Répertoire (khảo luận về phê bình văn học) tuyển tập (nhà xuất bản Ban Đêm) 1960

NGƯỜI ta thường ngờ vực những người không phải là nhà văn làm văn, nhất là giáo-sư và hơn nữa giáo-sư triết-lý. Các nhà văn giáo-sư này thường mắc phải cái bệnh giảng dạy hay là dùng văn - chương để trình bày những ý tưởng luân lý và

triết-lý. Sự ngờ vực đó rất chính đáng. Nhưng không phải mọi giáo-sư, muốn làm văn, tất yếu phải sa vào hai lỗi lầm trên. Người ta không thể không gọi Sartre là nhà văn, mặc dầu ông là nhà triết học và tiểu-thuyết của ông đầy đầy những ý tưởng

triết-lý ; cũng như không thể không gọi Butor là nhà tiểu-thuyết mặc dầu ông là giáo-sư chuyên về triết-học, hơn nữa đã viết những khảo luận về thẩm-mỹ học của tiểu-thuyết và do đó làm sao người ta không được quyền nghĩ rằng tiểu-thuyết của Butor chỉ để minh chứng cho quan-điểm lý-thuyết của ông ?

Các nhà văn ngày nay có một nét đặc biệt là phần đông ý-thức được rõ rệt việc xây dựng tác phẩm cả về nội dung lẫn kỹ - thuật. Do đó họ có thể viết những nhận định lý thuyết về việc xây dựng tác-phẩm. Nhưng không phải coi lý-thuyết là mục đích và tác phẩm chỉ là dụng cụ đưa tới mục đích ; ngược lại tác phẩm là chính yếu và lý thuyết chỉ để giúp người đọc lãnh hội tác phẩm.

Đứng ở một quan điểm hiện tượng luận về thẩm mỹ học, có thể nói lý thuyết không có nghĩa và giá trị gì nếu không có tác-phẩm vì thẩm mỹ chẳng qua chỉ là ý thức của tác-phẩm nghĩa là nhà thẩm-mỹ-học không nghĩ ra những nguyên tắc lý-thuyết có tính cách tiên nghiệm (a-priori) nhưng là khai triển cái ý-nghĩa và quan-niệm bao hàm trong tác-phẩm. Lý-thuyết đến sau tác-phẩm và chỉ tồn tại nhờ tác phẩm và trong tác phẩm.

Nếu làm văn không phải để chứng minh cho tư tưởng, người ta không còn sợ văn chương bị « hy-sinh » cho tư tưởng ; tuy nhiên người ta vẫn không hết thắc mắc vì sao một giáo-sư chuyên về triết lý lại viết tiểu thuyết. Có thể tìm thấy một giải-thích trong mấy bài nhận định quan trọng nhất Butor (1).

Theo tác giả, ông viết tiểu thuyết do một nhu cầu không thể tránh được, ông nói : « Tôi không viết tiểu-thuyết để bán, nhưng để cho cuộc đời tôi có một sự thống nhất » (trang 262 Repertoire).

Trang đầu hai bài « Intervention à Ro-yaumont » và « Roman et Poésie » Butor kể lại tại sao ông đã viết tiểu thuyết Ông nói khi còn làm sinh viên, ông đã làm rất nhiều thơ. Và ông thấy giữa hai sinh-hoạt đó có một quãng cách quá xa. Thơ thì tự do, rồi loạn còn học triết lý thì muốn sáng sủa, mạch lạc trong suy luận.

Khi rời nước Pháp, đi dạy học ở ngoại-quốc, ông mới tìm thấy một lối thoát là viết tiểu thuyết. Ông kể lại khi ông nghiên cứu những tác phẩm lớn vào cuối thế kỷ XX, ông nhận thấy rằng tiểu-thuyết có thể chứa đựng tất cả những khả năng diễn tả của thi-ca trong những hình thức cao nhất, và hơn nữa có thể giải quyết cả một vài khó khăn của thi-ca hiện-đại. Michel Butor dựa vào câu nói sau đây của Mallarmé để trình bày và biện chính cho quan niệm coi tiểu-thuyết là thơ của ông : « Mỗi khi có cố gắng về bút pháp, là có thi pháp. Chaque fois qu'il y a effort sur le style, il y a versification ». Nói cách khác bất cứ việc xây dựng một thể văn nào có tính cách đặc biệt, đều có quyền coi việc xây dựng thể văn đó như một cách làm thơ. Nếu hiểu bút pháp một cách rộng rãi như thế, nghĩa

(1) Bài Le Roman comme Recherche đăng trong Cahier du Sud, tháng 4-1946 trích lại trong tuyển tập phê-bình văn-học Repertoire (1960) Bài Intervention à Ro-yaumont (1959) đăng lại trong Repertoire và nhất là bài Roman et Poésie, bài diễn thuyết ở Đại-học Cleveland, bên Mỹ, đăng trong Les Lettres Nouvelles tháng 2-1961.

là bao gồm mọi cách thể và mức độ diễn tả, dĩ nhiên có thể coi tiểu-thuyết như một thể thơ (1).

Nhưng ngay trong việc xây dựng thể văn, còn hàm chứa một cố gắng « phản tỉnh » để tạo ra và ý-thức những hình-thức, những lược đồ như những khung, bộ xương của công trình kiến trúc. Đó là sự góp phần của triết-học. Như thể là triết-học và Thi-ca hoà-hợp trong tiểu-thuyết. Và Butor bỏ làm thơ, bỏ dạy triết-lý để viết truyện.

Một đặc điểm trong tiểu-thuyết của Butor cũng như phần đông các nhà văn thuộc nhóm « tiểu-thuyết mới » là rất ít động tác và hầu như không có bố cục (intrigue) ly kỳ như trong tiểu-thuyết cũ. Tập truyện đầu tiên « Passage de Milan » gần ba trăm trang chỉ nhằm làm sống lại nửa ngày của một nhà lầu ở Paris : phân tách, trình bày, tháo gỡ những liên lạc giữa những chủ nhà từ lầu trên xuống lầu dưới và những ràng buộc giữa những người cùng ở trong một nhà hoặc giải thích một việc mới xảy ra trong nhà lầu đó tạo ra những tương quan, liên lạc

1) Nguyên văn câu của Butor : « En élargissant le sens du mot style, ce qui s'impose à partir de l'expérience du roman moderne, en le généralisant, en le prenant à tous les niveaux, il est facile de montrer qu'en se servant de structures suffisamment fortes, comparables à celle du vers, comparables à des structures géométriques ou musicales, en faisant jouer systématiquement les éléments les uns par rapport aux autres jusqu'à ce qu'ils aboutissent à cette révélation que le poète attend de sa prosodie, on peut intégrer en totalité, à l'intérieur d'une description partant de la banalité la plus plate, les pouvoirs de la poésie. »

(Repertoire p. 271).

mới như thể nào, ví dụ một tối khiêu vũ ở tầng lầu bốn để mừng một thiếu-nữ tới tuổi đôi mươi đã tạo ra những làm quen mới giữa những người thuê nhà ở các tầng lầu và khách mời.

Tập truyện này mới chỉ là một thí nghiệm chưa bộc lộ một cách rõ ràng những chủ đích về nội dung và kỹ-thuật tiểu-thuyết mà người ta dễ dàng tìm thấy trong mấy cuốn sau.

Cuốn « L'Emploi du Temps » và « La Modification » đưa tác giả tới một chỗ đứng vững chắc trong nhóm nhà văn trẻ và mới. Cốt truyện hai cuốn tiểu-thuyết này cũng không có gì lạ và phức tạp nhưng cái hay, và cái đích của tiểu-thuyết ở chỗ khác, mà người đọc không thể không cảm thấy bó buộc phải tìm khi tiếp xúc với tác phẩm.

Jacques Revel, người kể và cũng là nhân vật chính của « L'Emploi du Temps ». Chàng bỏ quê hương sang trú ngụ ở Bleston bên Anh vào tháng mười để thực tập một năm trong một hiệu buôn. Ngay từ lúc mới đến, Jacques có cảm tưởng là thành phố này sẽ làm cho chàng buồn chán, vì nhàn rỗi. Mấy tháng sau, vào ngày mồng một tháng năm, Jacques muốn hỏi tường lại thời gian vừa qua xem mình đã làm được những gì có ích lợi để khởi định ninh rằng đã mất thì giờ vô ích, và chàng muốn ghi lại những ngày tháng đó vì chàng nghĩ rằng ít ra đó cũng là một cách làm việc để khỏi mất thì giờ. Chàng nhớ lại những ngày đầu mới đến, chàng chỉ quen với mỗi một người bạn đồng nghiệp là James Jenkins, rồi về sau, thêm được một bạn khác đồng hương là Lucien cũng đến tập sự như chàng ở hiệu buôn. Hai người

làm quen với một người ở Bleston là một nhà văn viết nhiều truyện trinh thám rùng rợn. Sự quen thuộc đó rất ảnh hưởng đến tâm trí Jacques; làm cho chàng thêm dẹt những hình ảnh ý nghĩ « trinh thám » vào cả những người quen thuộc của chàng, đến nỗi chàng yên trí là nhà văn bạn kia hình đang bị một âm mưu ám sát. Sự thắc mắc bận tâm về những lý do của âm mưu ám sát đó làm cho chàng không còn nghĩ đến những người em gái của nhà văn mà chàng có thể yêu. Cho đến khi chàng « tỉnh ngộ » thì đã quá muộn. Hai người em đó đã đính hôn với hai bạn của chàng là Lucien và Jenkins. Ngày trở về Pháp sắp tới, và trong những trang cuối cùng của cuốn nhật ký, người ta thấy chàng xách hành lý lên tàu, kết thúc một năm tập sự, nhưng thất-bại vì đã không xây dựng lại được thời gian đã dùng trong năm qua và nhất là đã không thể hiểu được cái thành phố Bleston là gì và cuộc đời lưu trú của mình ở đó có nghĩa lý gì. Thực ra, chả có gì là đáng kể trong năm vừa qua và cuối cùng chỉ là một nỗ lực tuyệt-vọng trong việc chinh phục lại dĩ vãng.

Năm sau cuốn « Modification » ra đời. Léon Delmont, giám - đốc một chi nhánh ở Paris cho hãng máy chữ Scabelli ở Rome. Chàng có hai cuộc đời: Ở Paris, chàng quản lý nhà buôn và sống với gia-đình ở Rome, chàng đi giao thiệp với hãng và sống với tình nhân. Và đây là một chuyển đi nữa. Nhưng lần này không phải để giao-thiệp với hãng về việc buôn bán nhưng để đưa Cécile về Paris ở với chàng sau khi chàng đã quyết định ly dị với Henriette để chấm dứt tình cảnh đối trá, che đậy từ ba năm nay.

Giữa khoảng đường Paris-Rome, trên tàu, dự định đó thay đổi và kết thúc thế nào, đó là tất cả động tác của cuốn truyện dài gần hai trăm rưỡi trang.

Cuốn truyện sau cùng mới xuất bản gần đây « Degrés » càng thu gọn thời gian và giản dị hóa động tác: tác giả mô tả một giờ giảng về sử-địa trong một lớp học vào tháng mười về sự khám phá và chinh phục Mỹ-Châu.

* *

Đâu là chủ đích căn bản của Michel Butor qua những truyện ông đã xuất bản, nhất là trong hai cuốn « l'Emploi du Temps » và La Modification ?

Người ta có thể trả lời bằng một định nghĩa về tiểu thuyết mà chính Butor đã lựa chọn làm đầu đề một bài khảo luận: Tiểu-thuyết như một tìm kiếm. (Le Roman comme Recherche).

Có một dự định về cuộc đời và một thời gian đã sống theo dự định đó. Nhưng lúc dự định cũng như lúc đang sống dự định đó, con người không *biết thực sự* mình muốn gì và do đó mình là gì? Chỉ ở cuối đường tìm hiểu, con người mới *nhận* ra mình, mới tìm thấy mình trong cái bản chất đích thực của nó. Cuộc đời là một tìm kiếm và là một khám phá lại bản chất của mình. Tiểu thuyết hình thành trong sự tìm kiếm đó.

Trong cuốn La Modification, Léon dự định bỏ Henriette và lấy Cécile, nhân tình của chàng ở Rome.

Nhưng một khi hồi tưởng lại quãng thời gian chung sống với nhân tình, một khi kiểm thảo lại một cách chân thành với chính mình những kỷ niệm, những gặp gỡ,

như lần đưa Cécile về Paris chơi, dần dần Léon mới nhận ra vẻ mặt thật của mối tình ràng buộc chàng với Cécile. Chính nhờ những chuyến đi mà chàng đã làm quen và yêu Cécile, nhưng cũng vì những chuyến đi chàng nhận thấy rằng chàng không yêu một Cécile ở Paris; nhưng một người đàn bà ở Rome mà chàng gặp ở cuối chặng đường di chuyển từ Paris, một người đàn bà gắn liền với thành phố Rome mà chàng quen thuộc và quyến luyến những vỉa hè, những quán rượu, những bóng cây, những lâu đài, và bầu không khí, âm thanh, tiếng động, hình ảnh, khuôn mặt. Cho nên cái tình yêu Cécile không thể tách rời tình yêu một Cécile ở Rome nhờ những chuyến đi. Vì một khi đã mang nàng về Paris, nàng sẽ trở thành một Henriette thứ hai, và do đó tất cả những yếu tố tình cảm, cảnh vật đã tạo nên mối tình giữa chàng và Cécile sẽ không còn ý nghĩa gì nữa.

Ở cuối đường kiểm thảo, Léon quyết định bỏ ý định đưa Cécile về Paris và bằng lòng tiếp tục sống với Henriette.

Nhưng sự nhận ra mình qua những dự định muốn thực hiện cũng đưa tới một thất bại với những dự định đó.

Léon Delmont muốn duy trì mối tình với Cécile trong dự định giữ nàng lại Paris; nhưng sự kiểm thảo làm cho chàng « vô mộng » nhận ra bản chất thực của mối tình đó đồng thời cũng làm cho chàng không thể sống lại mối tình đó. Cũng như Jacques Revel trong l'Emploi du Temps muốn xây dựng một quang đời quá khứ mà chàng không biết ý-nghĩa của nó là gì, nhưng càng đi tìm thì càng thấy cái hiện tại mà chàng muốn cho quá khứ ràng buộc với

để có một ý nghĩa cũng lại trở thành một quá khứ.

Cho nên sự « nhận ra » mình ở cuối đường tìm kiếm kèm theo một thất bại trong dự định muốn thực hiện lúc ban đầu ở khởi điểm cuộc tìm kiếm.

Trong cuộc tìm kiếm đó, những đồ dùng và cảnh vật chung quanh giữ một vai trò quyết định. Trong tiểu thuyết cũ, sự mô tả cảnh vật chỉ có công dụng như một giới thiệu để giúp người đọc dễ hiểu nhân vật là chính yếu. Trái lại, nhân vật trong tiểu thuyết của Butor cũng như của nhiều nhà văn mới khác, nhất là của Alain Robbe-Grillet, đều bị ám ảnh bởi thế giới bên ngoài. Ý-thức, lương tâm của họ như bị chìm đắm trong những ràng buộc với đồ dùng, cảnh vật, không những trong những ý nghĩa hiện tại, hình ảnh thông thường mà còn cả trong những ý nghĩa, hình ảnh tưởng tượng, xa xôi, huyền thoại của chúng nữa.

Chính sự gắn bó, ám ảnh của ngoại vật linh động đó quyết định sự « thay đổi » dự định, sự « nhận ra » mình ở cuối cuộc hành-trình

Đối với Léon, Rome xuất hiện như một thành phố đầy kỷ niệm pha trộn với mộng ước, một thành phố có những sinh hoạt hiện tại quen thuộc gắn liền với những lịch sử, thần thoại xa xưa. Tất cả cái thành phố đó nằm trong mối tình của chàng với Cécile mà Cécile sẽ không còn phải là Cécile, người yêu, nếu không có thành phố đó.

Trong truyện, tác giả không muốn người đọc đứng ở địa-vị một khách bàng quan như thế cuộc tìm kiếm kia không liên lạc gì

đến mình. Tác giả dùng ngôi thứ hai để kể chuyện và do đó đột-nhiên người đọc thấy mình như ở trong cuộc. « Anh đi vào căn phòng ở đằng sau... » « Anh chỉ còn nửa giờ nữa là phải lên tàu về... » « Anh nghĩ rằng... ».

Người đọc có cảm tưởng đang nghe một người ngoài không những nhận xét, trình bày những cử chỉ, thái-độ của mình mà còn có vẻ tố cáo và kết án mình. Không những người đó theo dõi cuộc hành-trình của mình mà còn phán đoán về cuộc hành-trình đó. Sự tự thú bằng ngôi thứ nhất dù thành thực thế nào đi nữa cũng không bao giờ được vẻ nghiêm khắc bằng do người ngoài tố giác. « Anh » tức là nói đến mình, là chỉ tên, bày tỏ, tố cáo, và sau gần hai trăm rưỡi trang phân tách, nhận xét phán đoán như thể nhằm chính mình, độc giả không thể không nhận lấy cái kết thúc của cuộc tìm kiếm: « nhận » ra mình và thất bại về dự định.

* * *

Tiểu thuyết là một tìm kiếm theo nghĩa nhân vật ở khởi điểm cuộc hành trình hay sự kiểm thảo chưa « nhận ra » mình và chỉ « tìm thấy mình » trong chân tướng đích thân bằng một cuộc tìm kiếm ở cuối đường cuộc tìm kiếm đó. Theo nghĩa thể văn, tiểu thuyết cũng là một tìm kiếm. Nó hình thành trong việc tự xây dựng cho mình một hình thức có thể bày tỏ một thực tại mới. Chính ở nghĩa thứ hai này mà Butor đặt vấn đề tương quan giữa tiểu-thuyết và thi ca.

Theo tác giả, có thể coi truyện như một thể thơ. Quan niệm đó đi ngược lại

quan niệm thông thường chẳng những phân biệt mà còn đối lập tiểu-thuyết và thơ.

Người ta vẫn coi truyện như một lối văn dễ dãi, thiếu cá tính vì có thể dùng vào mọi việc: thuật truyện, phóng sự, sử ký, tả cảnh, tự tình, điều tra, đấu tranh chính trị v . . . v . . . Mục tiêu của truyện là nhằm thể hiện cuộc đời hằng ngày. Mà cái hằng ngày là cái chung của mọi người, cái tầm thường; Cái tầm thường chỉ có thể là chất liệu của lời nói giao-thiệp hằng ngày, không thể coi là đối tượng của văn chương được. Cho nên đúng ra, không thể coi tiểu-thuyết là văn chương. Nhất là những nhà thơ càng thường hay khinh miệt tiểu-thuyết. Paul Valery đã chế giễu các nhà tiểu-thuyết làm một việc vô ích khi họ viết: « Bà hầu tước đi ra lúc năm giờ » (*La marquise sortit à cinq heures*). A. Breton, trưởng nhóm siêu thực, trong bài tuyên ngôn của nhóm cũng đã bày tỏ một lập trường tương-tự. Họ gớm ghét cái thái độ tả chân của tiểu-thuyết vì nhà tiểu-thuyết « tìm cách làm cho người ta đồng ý với mình trên những điểm chung, tầm thường ». Họ cho rằng cuộc đời chia làm hai loại khoảng khác: một loại tầm thường gồm chuyện lật vật, thói quen hằng ngày, câu nói xã-giao thông thường v . . . v . . . không đáng nói và một loại những khoảng khác đặc biệt đáng ghi, đáng nói. Thơ nhằm thể hiện những khoảng khác đặc biệt đó.

Trong bài « Roman et Poésie » Butor không đồng ý quan niệm trên, và hơn nữa còn muốn chứng minh rằng tiểu-thuyết cũng có thể là một thể thơ.

Cái cốt yếu là phải xác định thế nào là thơ. Theo Butor, một bài thơ xuất hiện

như một bản văn mà người ta thấy khác biệt những bản văn khác ngay trước khi người ta có thể hiểu ý nghĩa bản văn đó, và được xếp đặt bằng những hàng chữ không đều và nhất là như một âm điệu nào đó. (1)

Tất cả những phương tiện dùng để nhấn mạnh vào sự khác-biệt đó gọi là âm luật. Lúc đầu âm luật cốt yếu là vần câu, rồi chuyển sang thơ tự do, cốt yếu là điệu và hình ảnh.

Nhưng tại sao yếu tính của thơ là cái khác biệt. Theo Butor, phải trở về với lịch sử tôn giáo trong khái niệm « linh thiêng » (le sacré) để hiểu vai trò và ý nghĩa của thi ca.

Khi ta nói cái gì « linh thiêng », ta có ý chỉ thị tính cách « khác biệt », và cao xa, không nên động tới, và phải thận trọng, tôn kính.

Trong đời sống của mọi xã hội, có những vấn đề, không thể giải thích hoặc giải quyết được trên thực tế, một cách hợp lý, nhưng không thể không được giải thích hoặc giải quyết. Sự giới hạn của thực tế, của lý trí đưa vào lãnh vực tôn giáo, thần thoại hoặc tưởng tượng. Những thần thoại, tôn giáo, hoặc chuyện hoang đường của một dân tộc rất cần thiết cho sinh hoạt của dân tộc đó trải qua những thay đổi luôn luôn có thể xảy ra trong

lãnh vực sinh hoạt hàng ngày của họ. Do đó, những hình ảnh, ý tưởng thuộc tôn giáo, thần thoại cần được bảo vệ duy trì vì đó là mối dây đồng tâm của dân tộc.

Trái lại, những câu chuyện hàng ngày ràng buộc với công việc làm ăn giao thiệp thường là nguồn gốc của hiểu nhầm, đổ kỵ, chia rẽ và cũng hay thay đổi.

Như thế, ngôn ngữ hàng ngày không còn sự thống nhất vì một chữ có thể mặc nhiều nghĩa.

Trong khi ngôn ngữ hàng ngày sa đọa qua những biến thiên vô định thì ngôn ngữ để diễn tả cái « linh thiêng » qua thần thoại, cổ tích, tôn giáo vẫn nguyên vẹn, nghĩa là chữ nghĩa vẫn thống-nhất, hòa hợp.

Nhưng đồng thời ngôn ngữ « linh thiêng » không thay đổi trên cũng có tính cách cổ kính, xa lạ nếu so sánh với những ngôn ngữ hàng ngày luôn luôn biến chuyển. Tuy nhiên sự đồng tâm căn cứ vào một ngôn ngữ « cổ kính » chỉ là lý tưởng. Vì trong thực tế, có sự gặp gỡ, va chạm và pha trộn giữa các xã-hội với nhau, không những chỉ ở trên bình diện sinh hoạt hàng ngày (kinh-tế, phong-tục) mà cả ở trên bình diện tôn giáo, truyền-thống, thần thoại. Do đó người ta không còn có thể quả quyết thần linh nào, huyền truyện nào, tôn giáo nào, ý-tưởng nào là thuần túy của dân tộc mình. Và người ta sống trong một tình cảnh mất những mối dây đồng-tâm, những ý nghĩa nguyên thủy, chung cho cả một đoàn thể dân tộc.

Chính trong tình cảnh đó, mà văn chương xuất hiện như để giữ một vai trò

1) « Une Poésie », cela désigne un texte qui se présente comme différent des autres textes avant même qu'on en ait compris la signification... un texte qui a une présentation typographique différente, imprimé en lignes inégales... un texte qui se fait reconnaître comme différent des paroles habituelles, par un certain rythme... page 54 (R. et P.)

cứu vãn « một cái gì đã mất ». Thi sĩ là người « hoài niệm » thiên thai đã mất và cố gắng đi tìm lại những ý nghĩa nguyên-thủy của Chữ, ngôn ngữ. Và bởi vì không thể căn cứ vào đâu để phân biệt những khoảng khác nào là đặc biệt, quan trọng, thi sĩ chỉ còn cách là chọn những khoảng khác mà người *tưởng* là đặc biệt và cố tạo ra một « hình thức » diễn tả như những hình thức diễn tả đặc biệt của các bản văn thần thoại, huyền truyện, tôn-giáo xưa, để khoảng khác đã chọn không thể đồng hoá với cái tầm-thường quen thuộc.

Đó là ý nghĩa sự quan trọng của *hình thức*. Những bản văn tôn giáo hoặc thần thoại xưa, sở dĩ vẫn duy trì được tính cách độc nghĩa, một cách nguyên vẹn là vì nhờ những *hình thức* diễn tả đặc biệt của nó.

Cho nên thơ là thể hiện một khoảng khác đặc biệt — có nghĩa như một nỗ lực linh thiêng hoá cái phàm tục — bằng cách sáng tạo một hình thức đặc biệt, một ngôn ngữ đặc biệt, khác thường. Nếu yếu tính của thơ là « cái khác biệt » căn cứ vào một hình thức xây dựng như nhịp điệu, xếp đặt câu, chấm phẩy, như bút pháp, thì tiểu thuyết cũng có thể gọi là thơ khi đạt tới cái « khác biệt » trong ngôn ngữ diễn tả.

Cho nên thơ vừa có thể là thực, vừa là không thực, Thực vì bắt đầu từ cuộc đời hàng ngày, không thực vì bao giờ cũng vượt xa nó. Thơ đưa chúng ta vào một thế giới huyền ảo, sâu xa của tưởng tượng, tôn giáo, thần thoại. Thế giới đó không phủ nhận cuộc đời hàng ngày, nhưng chỉ khác biệt thôi. Như thế, bước vào thi ca cũng như là một trở về, trở về với nguồn gốc, với cái gì là nguyên ủy, sơ thủy, của cuộc đời. Thơ thành công khi có khả

năng rung động chúng ta trong thế giới đó, một khả năng có thể gọi như của thần chú (pouvoir d'incantation).

Vậy cũng có thể gọi tiểu-thuyết là thơ khi tiểu-thuyết bao hàm khả năng thần chú đó.

Tiểu-thuyết là thơ bằng cái thế giới của tưởng tượng, của mơ mộng, của thần thoại mà bút pháp của nhà văn có thể gọi lên, làm sống động nơi ta. Không bao giờ truyện là thực. Có thể nhà văn kể một câu chuyện rất thực, nhưng nếu ông để chữ « tiểu-thuyết » dưới đầu đề câu chuyện, ông có ý bảo không nên tìm xem thực-sự câu chuyện đó có thực hay không vì đó không phải là mục đích của tiểu-thuyết đạt tới.

Nếu hiểu bút pháp như một dấu làm cho nhà văn này *khác* biệt nhà văn kia trong việc lựa chọn chữ, hình ảnh, hình thức diễn tả, thì hễ bao giờ có bút pháp, là có âm luật, và do đó có thơ. Như thế, bút pháp, không phải chỉ là cách xếp đặt những chữ trong một câu, mà còn là cách xếp những câu trong một đoạn, và những đoạn với nhau. Và do đó tất cả tiểu-thuyết có thể coi như công trình xây dựng bút pháp, một hình thức, một âm luật.

Trong viễn tượng đó, có thể coi rất nhiều đoạn trong cuốn *Modification* như những bài thơ và toàn thể cuốn truyện như một bài thơ.

Suốt cuốn truyện, tất cả những ý nghĩ, cử chỉ của Léon như bị ám ảnh nâng đỡ bởi những hình ảnh, ý tưởng của lịch sử, thần thoại, tưởng tượng mơ mộng. Độc giả dễ dàng nhận những mô tả thành phố Rome, Paris và khung cảnh từ

Paris đến Rome trên tàu là thực, nhưng luôn luôn đằng sau cái thực đó, bao giờ cũng xuất hiện một Rome tưởng tượng, lịch sử thần thoại như Michel Leiris đã gọi một cách xác đáng tiểu thuyết của Butor là một thứ tả chân thần thoại (réalisme mythologique (1)).

Người ta còn phải chú ý tới cách dùng chữ và xếp đặt câu chằm phẩy của Butor. Nhiều đoạn tác giả phẩy hoặc không phẩy mà xuống giòng viết lùi câu sau vào. Đó là chủ ý để nhấn mạnh vào liên lạc giữa hình ảnh, hoặc ý tưởng. Như hai đoạn sau đây :

Anh sẽ không đợi nàng khi ra khỏi lâu đài Farnèse ; anh sẽ ăn trưa một mình ; suốt trong mấy ngày này, anh sẽ ăn một mình.

Tránh không đi qua phố của nàng, anh sẽ đi dạo một mình và buổi chiều anh sẽ về khách sạn một mình để ngủ một mình.

Trong phòng đó, một mình, anh sẽ bắt đầu viết cuốn truyện, để lấp đầy sự trống rỗng của những ngày ở Rome không có Cécile, vì bị cấm không được gần nàng.

Rồi chiều thứ hai, đúng giờ anh đã định trước, đúng con tàu anh đã định trước, anh đi về phía ga, mà không được thấy nàng. (trang 228)

Và đoạn kết thúc của cuốn truyện, sau khi dự định đã thay đổi :

Điều hay hơn cả, có lẽ là nên giữ đúng những tương-quan địa lý thực sự giữa hai thành phố

và thử làm sống lại bằng cách đọc cái giai đoạn cực khổ của cuộc phiên lưu này, chuyển vận trong trí anh theo sự di chuyển của xác anh từ ga này tới ga kia qua những phong cảnh làm trung gian,

để tới cuốn sách tương lai cần thiết kia mà anh đang nắm giữ cái hình thức trong tay. (trang 236)

HOÀNG-THÁI-LINH

1). Tạp chí Critique — Tháng 2-1958.

CÁI CHẾT

Raymond Radignet chết hồi 20 tuổi, tác giả tập : « Le diable au corps » có tư-tưởng khá ngộ-nghĩnh về cái chết :

Càng nhìn gần một sự vật càng thấy sự vật ấy không giống với nó chút nào. Một người suýt chết tưởng mình đã gặp chết. Đến khi cái chết lờ, người ấy không nhận được ra và bảo : « cái chết đâu phải thế này », và nói xong thì chết.

HÌNH ẢNH

Tường - Linh

Chiều chiều tôi qua ngõ
Nàng đọc sách ngoài hiên
Bên người em gái nhỏ
Nắng lười xa chân thềm

Tóc chị dài như suối
Tóc em lộn trái đào
Hai chị em không nói
Mà âu yếm làm sao!

Đôi khi nàng lặng lẽ
Nhìn mây chiều trôi ngang
Đề mặc em gái bé
Quàng vai, nghịch tóc nàng

Có lúc nàng bỏ sách
Tay nựng má em thơ
Đôi bóng hình trinh bạch
Nhìn nhau đến bao giờ?

Len lén trông cảnh ấy
Tôi cứ muốn dừng chân
Nhưng ngại nàng trông thấy
Bước đi mà... băng khuâng

Tôi chưa rời phố trọ
Vị ngại xa hai người
Dù nàng chỉ xem tôi:
Kẻ thường đi qua ngõ

Đời bỗng dâng sóng gió
Tôi vội vã lên đường
Lần cuối cùng qua ngõ
Rồi mãi mãi nhớ thương

Chiều nao tôi trở lại
Qua phố cũ đường xưa
Không có người chào hỏi
Vì không người tiễn đưa

Đường, vẫn con đường ấy
Chiều, vẫn chiều không màu
Vẫn em thơ ngồi đấy
Nhưng nàng đâu, nàng đâu?

Một cái gì quen thuộc
Đã mất hẳn trong tôi
Hai chị em ngày trước
Sao thiếu mất một người?

Bỗng nhiên mà ngào nghen
Lòng vương vương mạch sầu
Mình buồn, ai biết đến
Vì ai bắt mình đau?

Tôi lại rời phố trọ
Vì đã « xa » một người
Vì nỗi đau không lời
Mỗi chiều đi qua ngõ....

T. L.

GÁC NHỎ

Hoài - Hương

Nhà tôi trong phố hẹp
Mái lá nhỏ mong manh
Vách dựa hè bên, hiên khép nép
Cửa xiêu xiêu lem luốc bụi đỏ-thành.
Tôi ngồi đây, thêm một khoảng trời xanh
Thêm mây dong ruổi, đồng no gió
Thêm chiếc sao xa, giọt nắng lành
Nhưng nửa đời tôi cứ sống loanh quanh

Dưới mái lá nghèo nàn, đìu hiu, thấp-thỏi.
Đời chúng tôi u buồn như đợt khói
Cổ vươn lên đón chút nắng chiều tan

Mười mấy năm qua,
Mắt vẫn mơ màng
« Một chiếc lầu con
Đôi hàng song gỗ
Bàn nhỏ nhỏ, kê liền khung cửa sổ,
Hé cho tôi một khoảng nhỏ trời xanh ! »



Dồn tháng ngày, dựng chiếc gác mong manh
Mái nhà tôi đè trên bao nóc lá
Hiên nhỏ xiu cổ nong đầy gió lạ
Cửa mở toang chực nuốt cả mây trời.
Vịn hàng song, tôi ngắm đến nơi nơi.
Sáng giữa mắt tôi hay vừng sao xa lấp.
Trời trên đó tự do mây bát ngát
Sầu trần gian tan biến giữa lòng không.



Nhưng lên cao, tôi lại xót xa lòng
Thấy cuộc sống rõ ràng sau gác nhỏ.
Tôi chẳng nhìn xa, mảnh trời ăm ắp gió
Mà lại nhìn trở xuống mái lá đìu hiu
Nghe tiếng em bán báo rộn sương chiều
Xe ba bánh lăn vào trong hẻm tối...

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cường họng

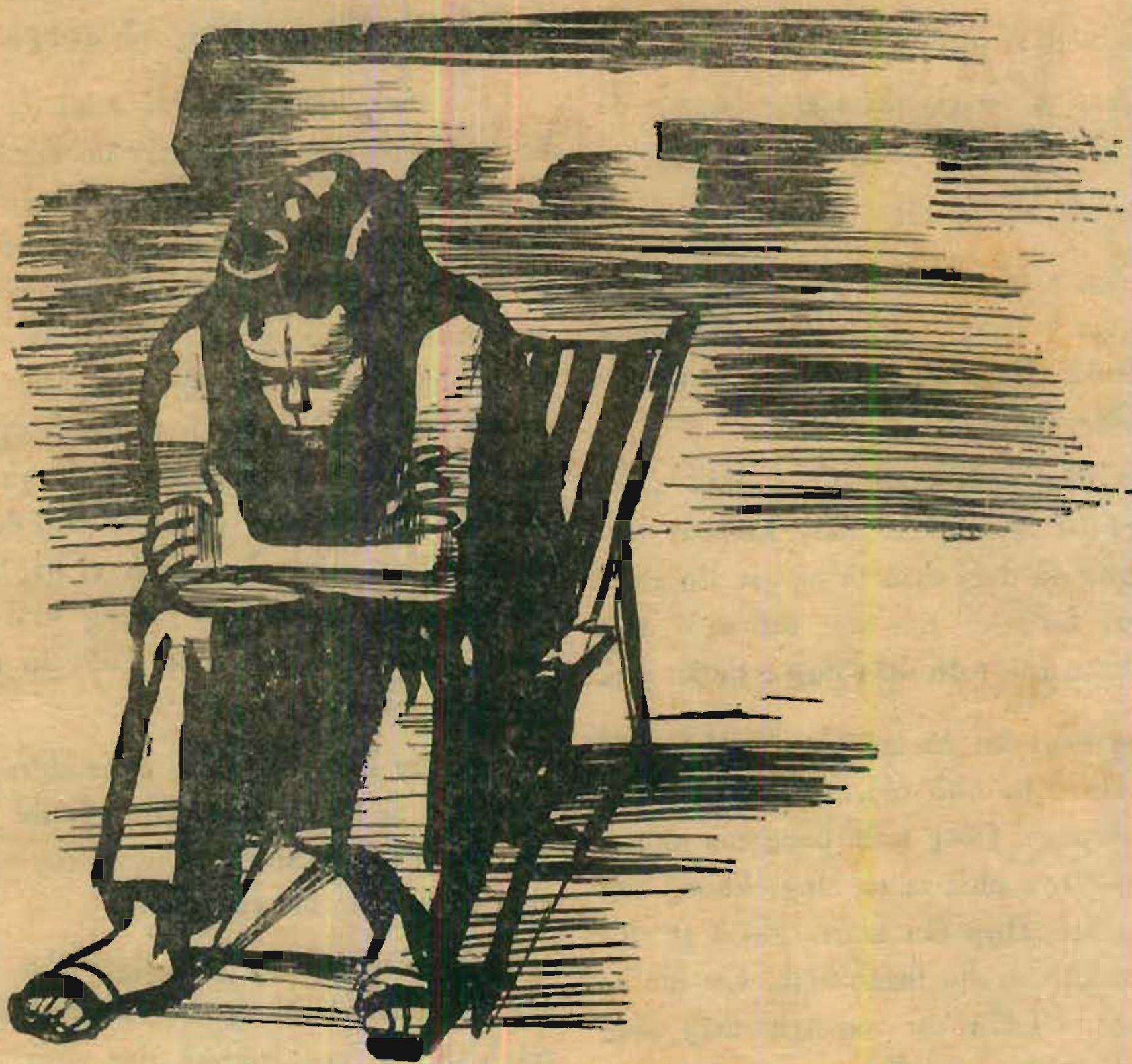


VIỆN BẢO-CHẾ VANCO

TRU'ONG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon



TÀN TẬT

LUÂN rút nhẹ chiếc đĩa hát ra khỏi lớp vỏ giấy mỏng và đặt lên máy. Mặc dầu không có tí bụi nào nhưng Luân cũng lau phớt sơ qua mặt đĩa bằng mảnh nỉ đặc-biệt.

Tất cả mọi cử-chỉ, từ khi bắt đầu dỡ cái khăn đậy máy cho đến lúc bỏ kim lên đĩa, Luân làm với dáng điệu trùu mến như người nâng chiếc trứng mỏng.

Luân từ từ điều-chỉnh nút kiểm âm-lượng, nút cân bằng và các nút bổng, trầm, theo sở thích của mình. Trông có vẻ như một nhà bào-chế đang kiểm-soát tỉ mỉ từng phân lượng thuốc để chờ đợi một phản ứng mong muốn.

Thúy hạ tờ báo đang đọc dở, nói với Luân :

— Thế là hay lắm rồi, đừng thay đổi nữa.

Luân đáp :

— Anh muốn gia thêm âm « bồng » để cho tất cả các giọng thanh đều ra hết.

Luân cắt nghĩa thêm cho vợ :

— Âm « trầm » bao giờ cũng dễ có, nhưng âm « bồng » khó lắm. Một chiếc máy hát đắt tiền cũng tùy nơi âm « bồng » nhiều hay ít.

Luân đến ngồi cạnh Thúy trên chiếc ghế dựa dài xây mặt về phía loa máy hát. Ngả lưng và duỗi chân thẳng gác lên chiếc ghế con, Luân cố tìm một thế ngồi thật thoải-khoảnh cho toàn thân được thoải mái.

Tiếng nhạc êm êm lan truyền khắp căn phòng khách bé nhỏ với một âm thanh ấm áp du-dương. Tiếng trầm bồng của những nhạc cụ được phát ra rõ ràng, không một chút sai lạc. Hợp tấu khúc, khi ồ ạt như vũ bão, khi êm dịu thanh-bình. Có lúc im lặng hẳn và Luân chỉ còn nghe thấy tiếng quả tim mình đang đập.

Luân rất bằng lòng bộ máy khuếch-dại « âm thanh nổi » của mình. Luân đã ráp lấy từ bộ phận một, tính toán từng cái điện trở, cái động điện, thay đổi những thành-phần, thử đi, thử lại.

Luân không biết là mình đã bỏ hết bao nhiêu công-trình vào đấy. Có một điều chắc chắn và Thúy biết rõ nhất là Luân đã thức nhiều đêm khuya thật là khuya, mãi miết, trầm ngâm, tính toán một mình trong căn phòng thí-nghiệm bé nhỏ, trước những máy đo điện-tử, giữa những hệ-thống dây nhợ chằng chịt. Lắm lúc Thúy phải bực mình vì đang ngủ ngon mà bị những tiếng ồn

ào của Luân thử máy làm cho tỉnh dậy. Thúy lại phải, mắt nhắm mắt mở, bước qua phòng máy để rước chồng về đi ngủ.

Luân cũng không nhớ là mình đã tiêu hết bao nhiêu tiền vào bộ máy âm thanh nổi. Chỉ biết là tiền tiêu vật hàng tháng, Luân đã cúng gần hết vào việc mua sắm các bộ phận của máy. Mỗi lần Thúy trông thấy ví của Luân cạn lại bỏ thêm ít tiền dần ví, phòng khi ra đường đập « vỡ bánh trảng » thì có tiền mà bồi thường. Nhưng mỗi lần Luân có tiền trong túi là ghé đến tiệm bán đồ phụ-tùng vô-tuyến-điện để mua thêm đủ thứ. Thúy bực mình vì bao nhiêu tiền cũng đi đánh đổi lấy những « cái pháo chuột, pháo xì » xanh xanh, đỏ đỏ chẳng nghĩa lý gì cả.

Tuy vậy khi Thúy ngồi nghe những bản nhạc qua hệ-thống âm thanh nổi thì cũng thấy thích-thú và quên tất cả những sự khó chịu về sự đam-mê của chồng.

Luân thường hay giải thích cho Thúy rằng sinh ra ở đời người nào cũng không tránh khỏi những đam-mê, dục vọng. Luân nói :

— Đam mê có nhiều hình-thức, nhiều loại. Anh chọn cái loại này nó đã không có hại cho gia-đình mà còn có lợi cho anh nghĩa cho cả gia-đình nữa. Giả sử anh mà mê khiêu-vũ hay cờ bạc rượu chè thì em sẽ khổ biết bao nhiêu !

Thúy hiểu lắm cho nên không dám làm trái ý chồng bao giờ. Thậm chí có hôm Thúy phải gác đĩa chờ cơm trong khi Luân còn « lơ tay » đang mãi miết làm cho xong một cái gì ở phòng máy.

Luân thì chỉ lo bỏ khuyết làm sao cho hoàn-toàn về âm-thanh, về kỹ thuật,

mặc cho bề ngoài của chiếc máy có xấu xa, luộm thuộm cũng không cần. Trái lại Thúy thì chỉ mong Luân nhất định một lần và phác họa ngay cái tủ để Thúy đi đặt ở hiệu thợ mộc. Thúy muốn cho chiếc máy phải nằm yên trong cái tủ gỗ đánh bóng cùng màu với bộ bàn ghế ăn và cái tủ rượu. Thúy rất ghét cái khăn phủ trên máy và dây nhợ chằng chịt cũng như cái vỏ thùng loa chưa đánh bóng. Tất cả đều có tính cách bướng bỉnh cầu thả làm sao ấy. Hai vợ chồng đã nhiều lần bàn cãi với nhau, nhưng Luân vẫn còn hẹn cho đến khi nào chiếc máy hoàn hảo.

Có lần Thúy phải phát tức vì đã vừa ý rồi thì Luân lại tháo ra sửa lại và có lẽ còn thua trước. Thúy trêu tức nhưng Luân không chịu thua. Thúy phải nói:

— Ít nhất anh cũng có một mục-đích và biết là bao giờ anh sẽ đến đó chứ. Chả nhẽ không bao giờ máy của anh hoàn toàn hay sao ?

Luân bình tĩnh trả lời :

— Ở đời có gì gọi là hoàn-toàn được đâu. Vả lại khoa-học và nghệ-thuật thì không có một đích nhất định vì cứ tiến mãi bởi muốn đi đến chỗ hoàn-toàn.

Thúy định bụng sẽ tẩy chay không thém nghe, không thém thưởng-thức nhạc nữa, nhưng hễ mỗi khi nhàn rỗi Luân vắn nhạc lên là Thúy không thể đi tránh được.

*
* *

Hơn một tháng sốt thương hàn, Luân không động đến những máy móc đồ chơi. Có hôm tưởng trong người hơi khỏe nhưng mới ngồi vào giữa đám máy định làm một

cái gì thì đầu óc lại choáng váng, mặt mày xây xẩm. Luân tưởng chừng như căn phòng quá bé nhỏ và có nhiều những cuộn dây điện, những bộ biến thế gây ra một từ trường vô hình loạn xạ có ảnh hưởng hại cho cơ thể. Hay là người ốm không thích trong thấy những cái vô trật tự, rối loạn của máy móc.

Luân đã ăn trả bữa và bắt đầu ngồi lâu xem báo được không đau đầu nữa. Hạn nghỉ phép dưỡng bệnh cũng đã hết cho nên Luân tự cho mình là đã khỏi hẳn.

Lâu ngày không sờ đến bộ máy « khuếch đại âm thanh nổi » Luân thấy nhớ. Nhiều lần Thúy muốn vắn máy cho Luân nghe nhạc, nhưng thấy chằng chịt những nút và nút khó điều chỉnh quá, nên lại thôi đành chờ đến khi Luân khỏi để tự vắn lấy.

Luân chọn đĩa nhạc Overture của Rossini bản William Tell là đĩa mà Luân thường thích nghe vì có đủ tầm âm thanh rộng rãi đi từ tiếng trống trầm nhất cho đến tiếng chuông bổng nhất, qua những tiếng vó ngựa rộn ràng, những điệu kèn thúc dục, với vô số họa âm phức tạp. Một máy hát hạng thường, không phải là « thượng tín » thì không thể nào diễn hết tất cả những âm-thanh đã thu trong chiếc đĩa thượng hạng ấy. Đã thế mà máy của Luân lại hát âm-thanh nổi nữa cho nên mỗi lần nghe Luân cảm thấy cả sự bao la vĩ đại của không gian ba chiều.

Luân xem xét dây nhợ, cho máy nóng một hồi và không thấy gì trở ngại sau thời-gian nghỉ dài hạn, mới dám đặt đĩa vào máy. Luân vẫn quen thói ngả người vào lưng ghế, ngẩn mặt nhìn lên trần nhà, lim dim đôi mắt mỗi khi nghe nhạc. Nếu

không ở thế ấy thì Luân lại cúi hơi về đằng trước hai tay chống lên hai vế chân và những đầu ngón tay châu vào nhau hơi giống như người chấp tay niệm Phật.

Bản nhạc bắt đầu hết sức êm dịu đến nỗi người nghe khó lòng mà để ý. Nét nhạc đi đầu với những tiếng trung hồ cầm khoan thai đến những tiếng vĩ cầm du dương réo rắt. Ba tiếng sáo hợp âm vang dội từ không gian sâu rộng, mở đầu cho khúc biến chuyển như sấm dậy vang trời hay là sóng cuộn cuộn vỡ vào bờ.

Hết ồ ạt lại đến im-lặng hoàn toàn phôi diễn một cảnh trái ngược để rồi hai tiếng khác dẫn đầu cho một hợp khúc oboé và clarinet. Tiếng clarinet phụ họa phần hai nhí nhảnh như đàn chim non nhảy nhót truyền từ cảnh này qua cảnh khác trong khi tiếng oboé nghiêm trang đứng đắn như kẻ trượng-phu. Hai âm sắc hoà lẫn vào nhau, quấn quít vẫn vương như hai người tâm-sự yêu đương trong đêm dài.

Rồi bỗng hồi kèn trện vang lên chuyển khúc thúc dục liên hồi của tiếng vó ngựa rộn ràng từ xa tiến đến. Tiếng vó ngựa nện đất ồn ào như ba quân xông trận.

Bản nhạc chấm dứt. Luân quay nhìn Thúy đầy vẻ ngạc nhiên, rồi nhìn đĩa hát đang tiến qua bài khác. Luân đứng dậy đến ngưng máy và nhìn kỹ chiếc đĩa. Rõ ràng là cái đĩa quen thuộc của mình thường vặn, vẫn nhãn hiệu ấy, vẫn ban nhạc ấy. Luân nghi là có ai mượn đĩa và đổi nhầm, nhưng tuyện nhiên không phải. Luân hỏi Thúy :

— Quái lạ ! sao mà thiếu những tiếng tam giác sắt thanh thanh em nhỉ !

— Có chứ, em có nghe cơ mà.

Luân có vẻ đa nghi :

— Em chắc chắn là có nghe không. Tiếng đó ở đoạn nào ?

Thúy bỏ cặp que đan lên xuống và nói tiếp :

— Thì sau hai tiếng sáo mục đồng là có tiếng chuông ấy hòa theo clarinet chứ sao.

Luân nhớ rõ mình đã theo bản nhạc từ đầu đến cuối nhưng nhất định không nghe tiếng chuông ấy đâu cả.

Luân vặn lại một lần nữa. Có vẻ nóng ruột. Luân lại nâng cần kim máy bỏ vào khúc giữa cho chóng đến đoạn chuông. Một lần vẫn chưa đúng, Luân đặt lại lần nữa. Cứ chỉ này thường ngày Luân rất kiên vì sợ hư đĩa hát.

Vặn to nút kiểm âm lượng và tăng hết cả kiểm âm bổng, Luân im-lặng chờ đợi câu nhạc đặc biệt ấy. Hai tiếng sáo mục đồng. Luân nín thở. Thúy nói xen vào :

— Đấy anh nghe chưa ?

Luân hồ nghi, vặn to lên nữa. Thúy hỏi :

— Đấy : ting, ting, ting.

Luân tức mình, toát mồ hôi hột, vặn triệt hết cả âm trầm. Thúy hỏi :

— Lạ quá ! Rõ như thế mà anh không nghe được sao ?

Luân quay lại phía Thúy :

— Em có chắc chắn là không đùa với anh chứ ?

Thúy nhìn chồng ái ngại :

— Mà anh hỏi thật em hay sao ? Anh không nghe gì cả à ?

— Anh không nghe tiếng chuông nào đệm theo clarinet cả.

Thúy tiếp lời :

— Tiếng ấy nhỏ lắm. Dễ thường anh không nhớ anh đã chỉ cho em nghe lúc trước đó sao ?

Luân lắc đầu, thất vọng trước sự lạ lùng khó hiểu ấy. Suy nghĩ một chốc, Luân đứng dậy quả quyết tháo gỡ dây nhợ vào máy và mang bộ máy lên phòng thí nghiệm. Thúy lặng thinh nhìn theo rồi lại cúi xuống tiếp tục đang áo. Thúy thừa hiểu là thế nào Luân cũng sẽ tháo tung chiếc máy để tìm căn bệnh, và Thúy không bao giờ dám cho ý kiến trong công việc chuyên môn của chồng.

Chiếc máy nằm lật ngược trên bàn như người bệnh vào phòng khám nghiệm. Tất cả các dụng-cụ đo lường điện kể đều sẵn sàng hoạt-động. Đèn báo hiệu sáng đỏ. Đồ nghề sắp thứ tự bên tay phải trên giá gỗ. Luân trầm ngâm trình trọng như nhà bác sĩ giải phẫu sắp hành động. Quan sát tỉ mỉ từng thành phần một trong mạng dây chỉ chít những màu sắc, không thấy gì khác thường, Luân mới bắt đầu đo các chân đèn. Vẫn không có gì thay đổi.

Luân cho một âm hiệu vào máy và dùng giao-động kế theo dõi sự khuếch-đại qua mỗi tầng. Tuyệt nhiên không có một tí khuyết điểm nào cả. Thay đổi âm hiệu từng đợt ngắn qua suốt cả giai-tần âm thanh thượng tín từ trầm đến bổng, Luân vẫn không thấy gì khác thường so với kết quả buổi đầu đã ghi chép. Như thế nghĩa là đặc-tính kỹ thuật của chiếc máy không thay đổi. Nhưng Luân chắc lười, tự bảo thầm:

— Quái lạ ! thế thì vì sao lại mất hẳn âm bổng của chuông.

Rồi như sự nhớ lời Thúy quả quyết là có nghe thấy những âm thanh ấy Luân lại lắc đầu thất vọng :

— Vô lý quá !

Vụt đứng dậy với vẻ hy-vọng Luân lần lượt gỡ tất cả những bóng đèn đặt vào máy đo. Năm cái đi qua máy đo vẫn không báo một tí gì khuyết điểm. Thế là hết phương : đo máy ở trạng thái tĩnh, thử máy ở trạng thái động, đo các thành phần, thử bóng đèn, còn gì nữa.

Luân uể oải khóa cửa phòng máy, bỏ mặc đồ đoàn nghênh ngang, bừa bãi trên bàn, không buồn sắp đặt lại. Luân cảm thấy nhứt đầu có lẽ vì chú ý vào công việc sửa chữa quá lâu. Rón rén lên giường ngủ sợ phá giấc ngủ của Thúy nhưng vô ý lại đụng vào chiếc ghế dưới chân giường làm náo động. Thúy bừng mắt hỏi với giọng ngái ngủ :

— Tưởng anh thức suốt cả đêm chứ. Sửa xong chưa ?

Luân đáp lại cộc lốc :

— Chưa !.

Thúy biết là Luân đang tức bực vì thường khi nếu sửa xong một bệnh khó thì Luân đã nói cho Thúy nghe để san sẻ nỗi mừng. Mỗi lần Luân đi ngủ trước khi hoàn tất một việc gì, nhất là khi chưa tìm ra căn bệnh của một chiếc máy, thì chỉ là một sự miễn cưỡng. Hay đúng hơn Luân chỉ nằm cho khoả nhưng trí óc vẫn tiếp-tục làm việc, suy nghĩ đến căn bệnh.

Có lẽ khi ngủ quên thì tiềm thức vẫn đeo đuổi công việc cho nên nhiều lần vừa thức dậy là Luân đã qua phòng máy tiếp tục công việc bỏ dở quên cả buổi ăn sáng.

*
* *

Bác-sĩ nghe đi nghe lại phổi tìm một cách chăm chú. Đến phiên người y-tá phụ đo áp-lực máu. Về mặt bác-sĩ không quả-quyết như thể chưa tìm ra căn bệnh gì cả. Bác-sĩ hỏi thêm :

— Từ nhỏ đến giờ anh đã sốt trận nào như vừa rồi không ?

— Thưa Bác-sĩ, lúc bé tôi cũng đã bị sốt thương-hàn một lần.

Bác-sĩ hỏi dồn :

— Nhưng sau trận ấy cho đến trận vừa rồi anh không thấy gì khác chứ.

— Vâng, không có gì khác. Nhưng từ hôm ốm vừa rồi thì tay chân tôi có vẻ yếu đuối run rẩy.

Bác-sĩ suy nghĩ một hồi và nói tiếp:

— Anh đang ở trong một trạng-thái tê liệt lẫn hồi. Phần nhiều khi người ta bị sốt nặng, hệ khỏi bệnh sốt lại dễ mắc chứng ấy. Có thể là một trung-tâm thần kinh bị hỏng và ảnh hưởng đến phần cơ thể liên hệ. Như hiện giờ đây toàn thân bên phải của anh bị yếu. Nếu nhìn kỹ thì tay chân bên phải của anh có vẻ gầy hơn tay chân bên trái.

Luân so sánh hai tay và rung mình vì từ lâu không để ý. Bây giờ bác-sĩ cho biết thì Luân lại trông thấy quá rõ rệt. Một nỗi lo buồn dâng lên tràn ngập tâm hồn. Luân hỏi bác-sĩ:

— Có thuốc gì trị được không bác-sĩ ?

— Không có thứ thuốc gì cả.

Bác-sĩ lặng im một chốc, vô tình làm cho Luân thất vọng. Rồi ông ta nói tiếp :

— Chỉ có một cách là tập luyện lại. Các nước văn minh cũng chỉ áp dụng có mỗi một phương-pháp ấy. Cần phải kiên tâm trì chí, tập những cử động cho hữu ích để các bắp thịt quen dần dần trở lại.

Bỗng như sự nhớ đến đôi tai của mình. Luân kể lại sự nhận xét về thính-giác của mình từ sau cơn sốt cho bác-sĩ nghe và nói :

— Có thể nào sự tê liệt ảnh hưởng đến tai không ?

Bác-sĩ vừa vói tay lấy chiếc đèn rọi mang vào trán vừa trả lời :

— Có lắm chứ. Sự kích thích màng tai cũng do thần kinh hệ, thì một khi có tê liệt tất nhiên ảnh hưởng đến thính giác.

Bác-sĩ ra hiệu cho Luân ngồi xuống chiếc ghế thấp để quay lỗ tai về phía đèn rọi. Ánh đèn xuyên sâu vào ống tai. Bác sĩ cố tìm xem có bị vết tích gì khả nghi. Bác-sĩ hạ giọng nói rất khà :

— Tôi nói thế này anh nghe rõ không ?

Luân gật đầu hưởng ứng :

— Dạ rõ lắm !

Bác-sĩ cho biết là tai Luân cũng bị ảnh hưởng, chỉ duy sự tê liệt bắt đầu dần dần. Màng tai không rung động với những tần số cao nữa vì sự rung chuyển nhanh quá. Rất có thể khả năng rung chuyển sẽ bớt dần nghĩa là cái giới-hạn âm thanh cao mà tai Luân có thể nghe được sẽ càng ngày càng giảm. Trí óc Luân nghĩ ngay

đến những con số chu-kỳ và hình dung cái đường ứng diễn của giai tần âm thanh mà Luân đã tự hào thực hiện được với chiếc máy của Luân. Những con số ấy sẽ giảm dần : 15000, 14000, 13000... 10000...

Luân tự bảo :

— Trời ơi ! Còn gì là chiếc máy thượng-tín và âm thanh nổi nữa.

Và Luân hỏi bác-sĩ :

— Có thể tập luyện được cái màng tai không ?

Bác sĩ nhìn Luân một chốc và ngập ngừng :

— Đúng lý thì có thể lắm bởi vì đó cũng chỉ là những mô cử động. Tuy nhiên chưa ai nghĩ đến những phương pháp có hiệu quả để tập luyện màng tai cả.

Ở phòng khám bệnh ra, Luân chán nản và thất vọng hết sức. Đi lang thang không định hướng vì Luân không muốn về nhà vội. Luân muốn suy nghĩ một mình về căn bệnh của Luân, muốn cho sự đau khổ dày vò tràn ngập không ai hay biết.

Về nhà thì Thúy sẽ hỏi dồn dập hàng trăm câu hoặc là sẽ an ủi. Luân có thể gắt gỏng tức giận làm cho Thúy buồn. Luân cũng có thể giả dối im lặng nghe Thúy để cho lòng yên tĩnh. Biết đâu Thúy lại buồn theo Luân thì phỏng có ích lợi gì hơn.

Về nhà để làm gì với chiếc máy hát đối với Luân bây giờ đã hóa ra vô dụng. Căn bệnh trước kia Luân tưởng sẽ tìm thấy ở nơi máy. Có ngờ đâu chính Luân mang bệnh và đã phải nhờ bác-sĩ tìm ra. Khi chưa biết bệnh thì thắc mắc hồ nghi. Bây

giờ tìm ra bệnh mà không có thuốc cứu chữa lại càng làm cho nạn nhân bức tức.

Dừng chân bên bờ sông, Luân tìm một trụ sắc buột dây tàu để ngồi nghỉ. Bến tàu đang xa nhộn nhịp hoạt động. Từng đoàn phu đưa lưng rám nắng lảng ngời để đỡ những bao gạo và tải lên xe hàng. Họ bước đi mạnh mẽ và chắc chắn. Luân thêm thưởng cái sức mạnh ấy. Nhưng sức một người tải một tạ gạo cũng chưa nghĩa lý gì so với chiếc cần trục khổng lồ trên bờ thương cảng. Cần trục cứ quay vòng và câu lên bỏ xuống hàng trăm tấn một cách nhẹ nhàng, nhanh chóng. Sức người vẫn chưa thấm vào đâu. Biết đâu người phu lực lượng kia chỉ cần một trận mưa giông thành linh và nằm xuống ốm liệt giường, không còn sức để khuôn lấy một phần tạ gạo. Người phu ấy có thể bị sốt và thần kinh tê liệt như Luân, để thấy lần hồi tay chân hóa ra vô dụng. Còn chiếc cần trục kia dù cho nắng mưa phủ phàng, thời gian chông chắt cho mấy cũng vẫn làm việc đều đều dưới sự điều-khiển của các chuyên viên.

Luân so sánh con người và cái máy. Cái máy chỉ có thể bị phế thải nếu như người ta muốn. Hoặc giả khi nó lỗi thời đã thu lại đủ vốn cho chủ hay là sự sửa chữa tốn kém hơn giá tiền một cái máy mới. Nếu không thì một cái máy sẽ hữu dụng đời đời. Trái lại đời người có hạn định rõ ràng chưa ai tài giỏi đều làm cho con người sống mãi được.

Luân nhìn dọc theo bờ sông để ý đến những cành cây sum sê, xanh tươi soi mình xuống nước. Gió thổi làm rung động lá cành như vuốt ve mơn trớn. Những con chim bay lượn chuyển từ cành này sang cành khác vui vẻ yêu đời. Nhìn đàn chim

TÀN TẬT

nhẹ nhàng khoẻ mạnh mà thêm muốn và tủi cho thân mình. Luân nghĩ đến tương lai. Chân tay Luân sẽ dần dần yếu vì thiếu cử-động do sự tê liệt, các giác quan có lẽ cũng sẽ chịu ảnh hưởng ít nhiều và Luân sẽ từ từ bước vào cõi đời phế nhân tàn tật.

Một con chim đậu cô đơn trên cành cây bỗng nhiên lại cất giọng hát vang lên. Tiếng hát lưu lo trong như pha lê, nhí nhảnh chập chờn đi từ âm thanh trầm đến bổng. Luân cố ý theo dõi những nét nhạc của âm thanh cho đến khi tai không còn nghe nữa. Nhưng mắt Luân vẫn trông thấy con chim vươn cổ lên cao theo tiếng hát. Màng cổ rung động theo âm thanh lúc bấy giờ đã đi vào cõi siêu âm mà loài người không nghe được nữa. Luân tự nhủ :

— Có lẽ cái nhạc điệu trong tầng siêu âm này chứa đựng một kho tàng mới lạ

vô giá mà mình không nghe được. Thật đáng tiếc !

Chim lại hát điệp khúc khác từ thấp đến cao, Luân đứng dậy đi lần theo bờ cỏ rón rén bước gần đến gốc cây để cố nghe thêm ít nét âm thanh. Luân bước qua cả trên bồn cỏ xanh không để ý đến những biển cấm. Một tiếng huýt chát tai từ xa và tiếng quát tháo :

— Ê đằng kia, không được đi trên cỏ.

Luân như tỉnh giấc mơ, quay lại nhìn bác cảnh binh đang sừng sỏ ngó Luân. Con chim nghe tiếng động cũng vỗ cánh bay mất. Luân nhìn theo tiếc rẻ :

— Mình không còn thưởng thức được những âm thanh êm dịu, đẹp đẽ ở đời nhưng còn phải nghe những tiếng vang chát chúa kiêu ngạo của xã hội.

THẠCH - HÀ

TRỪNG PHẠT

Một tư tưởng của Simone Beauvoir, tác giả cuốn :
« Pour une morale de l'ambiguïté » :

Không có cách trừng phạt nào khả ố hơn là bắt một người bị trừng phạt phải làm một công việc mà không cho họ biết ý-nghĩa, đó là cách bắt họ phải đào và lấp mãi một cái hố, đó là cách bắt binh lính phải đi vòng quanh vòng lại, đó là bắt học-sinh phải chép hết dòng này đến dòng kia.

SÀI-GÒN

Huy - Lực

Sài-Gòn

Thủ-đô vàng son

Hòn ngọc quý sáng tâm tình thời đại

Tám quận thính-thang

Mưa gió dầm nắng trải

Không lắng yên những sôi sục cuộc đời

Dây Sài-Gòn

Cuộc sống uống từng hơi. . . .

oOo

Ai qua Lê-Lợi

Ai ghé Tự-Do

Đại-lộ chen chân

Chiều thứ bảy hẹn-hò

Mắt ngợp chói giữa muôn màu rực sáng

Phố mở hội

Những tà áo bay diễm-kiểu duyên-dáng

Nụ cười tươi. . .

trao ánh mắt. . .

hẹn tương-lai

Xe đan cửi mặt đường

Không khuấy động cảnh thiên-thai

oOo

Ai thăm Cầu-Kho

Bàn-Cờ, Khánh-Hội

Đường nhện giăng

Lạc bước kẻ thân yêu

Nhà chen chúc dấu lưng

Nắng mai ghé đậu đợi mưa chiều

Chuyện buồn vui

từng bừng căn gác hẹp

Ngày tranh sống ồn ào
Đêm mệt-mỏi hoang-liêu
Ai về Chợ-Lớn
Rượu ngập cao-lâu
say điên-đảo canh dài
Nhạc vũ-trường dìu dặt bước chân ai
Điệu nhảy múa
mắt long-lanh mời quyến rũ.
Ai đã qua
Công-viên Tao-Dàn, Sở Thú
Trốn phồn-hoa trắng lả-lướt đáy hồ
Gió thì-thầm cây xao-động nhấp-nhô
Vượn hú gọi tiếng rừng qua vách lá
Ai đã đi
Những chuyến xe buýt đông người, hồi hả
Thăm bốn mươi một phố-phường
nhộn-nhip bụi khói bay
Đại-lộ thênh-thang
tủi hồ hẻm bùn lầy
Lều ồ chuột trốn lâu dài dinh-thự
Hải cảng giang tay
đón tàu bè viễn xứ
Đèn lửa chài chiếu thoi thóp ven sông
Trời Thủ-Thiên
Khói lam nhẹ bênh bồng
Khép nép đứng nhìn đô-thành nhớ tiếc
Sông vẫn vơi đầy giòng xanh biếc
Đưa kinh-kỳ hoa-lệ chảy về đâu... ?
Ôi Sài-Gòn
Hồn ngọc quý trên châu.

H. L.



VÕ-PHIỄN

NHỮNG ≡ BUỔI ≡ MAI ĐẸP

TRUYỆN 4 KỲ

(xem B. K. trang số 111)

Hữu lại chiêm bao, thấy chuyện khủng khiếp, giật mình thức dậy. Lúc ấy có lẽ đã hai, ba giờ sáng. Ngoài đường vắng người. Lâu lâu mới có một chiếc tắc-xi hay chiếc xe gắn máy chạy bên phía cầu Thị-Nghè, tiếng động cơ lủi dài vào đêm tối, rất xa, rồi mất hút. Đèn đường từng ngọn cô độc.

Mãi thật lâu Hữu không ngủ lại được. Chàng nằm một bên nghe tiếng vợ chàng thở đều đều và tiếng thằng bé con khịt khịt bên ngực nàng. Trong đêm khuya

khoắt những tiếng quen thuộc ấy đối với chàng thật là đầm ấm thân mật. Nhưng chàng vụt nhớ ra : đêm nay vợ chồng đang hôn nhau, mặc dầu nằm bên nhau nhưng hai người vẫn giữ ý nhích ra cho cách nhau một chút. Toàn xoay mình về phía vợ con, chàng liền ngừng lại, lòng xót xa một cảm tưởng cô đơn do xa cách. Ngoài sự xa cách vì giận hờn, sự xa cách giữa kẻ ngủ người thức, lại còn sự xa cách giữa kẻ đau người mạnh : trong lúc vợ chàng quên mất sự

NHỮNG BUỔI MAI ĐẸP

xung đột trong giấc ngủ ngon lành thì chàng vì bệnh hoạn thao thức mà bị dần vật thâu đêm. Bệnh hoạn luôn luôn có dịp đẩy chàng ra một cuộc sống riêng, âm thầm với những thắc-mắc dày-vò mà những người thân yêu nhất dù ở sát một bên cũng không hay biết đến.

Hữu đưa tay vuốt mặt, sờ ngáp ngừng trên gò má. Có lẽ đã đến hơn một năm rồi, chàng quen với cử chỉ. Bắt đầu từ lúc nào chàng không kịp để ý, Hữu từ một người vui vẻ, tự tin, hoạt bát, lần lần hóa ra một kẻ rụt rè, bi quan, suy nhược từ thể chất tới tinh thần. Thế mà không trải qua một trận đau nào cho thật nặng cả. Có độ Hữu thấy đau lưng, chàng cho là không mấy quan trọng, chỉ hỏi thăm một số người quen biết để tự chữa lấy. Mãi không khỏi, chàng đi bác sĩ, sau vài ba toa thuốc vẫn chưa thấy thuyên giảm, bác sĩ chỉ cho chàng penicilline và bispécia. Bệnh vẫn còn. Đau lưng mà thử nhờ người đấm lưng cho thì lại càng khó chịu. Thỉnh thoảng nhức thêm ở các khớp xương. Hình như vị bác sĩ ấy ngờ chàng bị nọc giang mai di truyền, nhưng chàng đã đi tìm chữa chỗ khác. Vài tháng sau, trong lúc chàng ngừng uống thuốc, định thay thầy lần nữa thì bệnh lại bớt. Chàng nghỉ thuốc luôn một tuần, bệnh hết hẳn. Chàng vui vẻ báo cái tin ấy cho người này người kia với giọng cười cợt. Sự lo ngại vừa nhúm lên, lúc đó tiêu tan hết.

Nhưng nửa tháng sau thì chàng lại sốt hăm hăm về chiều và phát ho. Uống thuốc cảm, chữa sốt rét, không thấy bớt. Chàng đi chiếu điện: phổi vẫn tốt. Một vị bác sĩ già thay đổi cho chàng uống Coricidin,

Néo Codion, chích Eucalyptine và dùng bốn năm thứ sirop khác nhau không thấy có hiệu quả gì, nhưng vẫn khuyên chàng không nên nóng nảy, đừng ham dùng những thứ thuốc mạnh, hãy cứ thông thả chờ đợi thử, thêm vài thứ sirop nữa. Vị bác sĩ trên bảy mươi tuổi nhìn thẳng vào mặt chàng bằng hai mắt hơi mệt mỏi, nói: « Tôi cũng lấy làm lạ là một chứng ho xoàng tại sao lại lâu hết thế, nhưng tôi xem kỹ: phổi anh không có gì đáng ngại cả đâu. Người bệnh cần phải bình tĩnh, không nên hoảng hốt. . . » Vì phòng mạch của ông thường vắng khách, nên vị bác sĩ ấy tiếp chàng lâu. Về sau quen nhau, có lần ông ta vui miệng nói chuyện với chàng hàng giờ, từ chuyện bệnh trạng của chàng, chuyện tâm lý bệnh nhân cho đến chuyện triết lý, rồi đến chuyện chơi hoa chơi kiếng. Nhưng sau khi về đến nhà, Hữu lại ngẫm nghĩ, e ngại: nếu chỉ là « một chứng ho xoàng » tại sao bác sĩ lại nói đến « phải bình tĩnh ». « Có gì đáng làm cho hoảng hốt chẳng? »

Theo lời mách của một người bạn làm cùng sở, Hữu đến một bác sĩ khác. Ông này lại quá trẻ. Khi ông ta đưa bàn tay khỏe mạnh sờ nắm lấy vai chàng kéo nhích sang một bên, sửa cho mình chàng ngay ngắn trước máy chiếu điện, và khi bàn tay ấy thoăn thoắt sờ mó lên lưng, gõ thử lên cái ngực lộ xương của chàng, nỗi xấu hổ về sự gầy gò của thân hình mình xúc động mạnh mẽ đến nỗi làm chàng rướm mồ hôi. Chàng có cảm tưởng ông ta để ý ngay đến những giọt mồ hôi li ti làm cho da chàng ướt nhờn nhờn: ông ta nhón tay lên, sờ nhẹ nhẹ bằng các đầu ngón tay. Chàng càng xấu hổ, căm tức. Tất cả nơi ông ta, từ vẻ người khỏe

manh da dễ hồng hào đến những cử chỉ và cách nói gọn gàng vắn tắt, hơi lạnh đậm, đều như đè nén lên tinh thần chàng. Mỗi ác cảm đột ngột làm chàng mất bình tĩnh và không thể trình bày dài dòng về bệnh tình với ông ta. Trong khi chàng nói, ông ta nhìn chàng bằng hai mắt mở to chăm chú, thẳng thắn một cách thực thà, như lúc nào cũng chờ đón những điều quan trọng. Chàng có cảm tưởng những điều mình nói ra sẽ không được quan trọng như ông ta chờ đợi và sẽ làm ông ta thất vọng, do đó chàng càng rút rè. Đồng thời chàng lại thầm cho rằng thái độ thực thà ấy có vẻ thô kệch, người bác sĩ trẻ tuổi này không thể hiểu được sự lo ngại bản khoãn của mình. Chàng nói nửa chừng, trong ánh mắt ông ta tắt mất sự chăm chú, ông ta đưa tay với lấy tờ giấy sắp sửa viết toa thuốc; Hữu bối rồi ngừng lại. Ông ta nói vắn tắt: « Không sao. Phổi ông thường » rồi cúi đầu xuống viết. Ông ta không thấy trong bệnh ho của chàng một trường hợp gì đặc biệt cả, trước vẻ thần nhiên giản dị ấy chàng lo rằng nếu còn kể thêm chi tiết dài dòng chàng sẽ có vẻ lắm cảm. Chàng ngồi yên, nhìn bàn tay khoẻ mạnh của ông ta nắm quản bút cử động trên mảnh giấy, thất vọng, không một chút tin tưởng.

Tuy vậy, uống theo toa thuốc của ông ta được năm hôm thì chàng hết ho. Lần này, Hữu không vui tươi được như lần trước, hết đau lưng. Bạn bè để ý rằng chàng gầy đi nhiều và da dễ trông khô róc. Tự mình, chàng cũng nhận thấy còn uể oải, mệt mỏi.

Tình trạng suy nhược kéo dài bắt đầu làm cho Hữu ái ngại, nhưng chàng vẫn

cố gắng giấu kín tâm trạng, không lộ cho vợ biết. Chàng ráng làm sao cho trong đời sống thường nhật của vợ chàng không có thay đổi gì: mỗi tuần chàng vẫn đưa nàng đi xem chiếu bóng một lần, dạo phố hay đi ăn tiệm một lần. Có khi giữa một xuất chiếu thường trực vào buổi chiều, ngồi trong hí viện xem được nửa cuốn phim Hữu chợt cảm thấy ngột ngạt như lồng ngực bị đè ép xuống nặng nề, mệt đến nỗi cả nửa người phía trên muốn cúi gập xuống, không đủ sức giữ mình cho ngay thẳng. Chàng se se thở ra một hơi dài, chán nản lắng nghe tất cả cái mệt nhọc trong ngày dồn về trên một cơ thể suy yếu. Vẫn ngồi sát bên cạnh mà chàng tưởng như mình đang nắm tay thành lĩnh vừa buông rơi bàn tay của vợ, rút lui ra xa, âm thầm cô độc: vợ chàng vẫn chăm chú theo dõi chuyện phim trên màn ảnh như mọi người xung quanh, vẫn tiếp tục gia nhập cái sinh hoạt bình thường; riêng chàng, chàng tự tách ra, rơi lại sau với những lo ngại vắn vơ. Một mình bơ vơ lạc loài, chàng ngồi lặng lẽ nghe cái mùi hăng hăng, của ghế bọc da, của sơn, vải, cao su, của hơi người tiết ra nhẹ nhẹ trong một gian phòng có máy lạnh, nghe tiếng vợ chàng cắn hạt dưa cúc các bên tai. Trong bóng tối, chàng đưa một bàn tay vuốt lên khuôn mặt mình, soát nhận lại cái cảm giác quen quen của những xương trán, lưỡng quyền, sống mũi nhô lên dưới lòng bàn tay. Cử chỉ ấy như canh chừng, như thăm dò, sợ những xương ấy đã nhô lên quá cao. Bàn tay ngập ngừng dừng lại, ôm lấy cằm. Chàng liếc mắt trông ngang đầu tóc của vợ mình lòa xòa bên cạnh, cảm thấy sự xa cách, ghê gớm, không có tận cùng!



Một hôm, Quỳnh đề nghị lên Đà - Lạt chơi vài hôm: sáng thứ bảy chàng xin nghỉ một buổi, đi đến tối chủ nhật thì về. Chàng giật mình: một cuộc đi xa mà gấp rút với những thay đổi khí hậu đột ngột, những vất vả dọc đường liên

tiếp như thế làm chàng e ngại. Chàng viện lẽ ở sở có việc cần, không tiện xin nghỉ, hẹn với vợ sẽ chọn một dịp khác « Trong khi chờ đợi, tối tối, mình ra bờ sông một lúc cũng mát chán ». Tối thứ bảy, hai vợ chồng ra bến Bạch-Đằng ngồi chơi, ăn vài chạng bánh hỏi với tôm nướng, uống một chai la-ve, độ chừng gần mười giờ thì về. (Về đến nhà, trong lúc thay đồ chàng nhớ hãy còn nghe bài « Đàn Chim Việt » ở cái máy thu thanh của nhà bên kia đường ». Chỉ có vậy, mà quá khuya chàng chợt thức giấc vì thấy lạnh quá, nuốt nước bọt vào thấy nhức ở cuống họng. Mờ sáng, chàng thức dậy lần nữa thì đầu nặng như cối đá, cuống họng khô cứng lại, rồi chàng phát ho luôn một hơi bảy tám tiếng.

Quỳnh lo lắng hỏi: « Anh làm sao thế? » Chàng vừa hỉ mũi vừa đáp: « Có lẽ cảm xoàng thôi ».

Vợ chàng quay lại: « Thôi! Tại đêm hôm ngồi chịu lạnh ngoài sương khuya quá đấy ». Chàng nói: « Thế à? » Giọng chàng hờ-hững như không quan tâm đến một chuyện quá tầm thường. Quỳnh tưởng chàng không quan tâm thực, lơ đãng rồi bỏ lửng, không hỏi nữa. Hữu tiếp tục một ý nghĩ mĩa mai: « Mới chịu lạnh khuya (1) tới chừng ấy mà đã ra thế này

thì muốn đi Đà-Lạt em phải để cho anh noi theo những phi hành gia được chuẩn bị phóng lên không gian mà vạch ra một chương trình tập dượt đã chờ ».

Quỳnh xông dầu cho chàng, mua thuốc phát tán cho uống, nấu cháo nóng với tiêu hành cho chàng ăn, bắt dầu trên trán, đánh dầu nóng dọc xương sống v. v... Chàng nhận tất cả sự săn sóc của vợ vẫn với một vẻ như hờ hững. Rốt cuộc chàng hết cảm. Nhưng chứng ho thì không cùng hết một lượt với chứng cảm.

Hữu nghĩ đến ông bác sĩ này và đến ông bác sĩ kia, tự dưng cảm thấy ái ngại rụt rè. Chàng tự bảo dù sao họ đều gặp nhau ở một ý kiến: phổi chàng tốt, không có gì đáng lo. Như vậy chàng không cần phải đến họ. Chàng lấy những toa thuốc cũ ra, thử đôi ba thứ sirop, thay đổi vài thứ thuốc, chích loay hoay mất ngót một tháng mà vẫn còn ho. Sốt ruột, Hữu lại giờ đến toa thuốc của vị bác-sĩ trẻ tuổi, uống hết một ống Sulfalex thì hết ho.

Nhưng lần này, khỏi bệnh chàng lại gầy hơn chuyển trước, bài hoải mệt mỏi hơn. Cứ như thế vài tuần lễ, rồi các khớp xương lại nhức và trở lại đau. Sau đó, phát ra chứng đau đầu riêng một phía bên trái, cứ năm mười phút lại đau réo lên một lần...

Sau nhiều lần thay đổi, đi từ ông này đến ông khác, chàng trở về với ông bác-sĩ già đã quen độ trước. Ở đó chàng gặp một không khí thân mật tin cậy. Những khi đến gặp lúc bác-sĩ đi vắng, chàng ngồi xuống chiếc ghế đan bằng sợi dây giang, rẽ tiền mà êm ái, một mình trong phòng khách vắng vẻ, lật báo ra xem, chờ hàng

vài mươi phút, cảm thấy tự do, thoải mái. Cô gái nghe tiếng động, lộ mặt ra thấy có khách, bưng ra cho chàng một tách nước; có khi bà vợ ông bác-sĩ có việc gì đi ra, trông thấy ông khách quen, cũng dừng lại hỏi thăm trò chuyện mấy câu. Cũng có khi chàng đến trễ giờ, ông bác-sĩ vẫn cứ tiếp, mặc py-gia-ma. Ông ta hỏi bệnh cũ, bệnh mới, nói chuyện tâm lý, triết lý, lại trở về chuyện ăn chuyện uống, chuyện thuốc men, chuyện những cách chữa nóng nẩy và cách chữa thông thả v.v... Việc xét bệnh thành ra cuộc đàm đạo, trong đó chàng tìm thấy sự bình tĩnh, tin cậy. Chàng theo dõi cái môi dưới của bác-sĩ xề xuống và run run mỗi khi suy nghĩ hơi lâu, những ngón tay dài lêu khêu của ông ta vụng về lật giấy tìm một ghi chú về thuốc trong quyển sổ con bìa xanh v.v... như là theo dõi phỏng đoán những dấu hiệu của bệnh tình mình. Hừu lúc nào cũng mong muốn được hiểu về chứng bệnh của mình, mà ở đây chàng có thể nương dựa vào những cái gì cụ thể để suy đoán nghĩ ngợi về nó, trái lại ở nơi phòng khám bệnh của người bác sĩ trẻ tuổi chàng không tìm được một dấu hiệu gì, đến nỗi bệnh tật của chàng cũng hóa ra một bí mật lạnh lùng đối với chàng.

Gần hai năm trời như thế, cứ lành rồi lại đau, đau rồi lại lành, lúc nào Hừu cũng bận tâm vì bệnh hoạn. Bệnh của chàng không có tên có tuổi nữa, nay chữa chứng này, gần dứt, mai xoay ra chứng khác; bệnh của chàng là những chứng đau thiên hình vạn trạng nối tiếp nhau không đầu không cuối. Chàng như lâm vào cảnh bốn bề thụ địch, luôn tay đỡ bên này gạt bên kia mà không kịp ứng phó. Chàng Á từ bác-sĩ này đến bác-sĩ kia. Có khi nghe

theo lời người quen mách và « bảo đảm », chàng bỏ Tây y theo Đông y, dùng cao đơn hoàn toán và uống thuốc bắc.

Một người bạn ở ngoài Trung vào mua hàng trong dịp Tết mới rồi, gặp chàng trên đường Lê-Lợi, rủ chàng vào một quán kem, và trong lúc vui vẻ, nói đùa: « Toa bớt chơi bời đi. Moa coi bộ toa muốn đổ rồi đó ». Chàng cười; nhưng chữ « đổ » đeo đuổi chàng từ tháng nọ qua tháng kia, cho tới bây giờ thỉnh thoảng nghĩ đến sức khỏe của mình, chàng vẫn nhớ đến cái tiếng ghê sợ đó:

Thực ra, chàng đâu có chơi bời nữa. Bề ngoài chàng vẫn nói những chuyện lãng nhãng bầy bạ với bạn bè, nhưng kỳ thực chàng không dám chơi bời đã lâu. Trái lại, chàng giữ gìn dè dặt từng li từng tí, cố gắng sống điều độ, tiết chế mọi ham muốn. Trước, mỗi lần nghe ai nói đùa về người vợ quá trẻ của mình chàng cười theo và bỏ qua. Một năm gần đây chàng bắt đầu có những lo sợ vu vơ về Quỳnh. Có lần chàng đã giao hẹn với vợ không ăn nằm với nhau trong hai tháng để thử xem bệnh trạng mình đổi thay ra sao. Nhưng từng như hai tháng không ăn thua, thậm chí gì đối với sự sụp đổ toàn diện của chàng. Mà Quỳnh thì còn nhỏ thế kia...

Má Hừu hóp lại, đuôi mắt chàng có chân vịt. Chàng tự biết mắt mình độ này trông có vẻ buồn bã, đôi lúc chàng có cảm tưởng mình đang nhìn qua một màn sương mỏng. Khi biết có kẻ chú ý, chàng cố gắng tươi tỉnh, dùng nghị lực tạo ra một vẻ chăm chú linh hoạt thì đôi mắt chàng bỗng sáng lên được một chút. Nhưng trong lúc ngồi một mình chàng

NHỮNG BUỔI MAI ĐẸP

thấy không thể nào tiếp tục nổi như thế mãi, thế rồi tự nhiên sập xuống cái nhìn mỗi một tờ mờ.

Một hôm Hữu ngủ trưa, một giòng nước nhều xuống gối, chàng giật mình thức giấc, trống ngực đánh hồi hộp, chàng mệt gần ngất đi, tưởng không thể nào ngồi dậy nổi. Chàng nhắm mắt nằm lạng đi một lát, rồi vội vàng gắng gượng chui mếp, nhìn quanh quất, giấu nhem dấu hiệu suy nhược. Các đêm tiếp theo, cứ đặt lưng xuống ngủ là chàng chiêm bao thấy nhiều giấc mơ dữ dội, thức dậy, đầu óc nặng nề u ám. Rồi một tuần lễ sau đó, mỗi lúc ngủ chàng đều nhều. Dần dần chàng nhều cả trong khi thức! Nhưng lúc ngồi buồn bã lim dim hai mắt, tự dưng chàng vô ý để nước dãi chảy thòng xuống khỏi mếp lúc nào không hay, một giòng nước dẻo đặc, có bọt trắng như bọt cua. Tệ quá! Chàng nhều tỉnh trông như gà mắc dịch, như gà « mắc nước lên » theo lối nói ở địa phương chàng.

Rõ ràng là chàng « đổ » rồi. Chàng bàng hoàng sợ hãi : « Đổ rồi ! Phải chống ở luôn, nếu không thì nó sập xuống mất. Cuộc đời của mình từ đây về sau chỉ còn toàn là những cuộc chống đỡ, chống bên này đỡ bên kia liên tiếp ! Nhưng « về sau » là đến đâu ? Mình sẽ cầm cự được bao lâu nữa ? »

Bất giác một bàn tay của Hữu đã đưa lên, vuốt qua khuôn mặt, rồi nấn ná gượng lại ở phần dưới, sờ sẫm, lưỡng lự. Nhưng lúc như thế, có khi bàn tay dừng ôm lấy cằm, có khi nó ôm che miệng chàng, như ngăn chặn lại mọi dự định bạo dạn, để cho chàng chìm vào sự suy tưởng đầy lo ngại về mình. Lần này,

bàn tay chàng ngừng che lấy miệng ngón tay cái tẽ ra nằm chỉ về phía mang tai. Dưới bốn ngón tay cộm nổi lên những xương hàm nhô ra. Trong trí, Hữu lẩm nhẩm lần lần từng chữ, nhớ lại một câu kinh theo thánh Job : « Thịt tôi thấy đều tiêu ma, da tôi dãn xuống sát xương, và chỉ còn lại vảnh moi ngâm lấy những hàm răng. Hỡi các bạn, các bạn hãy xót thương tôi, bởi có bàn tay của Chúa đang giáng hình phạt xuống nơi tôi ».

Quỳnh cựa mình, nghiêng đầu qua một bên, thổi mạnh một luồng hơi ấm vào mang tai chàng, rồi bỗng như bị hơi thổi ấy dội ngược vào mũi làm khó chịu, nàng nín lại, trở mình lần nữa, quay mặt ngựa lên trần mừng.

Cử động vừa rồi làm Hữu chú ý đến người vợ bên cạnh, nhưng một lát sau, yên trí là nàng đã lại ngủ yên, chàng nhìn ra ngoài rạch : Con nước rút xuống từ lúc nào, mực nước hạ thấp, các cây dừa nước như cao thêm lên. Bầu trời sáng lù mù, mấy vì sao lưa thưa nhoe trong hơi sương ẩm ướt. Trên mặt nước sáng trắng trắng, các mái nhà ngả xuống những bóng đen lớn. Chiếc đèn điện chiếu trên lối đi nhỏ hẹp bên bờ rạch và một vuông cửa sổ nhỏ của nhà ai bên xóm đối diện còn ánh sáng in hình xuống nước, bóng đèn và bóng cửa sổ sáng dưới nước đều bị kéo dài ra lằng nhằng và rung rinh ngoằn ngoèo theo sự rung động của mặt nước. Nước rạch rút ra mạnh làm lay động chiếc ghe neo bên cạnh một cây dừa nước ; trên ghe một ngọn đèn gương lơ lơ mờ lung lay lung lay. . . Trí chàng lại trở về với câu kinh như đang được vạ h lên từng chữ

khủng khiếp trong bóng đêm : « Thật tôi thấy đều tiêu ma... »

*
* *

Lại vẫn đêm khuya tối trời ánh đèn lung lay trên mặt nước, và một khung cửa sổ !

Hữu nghĩ đến cái đêm chàng nằm ngủ với Tạ dưới mái hiên nhà Quỳnh ngoài cù lao Phương-Hải, trước đây bốn năm. Kể ra trước đó cũng đã có nhiều lần gia đình Quỳnh ân cần mời, nhưng chàng chưa bao giờ ở đêm lại đấy. Chàng biết cả cha và dì Quỳnh đều thành thực hiếu khách, nhưng nhà cửa chật hẹp quá, nếu ở lại nghỉ chắc chắn chàng sẽ làm phiền mọi người, nhất là mấy cậu em của Quỳnh. Nhưng lần này, trong khi cha Quỳnh bảo : « Mai chủ nhật, hai anh *bón* về làm quái gì ? Ở lại đây chơi luôn đi. Mới vừa đón ghe mua được một mớ tôm tươi, để tôi bảo đúc bánh xèo, ăn một bữa cho vui », bất giác Hữu ngó về phía dưới bếp : Quỳnh đang đứng rót nước vào bình thủy, đầu nàng cúi nghẹo xuống, tay cầm ấm dơ cao lên ngang tai Nghe dứt câu nói của cha, Quỳnh liếc mắt trông lại, và Hữu bắt gặp cặp mắt của nàng nấp lén lấp ló phía dưới cánh tay, chờ đợi. Hữu liền nhận ở lại, nhưng xin cho cả chàng và Tạ được tự do ngủ ngoài trời, cho mát. Cặp mắt người con gái chớp nhanh mấy cái liền. Ông tư Ngang (cha Quỳnh) cười : « Các anh ngại nhà chật chỗ chớ gì ? Được, muốn tự do thì cho tự do ; nhưng mỗi người sẽ được cấp cho một cái mền vì ở đây ngủ ngoài trời không mát đâu, chưa tới khuya các anh đã thấy lạnh cho mà coi. »

Tiếng vòi nước rót vào trong bình thủy đang kêu « roong-roong » đều đều chợt đổi khác, Quỳnh giật mình ngoảnh lại nhưng không kịp, mực nước cao vọt lên rất nhanh và đã tràn đổ ra bàn. Trong khi Quỳnh đưa tay gạt nước xuống đất, Hữu mỉm cười. Mắt chàng theo dõi những ngón tay mềm mại của Quỳnh, hơi uốn ngửa ra phía sau, nhẹ nhàng vuốt trên mặt bàn, một bàn tay khác đề chặn lên đùi và kéo nhích ống quần lên cao, theo dõi dáng điệu của Quỳnh né tránh những giọt nước trên bàn đang rơi xuống. Nụ cười của chàng dần dần dịu xuống như một chiu đựng khoan hòa ; nỗi sung sướng nhóm lên đột ngột liền tan biến trong một niềm vui dịu dàng thoang thoảng.

Chùi xong mặt bàn. Quỳnh ngẩng lên, trông thấy Hữu vẫn còn nhìn mình, nàng ngó thẳng vào mắt chàng, nhu mày lại, một bộ điệu trách giận kín đáo, rồi tức thì vừa quay ngoắt đi vừa nhoèn cười.

Quỳnh xách cái ấm đi vòng ra phía vò nước ; bước chân thoăn thoắt. Con chó Vện đang nằm khoanh bên cạnh đám cây quế và cây mã-đề, Quỳnh nghiêng mình vói tay rót một ít nước nóng còn sót lại trong ấm xuống sát bên cạnh làm cho con chó giật mình chồm dậy chạy. Trông theo Quỳnh, chàng có cảm tưởng như mình thấu hiểu cảm thông đến cả sự xôn xao trong từng bước đi, từng cái vươn tay nghiêng mình của người con gái, tưởng như mình đang thâm nhập làm một vào tâm trạng của cô gái.

Quỳnh đi khuất. Một lúc lâu, Hữu nhận thấy tầm mắt mình vẫn còn ngừng đậu trên ngọn cây quế đang bị gió nam thổi mạnh lật trái những chiếc lá lên tơi bời

Một ý nghĩ chồn vồn trong trí chàng, như một cánh bướm phấn vân chưa chịu đậu xuống cành: « Lại một tình yêu nữa. Lần này rồi sẽ ra sao? »

Đêm hôm ấy, chàng và Tạ, mỗi người nằm trên một chiếc giường bố đặt song song bên nhau. Chàng đã thiu thiu ngủ, bỗng một ngọn gió mạnh quạt một chèo mền đập vào mặt làm chàng giật mình thức giấc. Và mãi thật lâu chàng vẫn chưa ngủ lại được, trái lại, mỗi lúc một thấy tỉnh táo thêm: một hân hoan phơi phới như bóng sáng lên trong lòng chàng. Lần hồi chàng mới nhận ra rằng nguyên nhân của mỗi hân hoan vẫn âm ỉ thao thức nơi mình vốn là những tình ý mới phát lộ ra giữa chàng và Quỳnh từ ban chiều. Lúc lên giường nằm chàng đã kiểm điểm lại các cử chỉ và lời nói của Quỳnh, đã nghĩ đến những câu sẽ nói với nàng sáng mai, đã suy tính qua về những điều sẽ làm trong tuần tới, ... rồi chàng đã gạt tất cả qua một bên, cho là có thể ngủ yên. Nhưng khi chợt thức dậy giữa khuya chàng lại bất gặp niềm vui âm thầm ấy, như một than lửa vùi dấu dưới trấu, tưởng đã tắt, không ngờ đặt tay lên trấu vẫn thấy ấm, bươi ra lửa vẫn còn sáng. Chàng có cảm tưởng từ đầu hôm tới khuya chàng vẫn ôm ủ lấy niềm vui sướng ấy mà ngủ. Chàng ngủ trong khi nó cứ thức. Do đó giấc ngủ chàng mong manh cũng như đồng trấu mỗi lúc mỗi bắt lửa ngún dần và lớp vỏ bao quanh hòn than cứ bị mỏng bớt đi mãi.

Một câu ca dao tự nhiên hiện tới trong trí chàng:

Gió mùa thu nằm ru gối ngủ

Đêm canh chầy ủ rũ không yên.

Quanh chàng bấy giờ không phải là gió mùa thu mà là một thứ gió hè đặc biệt thổi rất gấp rất mạnh. Tuy vậy chàng đối chiếu cái vui ngấm ngấm của mình với tâm trạng « ủ rũ » có vẻ hiền lành chân phương của người trong thơ, cảm thấy thích thú như một kẻ nghịch ngợm tự đến kết bạn với một người hơi đạo mạo thực thà. Chàng không ngấm được nhưng cố gọi nhớ lại giọng ngấm Huế mà chàng đã nghe trên một sân khấu nào đó. Giọng ngấm Huế gọi như thế lại nhắc chàng nhớ thêm một câu dân ca thất ngôn khác:

Tóc em dài em cài hoa lý

Miệng em cười để ý anh thương.

Chàng nghĩ đến cặp mắt nấp dưới cánh tay và cái nhoe nhoẹt cười của Quỳnh khi chiều. Hai chữ « để ý » như nói về những tình tứ kín đáo của chàng và Quỳnh. Chàng lên tiếng nho nhỏ cố gắng tập thử giọng ngấm mấy tiếng « để ý anh thương ». Giọng ngấm cổ truyền ngấm một cái buồn man mác, khuây khoả, sâu xa, nhưng dịu dàng, một cái buồn mà người đang vui, dầu có tiếp xúc đến nó cũng không dập tắt niềm vui sướng nhưng chỉ làm dịu xuống để cho mình tự thấy bình tĩnh tỉnh táo hơn thêm lên mà sống cái vui đậm thắm nơi mình.

Hữu ngồi dậy quẹt diêm châm một điếu thuốc, dựa lưng vào tường, nhìn ra mặt bể. Gió nam cứ dịu xuống một lúc lại thành lình nổi lên thổi mạnh một cơn, cây lá trên đảo vật vờ kêu ào ào, sóng biển vỗ vào gành đá ì ầm dữ dội. Cái thứ gió cuồng bạo mãnh liệt ấy truyền vào người một cảm giác say sưa.

Hữu đứng dậy, hít mạnh hơi gió mát lạnh vào phổi, bước tới dưới chân cây đèn pha. Mỏm đất dựng trụ đèn nổi cao hơn xung quanh nên hứng gió. Gió lướt qua cây trụ hú lên. Gió đập quần áo chàng phành-phạch, gió ồ ồ trên cao. Hữu có cái cảm giác của người cuối trên lưng con ngựa đang phi nước đại, hay đứng trên một mũi thuyền đang chồm lướt trên đầu ngọn sóng lớn. Chàng trèo lên cái thang bằng sắt vẫn dùng cho nhân viên giữ hải đăng lên sửa sóc ngọn đèn. Trèo được năm bậc thang, chàng ngồi lại, ngửa mặt ra hứng lấy cái gió lồng lộng từ ngoài khơi tối đen đập vào. Tóc chàng bị quật rối tơi bời. Mưa ngoi thỉnh thoảng văng mạnh từng giọt thưa thớt vào mặt chàng. Hữu ngồi cho đến khi mặt mình thấm lạnh tê tê. Chàng trông quanh quất từ đám đèn điện lỗ nhỏ bên phía thành phố Qui-Nhơn cho đến những ngọn đèn chai li ti của ghe chài lúc mất lúc sáng ở chân trời, về phía cù lao Phước-Châu. Từ trên đầu chàng cứ một lúc ngọn đèn Sautter Harlé tự động, thấp bằng hơi propane, lại phóng ra một tia ánh sáng vàng lạt, và phát ra tiếng kêu « cắc, cắc » đều đều buồn bã, giữa tiếng gió điên cuồng.

Nghĩ rằng lúc này chỉ có một mình chàng ngồi trên một đỉnh cao chót vót của hòn cù lao, trong đêm tối, giữa gió ù ù, Hữu thấm thía một kiêu hãnh hoang dại. Chàng phớt mình ra hứng gió, đến cái cảm xúc mạnh mẽ một lúc lâu, nổi xôn xao thao thức trong lòng tự nhiên lắng dịu. Chàng bước xuống, trở về chiếc giường gỗ. Ý nghĩ loáng thoáng ban chiều lại trở về trí chàng : « ... Lần này rồi sẽ ra sao đây ? »

Điều thuốc cầm trên tay chàng đã thấm nước tất từ lâu, chàng lại đánh diêm đốt một điếu khác, ngả mình nằm ngửa xuống giường và chợt để ý thấy cái cửa sổ trông ra hiên, ngay trên chỗ chàng nằm, đã mở ra một cánh, không biết từ lúc nào. Cánh cửa mở thành một khuôn tối đen hoàn toàn, không thể trông thấy được gì bên trong. Hữu nhớ rõ vừa rồi, trước khi ra ngồi trên bậc thang đèn pha, chàng quẹt diêm đốt thuốc xong có ngẩng lên thì trông thấy cửa hãy còn đóng cả hai cánh. Nghĩ thế, chàng nhìn lên khung cửa đen ngòm, mỉm cười dịu dàng như tự cười với mình, với sự sung sướng của mình.

Mãi một lúc sau vẫn chẳng có một bóng dáng nào hay một dấu hiệu gì hiện ra, nhưng Hữu vẫn yên lặng ngửa mặt trông lên, thản nhiên như không chờ đợi gì cả ở khoảng khuôn cửa ấy. Chàng thông thả hút từng hơi thuốc, thông thả thở khói ra, tự tin, bình tĩnh thưởng thức nỗi vui sướng, không cần thắc mắc về bất cứ sự gì có thể xảy ra. Trong tiếng gió nam thổi ù ù chàng chợt phân biệt có một thứ tiếng lạ khi hiện khi mất, thoang thoang ở rất xa. Chàng chú ý lắng tai nghe ; và cuối cùng nhận ra là có ai thổi sáo dưới xóm chài ở tận chân đồi. Tiếng sáo bị gió tạt đi từng đoạn ngắn, lâu lâu lại hiện ra như những đoạn âm - thanh đứt rời, ngoằn ngoèo giữa trời, rồi tự xóa tan đi giữa trời.

Mặc dù đã yêu đương nhiều lần) có lẽ hơi quá nhiều) thế nhưng lần này Hữu vẫn ngạc nhiên thấy những xúc động của mình gần như rất mới mẻ. Có lẽ là vì tình cảm của chàng gặp được một khung cảnh mới. Tiếng lá cây xao động, tiếng gió hú giữa trời biển mênh mông, tiếng sóng đập ì-ầm

bất ngờ và cách quăng không đều vào chân gành... làm cho chàng có cảm tưởng như vũ trụ quanh chàng đều thao thức.

Giấc ngủ đến với chàng rất nhẹ nhàng êm ái. Lúc cảm thấy hơi mỏi mắt, Hữu xoay nghiêng mình lại, kéo chiếc mền lên quá vai, và nhận thấy hai vai áo của mình hây còn ướt vì những hạt mưa ngoi. Chàng nhắm mắt lại tưởng tượng giấc ngủ bắt đầu chiếm lần từng bộ phận cơ thể, tưởng như mình đang ngủ lần lần từng bộ phận một trên cơ thể, trong lúc bộ phận sau cùng là trí óc vẫn sáng suốt để theo dõi hiện tượng ấy. Bỗng chàng muốn thử chống cự, phản ứng lại: chàng mở mắt ra, hít một hơi cuối cùng rồi vút bỏ điều thuốc ra xa. Trước khi nhắm mắt lại, chàng kịp thấy cánh cửa sổ đã lặng lẽ khép kín rồi. Và tai chàng nghe thấy tiếng điều thuốc bị vút rơi vào một miếng mền sành chứa nước cho gà uống, điều thuốc kêu đánh xèo một tiếng rất nhỏ. Thật là lạ, cho đến khi chàng chỉ còn ngập ngừng một chút trước giấc ngủ, các giác quan lại tỉnh thức tỉnh vì đến chừng ấy.

Việc cánh cửa vừa khép lại đối với chàng như là niềm vui đã tởm đưa tiễn chàng đến tận sát giấc ngủ, mỉm cười với chàng lần chót trước khi từ biệt...

Chàng hiểu ý, vui vẻ, hài lòng, và sẵn sàng để ngủ. Nhưng phút ngập ngừng vẫn cứ chùng chình thêm một chút, rồi một chút nữa. Trí chàng vẫn tỉnh, tai vẫn tỉnh. Chàng chú ý đến cả tiếng một con dế kêu re re rồi vụt tắt ngay, ở về phía những cây đu đủ gần nhà bếp. Sau đó lại phát lên ngay một tiếng dế khác kéo dài hơn, lần này gần ngay bên chỗ chàng

nằm, về phía ngọn đèn pha. Chúng làm như đồng lòng thay phiên nhau để dò dẫm, nấp ló, thử bên này xong lại thử xem bên kia. Một tiếng re re nổi lên rồi tắt, một tiếng re re khác lại nổi lên rồi vụt tắt nữa; xung quanh như rơi vào một thứ im lặng kỳ thực không phải hẳn là im lặng, mà lắng nghe kỹ vẫn thấy có những tiếng re re khác, nhỏ hơn, xa hơn, xa tít, ở bốn phía sườn đồi, ở dưới chân đồi, hiện lên chỗ này tắt mất chỗ kia, tiếp tục mãi. Trong khi nghe cả tiếng gió lộng ồ ồ trên không trung, tai chàng vẫn nghe thấy tiếng những côn trùng rất nhỏ rất xa, tiếng một con thằn-lằn từ trên vách rớt xuống nền nhà... nhưng thứ tiếng mà vào lúc thức, tỉnh táo hơn, chàng lại không để ý đến, không nghe biết đến. Cái tỉnh của chàng lúc này có lẽ giống như lỗi vừa tỉnh vừa lơ mơ của người no nha phiến.

Cuối cùng, trước khi ngủ thực sự, chàng thoát nghĩ đến cánh cửa sổ mở. Như thể là một lần chót, chàng quay đầu chào lại cánh cửa ấy, chào xong vội vàng lặn khuất vào giấc ngủ.

(Còn tiếp 1 kỳ)

VÕ-PHIẾN

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP CÁC
HIỆU SÁCH TOÀN QUỐC I

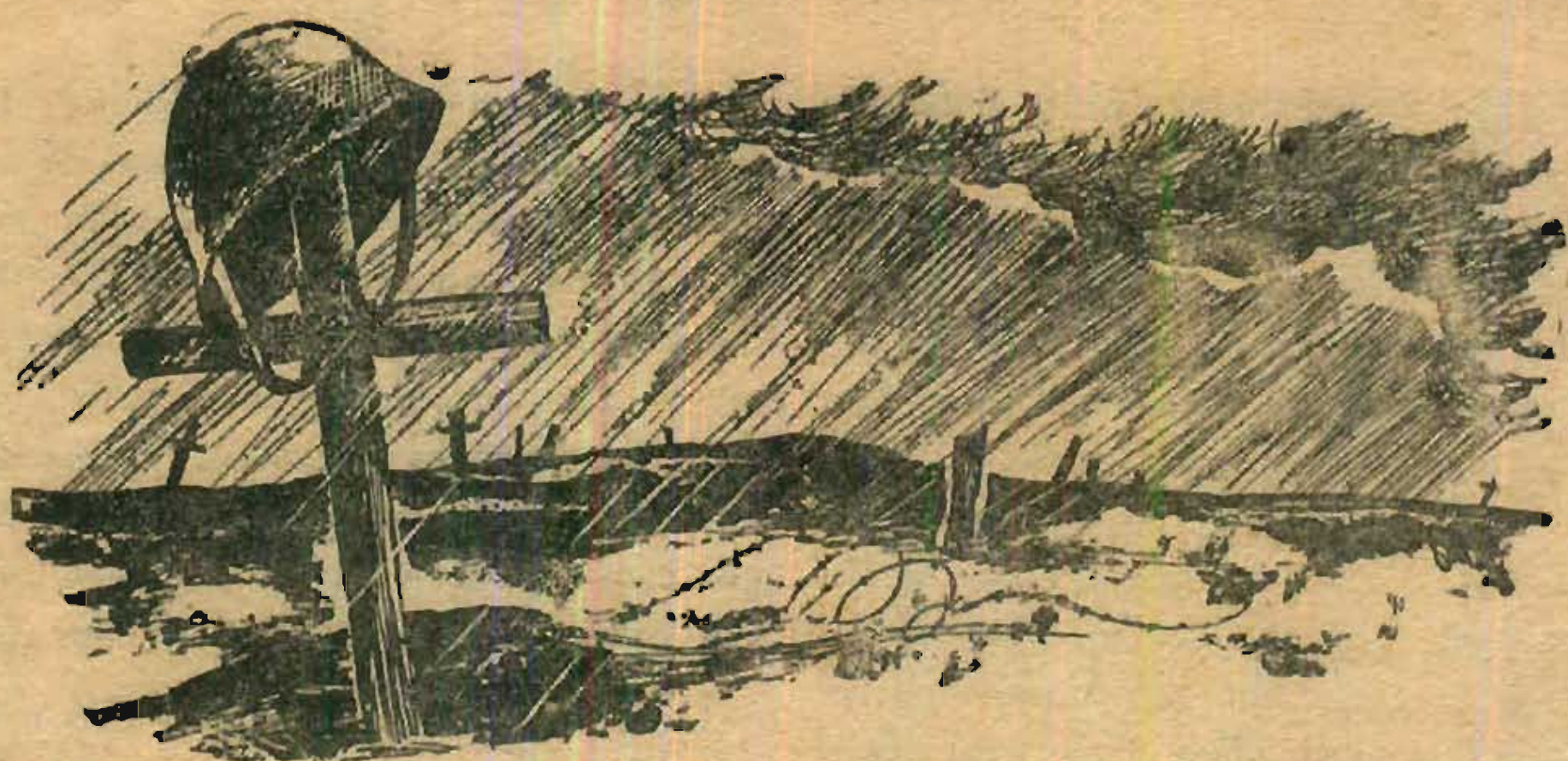
BÁT CƠM, BÁT MÁU

TIỂU THUYẾT DÀI của **MẶC-THU**

Sách đẹp, bìa vernissé, 290 trang

GIÁ BÁN: 32 đồng.

Do nhà Nguyễn-dinh-Vượng xuất-bản



CẢN CHÉT

Nguyên tác : Giuseppe Berto

Người dịch : Nguyễn

CHẮC chán vẫn là tên lính gác cũ ở ngoài kia. Có một câu ca được hắn cứ lập đi lập lại từng hồi, lúc huyết sáo lúc ngâm trầm trầm trong miệng. Chốc chốc lại nghe thấy cả tiếng chân, đôi ba bước hướng này, đôi ba bước hướng nọ, vẫn vơ. Tiếng chân hắn nghe mà bực bội, vì nó luôn luôn bất ngờ, vì nó luôn luôn đánh thức người tù khỏi trạng thái đờn đau đến tê dại mà hắn ta đang cố gắng hòa mình vào. Đến cả giờ giấc hắn cũng chẳng biết nữa Trước đó — hắn cảm thấy có vẻ lâu lắm rồi — hắn có nghe thấy tiếng chuông điểm giờ vọng từ một ngọn tháp giáo đường tận đằng xa ; ba giờ thì phải, nhưng hắn ta chẳng chú ý đến lắm. Sau đó hắn cứ ngong ngóng, hắn không biết là bao lâu, mong

được nghe thấy tiếng chuông điểm nữa, nhưng lúc này thì hắn thôi chẳng buồn nghĩ tới. Bây giờ thì chẳng còn hy vọng gì những người kia trở lại nữa. Có thể họ đã gặp một số phạm không giống hắn. Hoặc giả họ cùng chung số phận, nhưng bằng cách này hay cách khác, tách biệt hẳn với số phận của hắn, ở một nơi nào khác.

Chắc chắn là hắn có ảnh hưởng đến số phận ấy. Hắn không sao cần rằng chịu đựng nỗi để khỏi gào lên khi bị tra tấn và họ ở ngay bên ngoài có thể nghe thấy lắm, hắn tin chắc chắn như vậy. Sau đó hắn lại bị áp giải ra đúng lối ấy với mục đích gây cho họ một ấn tượng. Bây giờ hắn vừa được một tên hát cả một thùng nước vào mặt cho tỉnh, hai bên hai tên xốc nách,

chắc chắn là hắn trông phải thiếu náo lắm chứ chẳng có được cái dáng điệu kiêu hãnh như hắn dự tưởng. Thành thử đến nhìn lên hắn cũng không dám nữa. Nhưng hắn cũng thoáng thấy chân bọn họ, Mario đứng dựa vào tường còn Tito đứng cách đó chừng hai bước và cũng dựa lưng vào tường, họ đợi đến phiên thăm vãn. Và sau đó hắn đợi bọn họ lâu lắm, nhưng giờ thì bọn họ chẳng trở lại nữa rồi; và hắn không biết phải nghĩ về vụ đó ra sao, hắn chẳng muốn nghĩ đến tí nào. Hắn nằm úp mặt xuống đồng rơm, cố hòa mình vào nỗi đớn đau thuần thể chất gây bởi những trái đấm, một nỗi đớn đau giờ đã trở thành tê dại. Có thể là Mario và Tito cũng đang nằm, trong một tình trạng như hắn, ở quanh quần đùi đây. Chắc họ cũng đang ngóng đợi một cái gì quyết-định xảy tới, trong giai-đoạn chuyển tiếp vô phương lấp đầy này.

Tên lính canh bên ngoài chắc đã ngồi xuống. Vì đã khá lâu không có tiếng chân. Hắn chắc phải ngồi ở bậc cửa, vì câu hát mà chốc chốc hắn lại ngâm nga kia vọng vào ngay từ phía ngoài. Đây là một khúc ca của đám quân nhân mà ngay cả bọn hắn cũng hát không biết đến bao nhiêu lần. Lời ca kể chuyện một thiếu-nữ si tình đang ngóng đợi, bởi vậy mà khúc ca hầu như thích hợp cho tất cả những người cảm sung, dù họ ở phía nào chiến tuyến.

Có tiếng chân đi về phía phòng giam, nhưng hãy còn xa. Có lẽ tiếng chân ấy liên-quan đến những gì sắp xảy đến với hắn, dù hắn cảm thấy có vẻ vẫn còn quá sớm. Bốn phương trời vẫn còn mịt mù chưa rạng.

Ấy vậy mà tiếng chân đến với hắn thật, vì nó dừng lại ngay ở cửa. Không phải chỉ có một người. Hai, có lẽ, kéo đến ba nữa không chừng. Chiếc then được kéo ra và cửa mở. Hắn cố gắng ngoái đầu lại, nhưng hắn chẳng thấy được gì, ngay cả đến bóng tối kêm dày đặc của trời đêm bên ngoài. Từ phía góc hắn nằm hắn không thấy ánh sáng bên ngoài. Hắn nằm bất động, chờ đợi.

Cánh cửa lại được cài lại ở phía ngoài và những tiếng chân tắt dần ở đằng xa. Hắn là phải có người vào rồi nhưng vì tối quá hắn không thấy. Dẫu vậy: hắn nghe thoáng có hơi thở, khiến hắn biết lơ mơ rằng có sự hiện diện của một người. Tên lính canh bên ngoài cứ đi hai ba bước lại dừng, rồi lại đi, nhịp theo cung điệu bài ca. Vẫn là tên lính canh cũ, hắn vẫn chưa được thay phiên. « Mario », người tù thì thầm gọi. « Ti to ».

Một hồi lâu không có tiếng trả lời. Rồi có tiếng nói: « Tôi đây », giọng dè dặt, và là tiếng đàn bà.

« Cô là ai? » hắn hỏi.

« Tên tôi là Laura », giọng nói đáp.

« Cô có phải là người cùng chung cảnh ngộ không? » Thoáng chút ngập ngừng trước khi giọng nói đáp lại. Câu trả lời: « không ».

« Đồ chó cái nhóp nhúa » hắn chậm chạp nói dần từng tiếng một. Hắn lại gục đầu vào hai bàn tay và nhắm mắt lại. Thế ra họ vẫn chưa để cho hắn yên thân.

Người mới vào không nói năng gì. Sau đó một lát hắn nghe thấy cô ta cử động. Cô ta loay hoay cố bật chiếc bật lửa không

chịu cháy. Dầu vậy cô ta kiên nhẫn. Cô ta tháo ra lắp vào đến năm bảy bận, cho kỳ chiếc bắc bắt lửa mới thôi. Rồi cô ta châm một ngọn nến. Cô ta đứng thẳng, tay cầm ngọn nến, khuôn mặt rạng rỡ ánh lửa. Đó là khuôn mặt của một cô gái đang độ thanh xuân, một khuôn mặt hết sức nhỏ nhắn, với chiếc mũi xinh xẻo và cặp mắt nhỏ; tóc vuốt ngược về phía sau. Cô ta mặc quần nhà binh, chân mang ủng mình mặc một chiếc áo len dày cổ chui, rộng lưng bồng trên bộ ngực thiếu nẩy nở. Sáp nến chảy làm ngọn lửa gần tắt. Cô gái phải đi tới phía cửa sổ, rỏ sáp xuống mặt đá trên khung cửa và gắn cây nến lên đó. Đoạn cô ta đứng dựa lưng vào tường ngay bên khuôn cửa sổ. Ngọn lửa bùng sáng trở lại. Cô gái nhìn về phía đồng rơm gã đàn ông đang nằm. Cô ta không thấy gì trừ hình-thể của thân hình hần và mớ tóc ngắn. Cô gái đứng nhìn hần một lúc lâu, nhưng hần nằm yên bất động. Sàn căn phòng lát bằng gạch đỏ xếp thành hàng lối. Cô ta lơ đãng thọc tay vào lục các túi. Cô ta móc ra một gói thuốc lá và rút lấy một điếu. Cô hỏi gã đàn ông. « Anh hút thuốc lá không ? »

Câu trả lời của hần vọng từ đáy sâu của niềm lặng lẽ xa thẳm. « Quân chó cái nhóp nhúa »

Cô gái bỏ bao thuốc lá vào túi. Cô ta cúi gần ngọn lửa châm điếu thuốc vừa lấy. Cô ta hít một hơi thật dài, mắt đăm đăm nhìn ngọn lửa. « Anh chẳng nên thế », cô ta nói « Thế chẳng ích lợi gì ».

Lúc nào cô ta cũng nói bằng một giọng đều đều, êm ái, như một nữ xướng ngôn viên đài phát-thanh. Rồi cô ta quay trở lại và nhìn về phía gã đàn ông. « Họ đã

cho anh hay là họ sắp bán anh chưa ? » cô ta nói ». Họ sẽ bán anh sáng nay, khi trời hửng sáng.

Gã đàn ông nằm yên, mặt vui tro g hai bàn tay.

« Tôi đã thấy nhiều người chết rồi », cô gái nói. « Bảy người cả thấy ; kể cả anh, và đây là một điều tôi chẳng thích thú gì. Tôi không muốn con người chết như thế. Anh không thể hiểu được, vì ở ngay trong lòng nó. Nhưng nếu anh đứng ngoài nhìn vào, anh sẽ thấy ngay rằng đây là một điều làm lẫn. Một hình thức ương ngạnh ngu xuẩn.

Mặc dù cô gái vẫn nhìn về phía gã đàn ông, nhưng cô ta có vẻ như chẳng định nói riêng với hần, mà nói với chính mình, nói với cả thế giới, một cách tổng quát.

« Một vài kẻ trong bọn họ biết đây là một thứ ương ngạnh ngu-xuẩn thật đấy, nhưng họ không biết phải quyết định ra sao, cô ta nói. « Có một bận tôi đã thấy một người không muốn nói, mà cũng chẳng muốn chết nữa. Người đó bị xử giáo chứ không bị bắn. Hần ta bị treo cổ ngay ở sân làng hần. Và cả làng không một bóng người, nhà nào nhà nấy đóng cửa im ỉm. Dân làng đóng cửa ẩn trong nhà vì sợ và cũng vì ghét chúng tôi nữa. Họ đều ghét chúng tôi. Nhưng ngay cả với hần ta nữa, sự kiện cả làng mặc tở đi ẩn như thế cũng chẳng phải là điều hay hóm gì. Tôi thiết nghĩ giá mà có một vài người quanh quất đấy, chắc là hần ta lấy được can đảm mà chết cho dưng cảm. Thay vì vậy, hần ta từ chối không tuân theo lệnh truyền. Họ phải đánh hần mới ép được hần đứng lên ghế, và rồi khi họ tròng dây vào cổ, thì hần ta

la lên là họ hãy khoan tay, hấn ta sẽ khai hết. Thành thử họ đợi, họ lại tháo cả dây ở cổ hấn ta ra nữa, vì nếu còn hấn ta không nói. Nhưng sau khi họ bỏ dây ra hấn ta lại nhất định không chịu nói gì cả, họ lại tròng dây vào cổ và hấn ta lại la lên là hấn ta sẽ khai hết. Và họ lại tháo dây ra lần thứ hai, vì điều hấn định khai rất quan trọng. Nhưng hấn ta lại la lớn rằng họ là đồ lợn, hấn la lối như thế chẳng phải là do lòng can đảm mà là do niềm tuyệt vọng vì phải chết. Thế nên họ tròng dây quanh cổ hấn và đập đổ cái ghế, không thèm đếm xỉa gì đến những điều hấn la hét nữa. Nhưng đây chẳng phải là một việc vui vẻ gì ; mà rất có thể cũng chẳng vui gì đối với hấn. Khi đã quyết định chết thì phải có can đảm mà chết một cách dũng cảm. »

Cô ta nói không vội vã. Lời lẽ chậm rãi và vẫn nói bằng cái giọng đều đều ấy. Trong niềm yên lặng nối tiếp đôi ba bước vu vơ của tên lính canh vắng lên.

« Anh sẽ chết một cách dũng cảm », cô nói. « Anh đã quyết như thế, và ai nấy cũng biết là anh sẽ chết một cách dũng cảm. Nhưng anh chết vì một lý do lầm lạc. Ồ, tôi không định nói về điều anh tin tưởng và điều anh không tin tưởng đâu. Tôi chỉ nói về cái cách thức họ bắt anh thôi. Anh hấn biết rõ họ bắt anh ra sao rồi chứ. Dân của anh chẳng có đến một người nổ một phát đạn hay báo động. Họ chuồn trước, vì họ phản bội anh. Sự kiện này đã có xảy ra ở những trường hợp khác. Vậy mà bây giờ anh muốn chết vì nó ... »

Giọng cô gái vẫn nhỏ nhẹ như cũ, nhưng cô ta nhìn chăm chú vào gã đàn ông.

Tuy thế, hấn không lộ vẻ gì là hấn nghe thấy cô ta nói hết. Hấn vẫn nằm bất động, mặt vùi trong tay.

« Có thể là họ không dám nhìn thẳng vào mặt anh vì anh đòi hỏi họ quá nhiều », cô gái nói. « Hoặc giả có thể tư tưởng họ khác tư tưởng anh. Và họ dàn xếp cho anh bị bắt trong khi anh đang ngủ. Anh và hai người nữa. Nhưng hai người kia không chết. Họ đã khai. Sao anh không khai như họ ? »

Cô ta đợi một lát trước khi tiếp tục. Rõ ràng cô ta mong mỗi những lời lẽ của cô ta có đủ thời gian tác-dụng nơi gã đàn ông đúng như dự-liệu.

« Anh không tin tôi, phải không ? » cô ta nói. « Tôi biết anh không tin tôi. Nếu anh tin tôi anh chẳng còn có can đảm chết, mà anh thì anh nghĩ rằng cần phải chết. Nhưng họ khai rồi, mà chưa cần phải động đến một sợi lông chân. Họ nhận thức được ngay là ương ngạnh như anh chẳng ích gì. Sao anh không khai một vài điều gì đi ? Anh có thể bịa ra một chuyện gì đó, để chúng tôi khỏi phải bắn anh. Trên nguyên tắc, chúng tôi nào có tàn ác gì, anh biết đấy. Đôi lúc chúng tôi phải giết vì các anh cũng xử sự như vậy với người của chúng tôi. khi họ lọt vào tay các anh. Nhưng anh chẳng nhất thiết phải chết, nếu anh không muốn. Chúng tôi cũng nào có nài ép anh phải về phe chúng tôi. Chúng tôi sẽ giam giữ anh ít lâu, rồi gửi anh đi một phương nào đó làm việc. Và như trường hợp anh thì chẳng lâu lắm đâu. Hiện thời hết thấy chúng tôi đều thấy rằng vụ này đến hồi kết thúc rồi ». »

Cô ta ngừng lại một lúc lâu, không mục đích.

« Tôi biết », cô ta nói. « Anh là một trong những người được chết, anh có lý tưởng. Ngắm điều trông thấy thật đến trớ trêu. Chúng ta cùng nói chung một thứ tiếng, mà người thì tin thể này, kẻ thì tin thể nọ, niềm tin tưởng ấy mãnh liệt đến cái độ chúng ta muốn bám vằm nhau ra như thể cho thể là hay ho lắm. Ấy vậy mà tin tưởng quả là điều quan-trọng. Chính nó đã làm chúng tôi khá hơn những người đã phản-bội anh, hơn những kẻ nói sáo mép hoặc cái lũ bị giết vì tội trộm cắp hay giết người vô duyên cớ. Cái chết của anh là một cái chết cao quý. Một người có thể cảm thấy cần phải chết để cải-thiện phần nào những điều rồ dại đang diễn ở quanh ta. Cổ nhiên một đôi người phải khá hơn những người khác là điều cần thiết. Nhưng anh nào có tính đến sự tai-hại do cái chết của anh gây ra. Bởi vì tất cả tội ác có thể bị lãng quên, chứ cái chết của những người muốn chết như anh thì chẳng bao giờ phai nhạt. Anh để lại cho tương-lai di-sản hận thù. Sẽ phải cần đến nhiều máu hơn nữa để chặn đứng sự việc lại như họ thường nói. Đó là một chuyện chẳng bao giờ dàn xếp cho xong được ».

Cô ta đợi một cách vô vọng xem hấn có nói gì không và ngay cả đến hấn có phác một cử chỉ gì không. Rõ ràng hấn ta chẳng phải là kẻ ngại ngần trước sự cần phải chết của mình. Có lẽ nằn nèo nữa cũng là vô ích.

« Tôi tới đây để giúp anh », cô ta nói « Tôi sẽ hiến thân cho anh, nếu anh muốn. Hay bất cứ một thứ gì thuộc về tôi. Hoặc giả tôi sẽ bỏ đi, nếu anh muốn tôi ra khỏi đây. Anh có muốn tôi ra khỏi đây không ? »

Cô ta vẫn hỏi bằng một giọng trầm tĩnh như thường lệ. Cô ta không hề hy vọng là sẽ có câu trả lời. Bây giờ cô ta chuẩn bị để một khoảng thời gian chìm trong im lặng. Trong niềm yên tĩnh tiếp theo đó văng vẳng có tiếng người nói chuyện ở ngoài xa. Người con gái nhìn ra phía cửa sổ, qua những kẽ nứt thấp thoáng có ánh bình minh le lói. Cô ta lấy một điều thuốc lá khác và châm trên ngọn lửa nến. « Trời đang hửng sáng », cô ta nói rõ từng tiếng. Cô ta tiếp tục hút, chốc chốc lại rít một hơi thật dài.

Một nhóm người đi ngang qua cửa, có tiếng bộ đồ ăn chạm nhau lạnh canh xen lẫn tiếng nói, có tiếng người cười. Ngay sau đó lại có một nhóm khác đi ngang, với tiếng bộ đồ ăn kêu lạnh canh.

« Họ dậy rồi đấy », cô gái nói. Sau khi ngừng một lát, cô ta tiếp : « Bây giờ là lúc anh nên dọn mình đi thì vừa. Nếu anh muốn, ở đây chúng tôi có một giáo sĩ. Tôi không rõ anh có cảm thấy cần phải xưng tội không. »

Gã đàn ông vẫn nằm bất động như trước, không trả lời. Bây giờ, tiếng cười nói, tiếng chân đi lại và tiếng bộ đồ ăn lạnh canh ở bên ngoài đã nổi lên liên tục. Những cử động thất-thường của tên lính canh không còn phân biệt được nữa. Rồi có tiếng then cửa mở. Người con gái tiến về phía cửa. Họ đem cà-phê đựng trong ca bằng nhôm tới. « Đưa cho tôi », cô gái nói. « Để tôi »

1
o cho ». « Bảo hấn nhanh nhanh lên », người bên ngoài nói. « Chúng tôi sửa soạn sắp xong rồi ».

« Được », cô gái đáp. Cô ta tự khép cửa, và không có ai cài then lại ở phía ngoài. Cô ta tiến về phía hấn nằm. « Anh phải dậy đi thôi », cô ta nói. « Đã tới lúc rồi ». Gã đàn ông không nhúc nhích.

« Nào, lúc này anh phải biết điều một chút chứ, cô ta nói.

Gã đàn ông hơi nhích người, cố nhồm dậy, nhưng hấn cử động khó khăn vì những nhức nhối ở các vết thương vệt trở lại đau buốt đến tận xương tủy. Người con gái đặt chiếc ca xuống sàn đỡ hấn ngồi dậy trên đồng rơm. Hấn trẻ măng, có lẽ chưa tới hai mươi tuổi. Tóc hấn khô, xõa xuống trán. Nhưng những đường nét trên khuôn mặt hấn đều đặn, thanh tú, và có cái vẻ cao-khiết của một kẻ có đủ nghị lực để chết cho lòng tin cho lý tưởng. Người con gái cầm lấy cái ca ở dưới sàn đưa cho hấn không nói một lời nhưng đôi tay nhỏ nhắn của cô ta chìa cái ca trong một giáng điệu mời mọc. Hấn cầm lấy và bắt đầu uống. Khi hấn uống xong cô ta đỡ lấy cái ca trong tay hấn và đặt lại trên sàn. Rồi cô ta móc túi lấy gói thuốc lá, lặng lẽ đưa cho hấn. Hấn rút một điếu. Cô ta cũng rút lấy một điếu. Cô ta cố bật chiếc bật lửa nhiều lần, nhưng không có kết quả. Cuối cùng cô ta đứng dậy, bước ra lấy cây nến trên khuôn cửa sổ. Cô ta quì xuống cạnh hấn trên đồng rơm, nhưng tránh không nhìn hấn khi hấn châm thuốc lá. Nhưng sau đó cô ta nhìn hấn và từ tốn đưa bàn tay kia chải tóc hấn bằng những ngón tay trong khi hấn

ngồi cúi gục đầu. « Anh còn trẻ quá chừng », nàng nói « Anh chỉ là một đứa con trai ».

Hấn vẫn ngồi cúi gục đầu. Cô ta châm điếu thuốc của mình rồi thổi tắt cây nến. Cô ta ngồi xuống bên hấn trên đồng rơm. Bảy giờ trong phòng không đến nỗi tối lắm, cánh cửa chỉ khép hờ và một giải ánh sáng hẹp lách vào leo lên bức tường vôi trắng. Nhưng họ ngồi trong xó tối, chỉ có đốm lửa thuốc lá chốc chốc lại lập lòe. « Nếu anh cần giáo sĩ », cô ta nói. « Để tôi cho ngài hay ».

« Không », hấn trả lời.

« Nếu anh có muốn nhắn ai, để tôi lo giúp cho », cô ta nói. « Tôi có thể viết thư hay đi tìm hấn họ, nếu họ ở bên này. Trong trường hợp họ ở bên kia, tôi sẽ nhớ khi có cơ hội ».

Hấn không đáp.

« Anh có thể tin-cẩn tôi », cô ta nói. « Anh không muốn nhắn ai à ? »

« Không, không có gì đáng nhắn cả », hấn trả lời.

« Được », người con gái nói, và cô ta không hỏi gì nữa, chỉ ngồi hút thuốc và lắng nghe những tiếng động, tiếng la vẳng từ phía ngoài vào.

Thế rồi đột nhiên hấn lên tiếng, trong lúc cô ta không trông đợi nó đến. « Đây cô », hấn nói. « Cô có biết họ sẽ đem tôi đi đâu không ? »

Cô ta quay lại nhìn vào mặt hấn, nhưng hấn đưa mắt nhìn đăm đăm về hướng khác. « Sau khi anh chết ấy à ? » cô ta hỏi.

« Không. Họ sẽ đem tôi đi bán tại đâu ? »

« Họ sẽ để anh đẩy quay lưng vào bức tường ngoài trang trại. Đây là một bức tường gạch, không có cửa sổ ».

« Thế từ đây có thể nhìn thấy gì, ở phía trước mặt ấy ? Có thấy biển không ? »

« Không. Có thung lũng ở phía trước, và bên kia thung lũng là núi đồi. Nhưng anh không thể trông thấy biển được ».

« Còn nhà cửa ? Có nhà cửa gì trên những ngọn đồi ấy không ? » Hấn hỏi cô ta tất cả những câu hỏi đó, nhưng luôn luôn nhìn về hướng khác.

« Tôi không rõ », cô ta đáp. « Chắc là phải có vài căn, nhưng hiện thời tôi không nhớ. »

« Tôi hiểu », hấn trầm ngâm nói. Họ lặng lẽ ngồi hút thuốc, hấn hút hết trước cô gái và ném đầu mẩu thuốc lên sàn.

« Anh hút điếu nữa nhé, » cô gái hỏi.

« Không », hấn đáp.

Cô ta châm thêm điếu nữa trước khi vút đầu mẩu thuốc. Ngay sau đó có người gõ cửa.

« Chúng tôi ra đây, » cô ta đáp.

Hấn cố gắng tự đứng dậy, nhưng cô gái phải đỡ hấn. Cô ta đi với hấn ra đến cửa, một tay đỡ hấn. Hấn không hề nhìn cô ta. Cả đến khi hai người tới cửa hấn cũng không quay lại nhìn cô ta. « Bây giờ để tôi đi một mình », hấn nói.

Họ đợi hấn ở phía ngoài. Chỉ vồn vẹn có ba gã con trai cầm súng tiểu liên. Hai gã áp hai bên sườn hấn và bắt đầu tiến bước. Gã thứ ba đi sau chia súng vào lưng hấn. Một chiếc xe bò nằm ở sân trại với một đàn gà và một

vài tên lính thân nhiên. Không có một người thường dân nào. Người con gái, lúc trước dừng lại ở cửa phòng giam, nay cũng bước tới.

Họ qua sân và quanh ra phía sau căn nhà của trang trại. Hấn nhận ra địa điểm ngay tức khắc. Có một bức tường gạch không cửa sổ đúng như cô ta nói. Buổi sáng trong trẻo, nhiều ngọn đồi hiện rõ bên kia thung lũng, chúng chạy xoắn dần về hướng mặt trời mọc, nhưng không thể trông thấy biển. Có nhà cửa trên những ngọn đồi, đều đặn một cách ngẫu nhiên, một căn nhà có một hàng trắc-bá, ở mãi tít đằng xa.

« Anh có cần bật mắt không ? » một người hỏi.

Hấn lắc đầu. « Tôi muốn được bắn vào ngực », hấn nói.

« Ồ đối với chúng tôi thì cũng thế thôi ».

Hấn cảm thấy ngượng vì đã thốt ra một lời yêu cầu lỗ bịch. Chỉ có mỗi ba người lính ở đó thôi, nó chẳng trọng đại gì như hấn tưởng. Hấn chẳng còn ý thức được hấn chết vì cái gì. Ấy là lỗi tại người con gái, chắc chắn là cô ta nói dối, trong tất cả những điều cô ta đã trình bày. Dầu sao đôi giày tàng của hấn không thành vấn đề nữa rồi. Chẳng còn hơi đâu mà bận tâm đến nữa, khi mà giờ đây hết cần phải xoay xỏa một đôi giày mới. Đời hấn sẽ ra sao, nếu cái chuyện phi lý này không xảy đến với hấn, để bị đặt bên một bức tường vào lúc tuổi hai mươi ? Hấn có thể giới trước mặt hấn. Một thung lũng, vài ngọn đồi với những căn nhà rải rác và một buổi sáng trong trẻo, một trong những buổi sáng liên tục bất tận sẽ vẫn tiếp diễn dù thiếu vắng hấn. Có lẽ hấn chẳng cần

CĂN CHẾT

phải chết đến thế. Chỉ có điều là hấn mong họ gấp lên, vì hấn chẳng còn nén được lòng để khỏi nhìn về phía căn nhà của trang trại. Người con gái chắc phải đứng đấy, hấn e rằng thế. Có lẽ nếu hấn nhìn mặt nàng lúc này hấn có thể sẽ tưởng rằng những điều nàng nói có đôi phần vô cùng nhân bản.

« Anh sẵn sàng chưa ? » có người hỏi ?.

Hấn không đáp. Dầu hấn không muốn, mắt hấn vẫn đưa về phía góc căn nhà. Hấn có vừa đủ thì giờ nhìn nàng. Nàng đứng tựa vào tường và vẫn hút thuốc, nhưng nàng nhìn về hướng khác.

NG JYỄN

*Theo bản dịch « The Need to Die »
của ANGUS DAVIDSON*

buổi sáng năm bệnh

nghiêu đề

*tôi mở mắt ngó mông ngày đến lạ
thân thể khoát hồn lười lĩnh nằm nghe
con rắn lạnh tron trường đầy da thịt

mai qua rồi trưa đến chiều đi

và đêm hoang và ngày tàn như thế
nhánh cần khô và gió bụi quên
chấn chiều đắp lên bàn tay lạnh hoảng
rồi lá xanh vàng rồi sương bụi đen*

N. Đ.

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách : **NGUYỄN-NGU-I**

*I. — Sáng - tác để làm gì ? Để cho mình hay cho thiên hạ ?
Để cho bây giờ hay để cho mai sau ?*

*II. — Sáng-tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy
hứng ?*

*III. — Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của
tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai-nghén cho đến lúc nó thành hình.*

IV. — Những kinh-nghịem sống và sáng tác thích nhất.

XIII

★ **VŨ-HẠNH.**

Tên thật : Nguyễn-Đức-Dũng.

Quê quán : Bình-Nguyên, Thăng-Bình, Quảng-Nam.

Lần trước, về truyện ngắn hay nhất, tôi đã trốn thoát bàn tay phỏng-vấn của anh, vì tự xét mình là một độc giả hạng ruồi. Nay cái vòng vây phỏng-vấn của anh có bề thật chặt, lại thêm mỗi ngày đổ đồng gặp anh một lượt ở cái lối đi chật hẹp ấy của Tòa soạn thì thực khó nổi làm thinh.

Phải nói anh bày ra chuyện phỏng-vấn là làm mệt trí nhiều người lắm đó. Mỗi

người tất nhiên phải cố sửa soạn một cách trả lời. Dù muốn dù không, trả lời phỏng-vấn là làm một cuộc trình-diện. Mà nghĩ đến sự trình-diện, tôi mắc cỡ quá. Cái nghề không quen nói chuyện của mình, thực là vụng-về, kiểu-cách. Cuối cùng mới nghĩ thôi thì nói gần nói xa, chẳng qua nói thiệt, công chuyện phỏng-vấn của anh tuy cái kết quả trực-tiếp chắc rằng chẳng được nhiều đâu, nhưng thật hữu ích.

Kết quả không nhiều là vì những người cầm bút trong nền văn-ngệ của ta — dù là có tuổi hay mới vào nghề — xưa nay ít có thói quen tổng kết việc làm của mình để rút ra ưu khuyết điểm trong từng giai đoạn. Cho nên những bậc đàn anh chắc là kinh nghiệm có thừa mà khi cần đem truyền lại lớp sau ít nhiều bí quyết thì sợ chỉ đem phổ biến toàn là công thức đại-cương. Còn những bọn trẻ chúng tôi, kinh nghiệm đã ít, lại quên đi mất, thì biết còn gì mà nói nữa đây? Bởi vậy, để hưởng ứng anh, tôi phải bắt đầu một cuộc lục lọi dĩ vãng rất là tuyệt-vọng và tôi không rõ trong những điều tôi sắp kể ra sau đây có độ bao nhiêu phần trăm bịa đặt. Nhưng mặc dù vậy, anh cũng đã tạo được dịp bắt buộc chúng tôi phải tự vấn mình để mà về sau làm việc có ý-thức hơn. Cũng như trước kia, trong dịp phỏng vấn *truyện ngắn hay nhất*, anh bị đôi người công-kích và thâu kết quả trực tiếp chẳng nhiều, nhưng anh đã giúp nhiều người thấy rõ thực trạng đọc-sách của một số đông trí thức và chắc những ai trả lời cũng đã có dịp kiểm tra lại sự đọc sách của mình. Như vậy, anh gieo lúa mì mà anh lại gặt lúa kê và giúp người ta gặt được cả lúa tám thơm, đâu có phí công sản-xuất?

Sáng tác để làm gì? Để cho mình hay cho thiên hạ? Để cho bây giờ hay cho mai sau?

Nói về sáng tác, tôi tưởng không một người nào có một quan-niệm xác-định từ đầu, mà thật ra quan-niệm ấy phải được thành hình hoặc là biến-đổi trải qua cuộc sống. Khi nhỏ, người ta sáng tác chỉ vì bất-chước, học đòi người lớn. Lớn thêm ít tuổi, người ta có thể sáng tác để cho

người yêu biết mình thi-sĩ hay là văn-sĩ mà thêm ít chực gờ-ram ái-tình. Người ta còn sáng tác vì háo danh, vì tiền nhuận bút và vì một lý - tưởng xã hội nào. Như nhà văn Nhất - Linh chẳng hạn, từ *Đoạn tuyệt* đến *Bướm trắng* là cả một sự thay đổi về quan niệm.

Riêng tôi, công cuộc văn-ngệ mới chỉ là giai-đoạn khởi đầu và nhiều khi tôi cũng phân-vân chẳng biết có nên theo đuổi cái nghiệp văn chương cho đến chiều tà bóng xế hay không, nên chưa biết được là mình sẽ hướng về đâu. Nhưng xét về cái đã có và hiện có thì thuở nhỏ tôi cũng như phần-đồng các bạn ở vào tuổi ấy, sáng tác là để bất-chước. Hồi học lớp Nhì, tôi cũng có ra báo tay, mục đích là để mô-tả đám ma của tôi về sau này, để giễu cợt các thầy giáo bất công và viên thanh tra học-vụ Le Bris thời bấy giờ. Một ý thức sáng tác như thế, hoàn toàn là bất-chước *Phong hóa*, Ngày nay và chỉ cần ông Hiệu-trưởng lôi ra đánh ba chục roi ngay ngắn vào mông là đủ cho bộ biên-tập giải-tán lập tức. Lớn lên, ra tỉnh học, tôi sáng tác đăng ở tờ *Đàn bà*, mục đích là để vừa lòng một người chị ruột vốn có khiếu thơ. Tôi làm thơ cho người chị tôi — được một thời gian thì phải gác bút, chỉ vì một ông chủ bút của tờ báo ấy (xin miễn nói tên) gửi thơ vào — lúc ấy chúng tôi ở Huế — tán tỉnh chị tôi khiến cho anh rể của tôi nổi ghen quá sá. Sự sáng tác này nhằm vào mục đích giải trí và để cho vui lòng chị mà thôi. Tôi còn nhớ một chuyện thật là đáng kể ra đây: thời ấy, tôi viết bài thơ nào giản dị mà công phu gửi ra tờ báo thì người ta không đăng. Còn bài nào tôi viết rất dối nhưng mà bị

hiếm thì người ta cho đăng và có đóng khung viền đôi cẩn thận. Sau đấy tôi cứ viết bừa, lựa những tiếng những câu cho không một ai hiểu cả — và cố nhiên tôi cũng không hiểu gì hết — thì nhà báo tỏ ý hoan-nginh đặc biệt. Tôi chỉ còn nhớ một bài gọi là *Chiều mộng xưa* (không rõ vào số nào) gồm năm sáu đoạn tứ tuyệt viết chẳng tốn công gì hết, chứa toàn những ý tối mò, vô-nghĩa hết sức thể mà sau khi đăng liền nhà báo còn gửi thơ khen. Anh rể tôi và tôi, cứ đem chuyện ấy ra cười và chúng tôi từ đấy tỏ ra hết sức nghi-ngờ trình độ các ông chủ trương những tờ tuần báo văn-chương, cũng như nghi-ngờ giá trị của loại văn thơ bí-hiếm.

Đến khi cách mạng nổi lên, chiến tranh bùng nổ, tôi đoạn tuyệt hẳn nghề thơ xoay ra viết kịch kháng chiến. Viết được một năm thì tôi bẽ-tắc hoàn toàn vì không được ai chỉ vẽ, lại không nghe ai phê-bình cho nên nhận thấy nghệ thuật không tiến, cuối cùng mình tự chán ngán cho mình. Nhưng điều quan trọng khiến tôi không viết được nữa là vì tôi chẳng hiểu rõ chủ trương đường lối do chính phủ thời ấy đề ra nên viết vở nào cũng bị phạm vào chính trị.

Bây giờ khi cầm bút viết một truyện gì tôi cũng tự đặt câu hỏi: Có lợi gì cho xã hội hay không? Ít nhất tôi phải cho rằng có lợi nào đó tôi mới có đủ can-đảm mà cầm bút viết. Tôi nghĩ rất đơn giản rằng sở dĩ mình khôn lớn được đều là nhờ công xã hội hết thảy, nếu không đóng góp vào đó chút gì thì hoá ra mình lờng gạt ở trong cuộc sống, mình ích kỷ quá. Người viết văn đã thừa hưởng cái

vốn văn chương của xã hội cũng như người thợ rèn thừa hưởng cách rèn, người thợ nề, thợ mộc thừa hưởng cái cách xây dựng nhà cửa. Lấy cái chung ấy làm riêng cho mình đã là lợi rồi lại còn mang cái vốn ấy làm hại cho xã hội nữa, tôi nghĩ là bất nhân quá và rốt cuộc xã hội cũng chẳng dung tha cho mình. Nhưng nghĩ như thế song lúc thực hành thì có khi mình làm ngược lại ý định do không quan niệm thế nào là lợi, là hại cho thật rõ ràng. Ví dụ tôi tả đời sống cực khổ của người nông dân khiến họ có những thói tục hư tệ để mà nhân đây nói đến cuộc đời đổi mới của họ sau này một khi họ đã vô hoang, biến đổi đất cát khô kiệt thành một đồng ruộng xanh tốt. Đây là truyện dài *Xóm Cát* mà tôi phác họa nhưng mới viết được đoạn đầu tôi đã gửi đăng, tức là truyện *Miếng thịt vịt*, và không viết thêm được nữa. Vô tình tôi đã nói xấu người dân quê trong lúc tôi biết rõ họ có nhiều tính tốt hơn là tính xấu.

Có những truyện dụng tâm là tả những phong tục tốt của đồng bào Thượng để chống lại cái quan niệm coi thường dân-tộc thiểu số, như truyện *Cuội Ba Dùm*, *Cái Xấu đi rồi*, nhưng trong khi mô tả những đoạn gần gũi của trai gái, mình dễ bị những ấn ức của bản năng thúc đẩy nên có những chỗ biến thành văn chương khiêu-dâm. Tôi phải kể những truyện ấy ra mặc dầu có ít người đọc, là để trả lời cụ thể câu hỏi trên đây. *Sáng tác để làm gì*, đó là câu hỏi mà tôi có thể lầm tưởng đã trả lời được.

Như vậy, mặc dầu muốn làm lợi ích, nhưng cái trình-độ tư-tưởng thấp kém của mình trong khi quan-niệm văn đề và

cái kỹ-thuật thiếu sót của mình trong lúc diễn tả sự việc đã khiến cho mình nhiều khi phản bội mục đích, thay vì làm lợi, lại hóa làm hại.

Tóm lại, trong khi sáng tác, tôi vẫn tưởng rằng việc làm của tôi là cho thiên hạ, nhưng cá nhân tôi được hưởng khá nhiều. Một là tôi nói được những điều mà tôi thích nói khiến cho tinh thần giải thoát và chính sự sáng tạo biến đổi con người cầm bút. Chúng ta làm ra bài văn nhưng bài văn cũng làm nên chúng ta. Ngòi bút thực là khí cụ màu nhiệm giúp ta hiểu thêm con người, rõ thêm sự đời. Người viết văn là ông tạo-hóa nhỏ, đó là vinh-dự quá lớn. Ngoài ra cũng phải thú thật về điểm vụ lợi của tôi, cả mặt tinh thần lẫn mặt vật chất nghĩa là tôi cũng chú trọng cả đến số nhuận bút cùng các lời khen tặng.

Tóm lại, rõ rệt là tôi viết cho thiên hạ và cả cho tôi nữa đó. Còn viết cho bây giờ hay cho mai sau thì hiển nhiên là cho

bây giờ. Còn mai sau thì có trời biết ! Tôi nghĩ chỉ có những khối óc tự-kieu vô-lỗi mới dám tự hào là viết cho mai sau. Hay Cận ngày xưa trong « Kinh Cầu Tự » mượn lời người mẹ may áo cho con, may rộng để khi lớn lên con mặc thì vừa. Nhưng khi đứa trẻ lớn lên thì chiếc áo kia chỉ là một đồng vải rách. Gide cũng có cái giọng lo xa tự hào ấy. Nhưng ngay khi còn sống, Gide cũng thấy là mình đại dột lỗ lờ. Còn muốn lưu danh hậu thế thì thật tình là tôi không có mơ ước. Tôi nghĩ miễn là có lợi, có ích bây giờ là quá đủ rồi.

Sáng tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy hứng.

Tôi sáng tác theo đường lối nhất định và cũng tùy hứng một nửa. Theo đường lối nhất định là về ý hướng của nội dung, tùy hứng một nửa là khi nào thích thì viết, nhưng nếu nhà báo giục bài thì không hứng cũng phải viết.

.

VŨ - HẠNH



★ VŨ-HÂN

Sanh năm Tân-Dậu (1921, nhưng khai sinh lại ghi: 15-7-1919), tại phường Minh-Hương, thị xã Hội-An (Quảng-Nam) ; gốc ở Đồng-Hới (Quảng-Bình).

Bắt đầu làm thơ, viết kịch, khoảng đầu năm 1944.

Đã xuất bản : Diễm trang (thơ), Để xây dựng kịch (khảo cứu). Giảng sách dưới trăng (kịch), Đoạn trường tân thanh khái luận, Việt sử giảng yếu (sách giáo khoa).

Cộng tác với Bách-Khoa và Lành mạnh.

Hiện dạy các trường tư thục ở Huế và Đà-Nẵng.

Anh Ngu-Í,

[...] Còn về vấn đề « phỏng vấn », anh đã muốn có thêm tiếng nói của tôi, thằng bạn trọn đời bực dọc của anh, thì tôi đâu dám « không khứng trả lời ». Nhưng biết trả lời như thế nào đây để được vừa ý anh cũng như để được quý bạn bốn phương khỏi nghĩ rằng mình chưa thật với lòng mình.

Vâng, thì trên 10 năm nay, tôi đã quyết tâm theo đuổi hai việc: làm thơ và viết kịch, nhất là kịch thơ. Bởi vậy có vài bạn thân, trẻ cũng như già, nam cũng như nữ, đều bảo đùa rằng đối với tôi kịch là thơ, thơ là kịch, nghĩa là tất cả đều mang hai hình ảnh quấn quít lấy nhau: nàng Thơ và cuộc Sống. Nói một cách « triết lý » cầu kỳ hơn, phải chăng đó là 2 vấn đề tối quan trọng cho một thằng người, thằng người muốn nơi muôn thuở, hay là con người Việt của chúng ta, nói riêng thì cũng phải mang 2 sắc thái căn bản ấy. . . Đó là Yêu thương và Đấu tranh để Sinh tồn. Thạch-Sanh chém Chàng tinh, đánh chim Đại bàng và một Công chúa mỹ miều hay gì gì đó nữa, căn bản thu gọn vào trong 2 yếu tố lớn lao ấy của cuộc sống con người. . . Cho nên nếu có bạn nào bảo đó là « một đường lối sáng tác » mà tôi đã và hiện đang theo đuổi, cố gắng theo đuổi, tìm hướng hoặc lợi dụng hướng bất ngờ mà theo đuổi thì tôi không dám chối cãi mà lại còn xem đó là một lời nhắc nhở quý báu của bạn bè.

Bởi lẽ đó, tâm trí tôi luôn luôn bám sát lại hình ảnh của cuộc sống kể trên (yêu thương và tranh đấu) để viết thành lối, thành văn điệu v.v.. Rồi một khi gọi là

« đã bắt đầu thai nghén » một đề tài, thì ôi thôi, ngày đêm khó ngủ, ăn uống « sững sờ », lo suy tính đủ chiều để làm sao cho cái « thai » ấy « no ngày khảm tháng ». Và cứ như thế, cái « thai văn nghệ » ấy tiếp tục quấy phá tâm trí lẫn thể xác tôi cho đến ngày phải « khai sinh » nó bằng giấy trắng mực đen. . . Cho nên, anh Ngu-Í ạ, cứ sau mỗi lúc cho thành hình một đứa con tinh thần « bằng sự » « mang nặng đẻ đau » ấy, tôi lại đọa xuống đau một trận bán sống, bán chết !

Ấy thế mà tôi vẫn không chịu chừa nghiệp « viết kịch và làm thơ » ! Tôi viết để làm gì? và để cho ai đây, cho một thời hay cho muôn thuở? Chà ! cái ấy thật khó trả lời. . . Phải chăng vấn đề này rất liên quan đến vấn đề « đường lối » hoặc « lập trường » của người cầm bút? Thì như tôi đã thừa qua với anh về vài điểm có thể gọi là « đường lối viết » của tôi ở mấy dòng trên kia..., như thế là anh và quý bạn khác cũng đã thông cảm tôi trong mục đích của sự viết lách rồi. Tóm lại, còn thằng tôi, còn con người và nhất là còn đôi ông, hoặc bà, hoặc cô bạn tri kỷ, như anh, như ai... và như ai đó nữa..., lẽ tất nhiên tôi còn viết dù phải viết trong nghèo nàn và bệnh tật !

Nhưng dù sao, « bí quyết » của vấn đề sáng tác vẫn là Cuộc Sống. Không Sống, không thể sáng tác một cái gì gọi là chân thành được. Văn nghệ sĩ chân chính (chứ không phải bắt đắc dĩ) phải bám vào cuộc sống mà sáng tác cũng như cây cỏ phải bám đất đâm sâu rễ để đủ sinh khí mà trổ lá đơm hoa. Mùa nào có hoa xinh, trái ngọt mùa ấy. Thời đại nào, cuộc sống nào, cũng tất nhiên cung cấp cho văn nghệ

sĩ những đề tài văn, thơ, họa, nhạc v.v... mang sắc thái của thời đại ấy, cuộc sống ấy. Dù bài thơ, bức họa, dù vở kịch, bản nhạc, có nhân vật, màu sắc, âm điệu huyền hoặc thần tiên, nhưng nội dung của chúng phải nói cho đủ cuộc đời thực tại và con người « hiện sinh »... Nếu không, chúng sẽ bị xem là giả tạo và sẽ bị đổ vỡ ! Thần Antée lơ quên bám chân sắt đất mà bị Hercule đánh ngã ! Theo tôi, chắc anh cũng đồng ý, phải chăng đó là

một kinh nghiệm sống và sáng tác xác đáng vô cùng ? Còn nếu bảo bài thơ nào, vở kịch nào, quyển truyện nào, hoặc bức tranh nào, bản nhạc nào mà người sáng tác ra nó thích nhất, thì tôi mạn phép xin bắt chước anh ngâm lại câu thơ của Xuân-Diệu thời tiền chiến sau đây :

« Từ tôi phút trước sang tôi phút này.. »

VŨ-HÂN



★ **THẾ-VIÊN.**

Họ Hồ, sinh ngày 31-10-1935 tại Huế.

Hiện giáo sư tại trường Trung-học công-lập Nguyễn-Đình-Chiếu, Mỹ-Tho.

Hoạt-động văn-ngệ từ năm 1949-1950 ; đã từng công-tác các tuần-báo, tạp-chí ở Hà-Nội, Huế, Sài-Gòn.

Thơ và truyện ngắn thường đăng trên các tờ : Cải Tạo, Đời Mới, Nguồn Sống Mới, Thăm-Mỹ, Văn-Nghệ Mới, Mùa Lúa Mới, Văn-Nghệ Tiền-Phong. . .

Đã cho xuất-bản hai thi-phẩm : « Người yêu tôi khóc » (1959) và « Đau thương » (1960).

I — Theo tôi, sự sáng-tác của các văn nhân thi sĩ tự nó đã có mục-đích riêng. Nếu các nhà văn, nhà thơ không quan-niệm sáng-tác để phụng sự nghệ-thật hay đời sống thì ít nhất họ cũng xem sáng-tác là một phương-tiện để giải thoát cuộc sống nội-tâm đầy dằn-vật, u-uất, đau-khổ hoặc chan-chứa vui-tươi, hạnh-phúc của họ. Đối với tôi, sáng tác cũng chỉ là một phương-tiện để giải-thoát những phản-ứng nội-tâm của tôi khi giao-tiếp với cuộc sống bên ngoài của đời hay vũ-trụ thiên-nhiên. Từ ý-niệm tầm thường ấy, tôi không có cao-vọng sáng-tác để cho bây giờ hay để cho mai sau. Tôi sáng-tác nghĩa là tôi thể-hiện thân-phận, đời sống của tôi hiện tại.

II — Trong lãnh-vực thi-ca, sáng-tác bao giờ cũng tùy nguồn hứng-cảm. Tôi không thể quan-niệm nổi một nhà thơ cứ ngồi góp nhặt từng ý từng lời rồi chấp nối đéo gọt để tạo thành tác-phẩm của mình. Xoá bỏ những ý niệm về chính-trị, thi-ca là tiếng nói của tình-cảm. (Ý niệm này tuy xưa, song đó là một sự thật không thể phủ-nhận). Mà tình-cảm có chân-thành mới làm rung-động được tâm hồn người đọc. Sự thất-bại của các nhà thơ chuộng lý-trí đã chứng-minh rõ-ràng điều ấy. Vì quan-niệm như thế, tôi sáng-tác thường theo đà hứng-cảm. Có những bài thơ sáng-tác được nửa chừng, nguồn hứng-cảm mất đi, không thể nào ngồi nặn trí-óc để viết được nữa. Rồi cứ đợi đến chừng nào, có

thể hai ba tháng sau, khi gặp một phản ứng nội-tâm tương-tự, tôi mới tiếp tục viết được. Do đấy, tôi cũng không câu-nệ kỹ-thuật hình-thức thi-ca. Tùy nguồn cảm hứng, tôi sáng-tác những thể thơ riêng biệt. Có thể là lục-bát, thất ngôn ..., có thể là tự do, thơ xuôi...

Hình thức chẳng qua chỉ là một phương tiện chứ không phải là cứu cánh để bắt-buộc nhà thơ phải sáng-tác theo thể này thể khác. Có nhiều nhà thơ đã lớn tiếng cho rằng họ đã khám phá ra nhiều chân trời mới lạ trong lĩnh-vực thi-ca. Thật ra họ chỉ dùng một mớ từ-ngữ lập-dị, một lẽ-lối diễn-tả « lai-căng », chứ thể-giới thi-ca của họ vẫn là những con đường mòn xưa cũ. Một tác-phẩm văn-nghệ có giá-trị là nhờ có tính-chất sáng-tạo của nó. Nhưng sáng-tạo không phải là chối bỏ quá-khứ, phủ-nhận sự tiếp-thụ tiền-nhân để « chân không đến đất, cật không thấu trời », lơ-lửng giữa không-gian, xa-lìa quần-chúng. Liên-hệ với quá-khứ, tiếp-thụ văn nghệ tiền-nhân không phải là bắt-chước, vay mượn như một số người đã xuyên-tạc.

III.— Những-tác-phẩm thi-ca của tôi đều bắt nguồn từ cuộc sống thực tế của tôi. Thường-thường là những nỗi đớn-dau dằn-vật về vấn-đề cơm áo, những nỗi sầu muộn về tình-yêu, những băn-khoăn, thắc-mắc về số-kiếp làm người. Khi nào gặp một cảnh-tượng, một thực tại có liên-hệ đến những vấn-đề trên, nguồn cảm-hứng tự-nhiên xuất-hiện trong tâm hồn và bắt-buộc tôi phải sáng-tác. Nếu gặp một trở-ngại nào không viết nên lời được, tôi thật vô-cùng khổn-khổ. Những lúc ấy tôi trở nên uơ-ngần, bao-nhiêu

tâm-trí đều đổ dồn về cái thực-tại, cảnh-tượng mà tôi đã gặp hoặc trải qua.

Hai thi-phẩm « Người yêu tôi khóc » (1959) và « Đau thương » (1960), tôi đã sáng-tác trong những trường hợp trên.

IV.— Kinh-nghiệm sáng-tác thi-ca của riêng tôi cho rằng muốn có nguồn cảm-hứng dồi-dào bất-tận, phải luôn luôn say-mê sống trong sự đau-khổ hoặc say-mê sống trong hạnh-phúc. Sự say-mê kỳ-tuyệt đó làm cho những bài thơ trở nên có hồn, sống-động, rung-cảm được người đọc. Một cuộc sống hời-hợt, nhạt-nhẽo chỉ phát-sinh được những bài thơ khô-cằn, giả-tạo mà thôi.

Trong số những bài thơ in trong hai thi-phẩm « Người yêu tôi khóc » và « Đau thương », tôi thích nhất là các bài *Hồ-Hưng*, *Người yêu tôi khóc* (trong N. Y. T. K.) và *Chờ đợi*, *Lối về* (trong Đ. T.). Những bài *Người yêu tôi khóc*, *chờ đợi* ghi lại những tình-cảm yêu đương thiết-tha, chân thành của tuổi trẻ. Bài « *Hồ-hưng* » nói lên được những vọng tưởng huyền hoặc ám-ảnh thường-trực tâm-trí tôi. Và bài « *Lối về* » trình-bày chân-xác cuộc sống của tôi và một số bạn-bè thân-thiết từ hơn mười năm nay.

Anh Ngu-Í,

Như vậy tôi đã trả lời khái-lược về những câu anh phỏng-vấn. Không biết có làm vừa lòng anh không? Nhưng đến đây xin anh cho dừng bút. Vì sợ rằng « nói nhiều hóa ra không nói gì hết ».

Kính chào anh

THẾ-VIÊN

ĐÃ PHÁT HÀNH :

TÂM TÌNH NGƯỜI ĐẸP

(LES 28 ETOILES)

THƠ VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Kèm theo bản dịch Pháp văn của thi sĩ Bì

Simone K. de la Cœuillerie

Bài tựa của thi sĩ Ý Lionello Fiumi

« Đây là bó hoa Đông - Tây kết lại
bằng sợi tơ cầu vòng kỳ diệu »

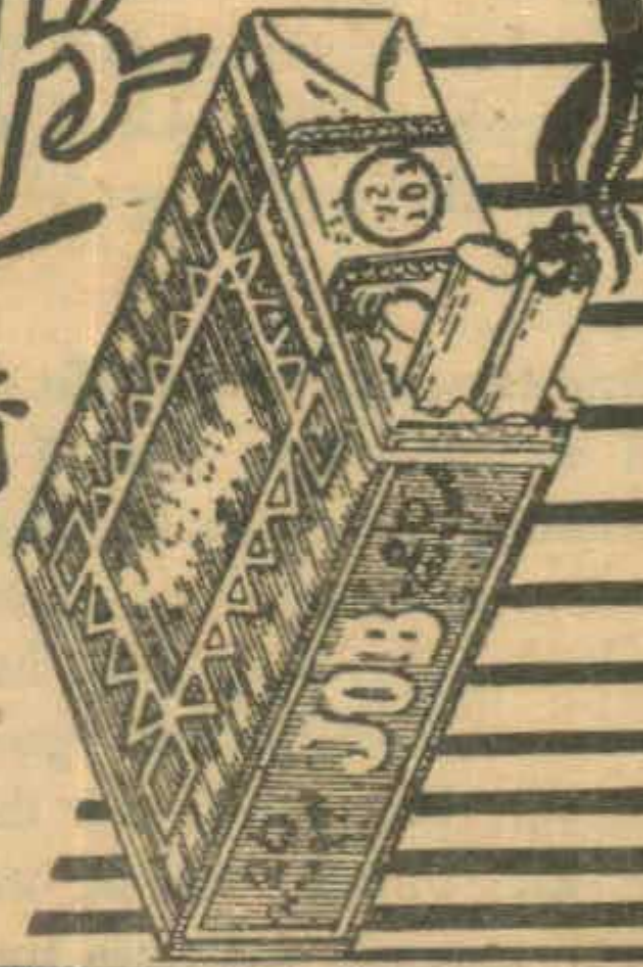
(Trích Bài Tựa)

Sách in trên giấy CROQUIS dày, giá 110\$

NÊN HÚT THUỐC LÁ

Job

請吸
金字烟



Cigarettes

JOB

Surfines

COFAT

CHOLON

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

135, Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

Ý Chiều

ĐOÀN THÊM

Ngõ vắng ngâm chiều dẽ
Giờ quên đợi gió ru
Bước xanh rầu nổi cỏ
Hương úa rụng màu thu

Biệt nắng sầu rơi biếc
Tinh buồn ngả tóc bay
Rung thầm, sao gửi bóng
Ráng lụa khuất ngàn cây

Đi về nhớ du dương
Uốn khúc đời xa nhạc
Trao ý ngại mây vương
Đến mùa trăng thuở khác

Mỗi giây chìm cõi lặng
Gieo tiếc nhuộm ngày qua
Thoáng mắt lòng chưa bén
Vào mơ, sắc đậm hoa.

Đ. T.

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài « Vẫn một lời ca » Bách-Khoa số 112, trang 74, có chữ in lầm :

« Mong ước mãi chắc chi *mười* được một » xin đọc là : « Mong ước mãi chắc chi **mười** được một ».



SINH-HOẠT

NGUYỄN-NGU-Í thuật

Đại hội chống chính sách nô dịch Văn hóa

Ủy ban trung ương chống chính sách nô dịch Văn hoá có tổ chức ngày « Đại hội chống chính sách nô dịch Văn hoá » lần thứ nhì tại Câu lạc bộ Báo chí, 15 đại lộ Lê-Lợi, Sài-Gòn, ngày 31-8-61.

Chương trình Đại hội gồm có ba mục: thuyết trình, thảo luận và nghị quyết.

Ký giả Hoàng-Phổ và nhà văn Phú-Đức nối nhau thuyết-trình về « Tân chiến dịch Trăm hoa đua nở và chế độ độc tài tư tưởng của Cộng sản ».

Ông Hoàng-Phổ cho ta thấy hiểm họa đang đe dọa Thế giới Tự do, và trong sự hơn thua với Thế giới Cộng-Sản, điều kiện quyết thắng không phải võ khí, mà là Lý tưởng. Mặt trận Lý tưởng vững chắc, thì không sớm thì muộn, cũng thắng mặt trận

Quân sự, dầu cho mặt trận này cũng cổ đến đâu, có « nguyên tử » đến bậc nào.

Rồi ông vạch những cái tham lam, tham tàn của chính sách độc tài đỏ.

Đối với anh chị em công nhân, nông dân, Cộng sản bóc lột triệt để sức lao động. Hai giới này phải làm việc cho đến mức chót của sự chịu đựng: « Hết mặt trời, có mặt trăng, hết mặt trăng, có đuốc », khẩu hiệu này nói nhiều về sự phải làm việc quá mức của giới lao động.

Đối với trí thức, văn nghệ sĩ, sinh viên, Cộng sản càng phát triển mặt trận cân não. Họ tìm mọi cách để nô lệ hóa văn nghệ sĩ và sinh viên. Khiến hai giới này sống quần

quai dưới chế độ chà đạp nhân vị con người, chế độ chỉ có biết cứu cánh mà thôi.

Nhưng con nhà cầm bút có tinh thần bất khuất. Họ đã tìm cách chống đối chế độ, cho nên ủy ban xét có bốn phạm nhân dịp này làm sao để giúp vào công cuộc chống độc tài tư tưởng. Vậy, ủy ban tha thiết kêu gọi trí thức, văn nghệ sĩ, sinh viên hãy hưởng ứng việc làm của ủy ban và cùng góp sức đấu tranh chung hầu bảo vệ Tự do và Chánh nghĩa.

Ông Phú-Đức nổi lời, đả kích chế độ độc tài tư tưởng và ca ngợi tự do tư tưởng, tự do ngôn luận vốn là quyền thiêng liêng của con người.

Dưới chế độ biến người thành con số này, không một văn nghệ sĩ nào ca tụng Tự do mà sống yên thân được. Song vẫn có những văn nghệ sĩ không chịu cúi đầu. Họ chiến đấu ngay trong lòng Cộng-Sản để chống chánh sách nô lệ hóa tư tưởng con người.

Họ tìm những dịp thuận lợi để nói lên những bức tức, những đòi hỏi của họ, khiến kẻ cầm quyền phải lo sợ.

Rồi ông kể lại phong trào « Trăm hoa đua nở » ở nước Việt và ở Trung-Hoa, trong đó tinh thần chống đối công khai hoặc ngầm ngấm của các nhà văn nghệ sĩ cũng như sự đàn áp tàn nhẫn của chánh quyền Việt, Trung - cộng được diễn giả nhấn mạnh và trình bày khá dài. Để kết luận diễn giả cho rằng « Sức mạnh tư tưởng là sức mạnh vô địch ». Kẻ độc tài càng đàn áp bao nhiêu, thì chẳng khác kẻ cứ say sưa đào huyệt để chôn mình.

Ông Lê-Văn-Duyệt, tức Người-Thăng-Long, vốn giám-đốc nhà xuất bản « Thép » ở Hà-Nội, vượt tuyến cách đây không lâu, kết thúc buổi thuyết trình với đề tài : « *Đời sống Văn hóa của nhân dân miền Bắc dưới chiều bài xã hội chủ nghĩa* ».

Ông cho rằng tư tưởng quyết định sự thành bại. Và văn hóa rề đúc tư tưởng. Kẻ thù của nước Việt cộng-hòa đã thi hành chánh sách nô dịch văn hóa, tiêu diệt mọi đức tính, phong tục, tập quán cổ truyền của dân tộc. Chính sách nô dịch Văn hóa vô cùng nham hiểm và độc ác. Vì thế mà mặt trận Văn hóa thật là quan trọng.

Rồi ông « tìm hiểu đời sống Văn hóa nhân dân miền Bắc dưới cái chiều bài xã hội chủ nghĩa » : trên các lãnh vực báo chí, xuất bản, nghệ thuật, giáo dục.

*
* *

Ba diễn giả thuyết trình xong, là cuộc thảo luận. Lúc đầu hơi uể oải, về sau sôi nổi và cởi mở. Góp ý, có cậu Bằng, con trai nữ sĩ Thụy-An, một nhà văn có tiếng hiện bị giam cầm ở Bắc vì tư tưởng chống-đối. Cậu cho rằng người Việt tự do chúng ta chẳng những chống Văn hóa nô dịch Cộng-Sản ở Bắc, mà phải chống bất cứ chế độ nào bóp nghẹt Văn hóa bằng cách này hay cách khác. Vì Văn hóa là phần hướng thượng tinh túy nhất của Nhân loại, Văn hóa tượng trưng cho sự vươn lên của con người.

Trúc-Sĩ, nhà văn vượt tuyến, nhấn mạnh : những gì ông Lê-Văn-Duyệt vừa kể mới một phần mười sự thật mà thôi. Chớ tội ác của Cộng-Sản đối với Văn hóa của dân tộc thì « nói không thể hết » ; rồi

Ông nhắc đến một số văn nghệ sĩ ở bên kia bức màn tre đã chống đối ra mặt hay thụ động (không làm, không nói, không viết) chính sách nói trên.

Ông Tự, giáo sư, hùng hồn nêu ba điểm : đoàn kết các văn nghệ sĩ miền Nam, lành mạnh hoá nền Văn hoá tự do, tìm các sơ hở của nền Văn hoá chúng ta để kịp thời sửa chữa hầu Cộng sản khỏi len vào lòng đoàn.

Một vị thượng tọa thiết tha đề nghị : khuếch trương tin ngưỡng, phát huy đạo đức để chặn đứng hiểm họa vô thần.

Nữ ký giả Lan-Phương hô hào : phải tích cực về mọi hoạt động có tính cách Văn hoá mới thắng được kẻ thù, mà đừng trông hân vào sự sốt sắng của vài tờ báo, sự giúp đỡ của chánh quyền.

Vai trò của nhật báo được đưa ra mổ xẻ. Ai ai cũng bất bình về việc quan trọng hoá những tin xấu xa, những gương chẳng đẹp, khai thác quá mức vụ đánh ghen tại ác-xít vừa qua. ... rõ ràng là báo chí chỉ lo phụng sự tính hiếu kỳ hạ cấp của độc giả, mà quên rằng làm thế là tiếp tay cho kẻ thù chung đang mở mặt trận Văn hoá để tiếp tay với mặt trận Quân sự.

Sau cùng, nhà văn Tam Lang, phó chủ tịch ủy ban, đọc bản nghị quyết của đại hội, mà đây là đoạn kết :

« Trước chứng minh cụ thể về những âm mưu xảo trá của Cộng-sản miền Bắc, một lần nữa, chúng tôi quyết liệt tố cáo trước dư luận đồng bào các giới, trước dư luận quốc tế, về chế độ ngu dân, độc tài tư tưởng, nô dịch văn hóa và đàn áp khủng bố các chiến sĩ Văn hóa của Cộng-sản miền Bắc.

« Chúng tôi đòi Việt-cộng phải trả ngay tự do cho các chiến sĩ Văn hóa miền Bắc hiện nay đang bị giam cầm đầy ải dưới họng súng, dưới lưỡi dao, dưới làn roi da trong lao tù Cộng-sản.

« Chúng tôi tha thiết kêu gọi toàn thể anh chị em Trí thức, Văn nghệ, Sinh viên, Học sinh trên thế giới, toàn thể Đồng bào yêu chuộng Tự do, hãy hưởng ứng ủng hộ công cuộc đấu tranh của chúng tôi trong sứ mạng bảo vệ một quyền tối thượng của con người :

« Quyền Tự do Văn hóa ! ».

NGUYỄN-NGU-Í thuật

Cùng các bạn gửi bài :

Tòa soạn Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các bạn có nhiệt tình với Bách-Khoa đã sốt sắng gửi bài về rất nhiều và rất đều đặn. Tuy nhiên trong sự lựa chọn đăng, về biên khảo, thể theo ý kiến của phần đông bạn đọc, phải dành ưu-tiên cho các bài sát với thời cuộc, giải đáp những thắc mắc bản khoản hiện tại, giới thiệu những vấn đề, những sự việc, những trào lưu tư tưởng mới mà bạn đọc đang mong tìm hiểu.

Bởi vậy nếu bài của các bạn không đăng ngay được, cũng xin các bạn thông cảm mà lượng thứ cho.

Những bài đã nhận được :

- Một chuyến về thăm (Trần-Hồ) —
- Cần đặt lại vấn-đề cải-tạo con người trước hay cải-tạo xã-hội trước ? (Ngân-Lang) — Nhìn lại (Hoàng - Vinh - Muyền) — Muốn thắng Cộng-Sản, trước hết phải hiểu Cộng-Sản (Ngô-Quang-Man) —
- Trong gia đình (Vũ - Vượng) — Bên ánh rừng đêm (Hoài Nam Long) — Đưa nhau; Dừng dừng (Húc Nhật) — Bài ca vào thu (P. Sa-La) — Nắng thu đã chết (Phan Hồng) — Bài ca chữ T (Minh Đường) — Mặc tưởng (Nhân - Thán — Sương đêm ; Tinh tâu bến ; Cuồng vọng (Thủy Lan) —
- Đêm ly biệt (Bùi Văn Yên) — Lốt chân hoang ; Cô độc (Lạc Phong Vân) — Thương xứ nắng (Đ. N. Thu) — Bài thơ mười năm (Trần-Huyền-Ẩn) — Ánh sáng thứ hai ; Cây súng với nàng thơ ; Ngày về (Quốc-Đăng) — Chiều bỏ đi (Lưu-Tiến - Vũ) —
- Độc hành ca ; Nhớ cảnh quê ; Sầu chiến binh ; Trời hai phương (Hồ-Vấn) — Thăm lặng (N. K. T. H.) — Cỏ-lâu (Tường-Phong) — Chiếc áo ấm hồng ; Khóc điệu bà nội ; Mơ đời lính chiến (Àn - Mai - Yến - Thông) —
- Trông ; Cô độc ; Xa khơi (Thanh-Phương-Thảo) — Đam mê ; Tiếng thơ ; Gửi về thu ; Bơ vơ ; Mầu đen ; Vỡ ; Trở về ; Đa mang ; Số phận (Tạ-Duy-Thọ) — Có phải là anh ; Bóng ai ; Người thiếu nữ áo đen (Thu - Giang) —
- Gió rừng ; Hồn lạc-lỡng ; Trăng rừng (Yên-Giang) — Cứu chuộc (Trần-Quốc-Dân) — Con thuyền ; Ván-vương (Thủy-Nguyên) —
- Tình Lòng-diệp ; Tim sưởi thương (Ngân - Lang) — Triết - lý của Max Serner (Đào-Đức-Dân) — Món nợ năm xưa

(Lương-Trọng-Minh) — Hồ lại nhớ rừng ; Bị... thời trang hóa (V. H.) — Khoảng buồn (Song - Nhất - Ai) — Bỏ quên (Phong-Lâm) — Chiều vực thăm (Sa-Giang Trần-Tuấn-Kiệt) — Chuông chiều ; Tinh tữ (Nguyên - Trinh Hàn - Vị - Nguyệt) — Một giả - thuyết về thắng lợi của Nga-Sô trong cuộc chạy đua lên không-gian (Phan-Minh-Huy) — Gia phả họ Nguyễn-Lê (Trọng-Lai) — Marx và xã-hội chủ-nghĩa (Tú-Anh)

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

- **Các bạn có thư hỏi thuốc rẽ nhau.** — Chúng tôi đã chuyển thư của các bạn tới *Bác-Sĩ Đặng-Văn-Hồ* để việc liên lạc với *Bác-Sĩ Đặng-Văn-Hồ* được dễ dàng mong các bạn có điều gì cần, từ nay xin gửi thư về : 550, đường Trần-Hưng-Đạo — Saigon.



SÁCH BÁO MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

- Bán Nguyệt san **Quyết Tiến**, tiếng nói của Nam Nữ Thanh Niên Cộng Hòa Thủ Đô, do Trung Tá Nguyễn - Hữu - Phước làm chủ nhiệm, Ông Ngọc Hùng, chủ bút. Quyết Tiến số ra mắt, gồm nhiều bài vở chọn lọc, ấn loát đẹp. Giá bán 6đ.
- Bách-Khoa vui mừng chào đón bạn đồng nghiệp, và ân cần giới thiệu cùng đọc giả thân mến.

ĐI MÁY BAY

ROYAL AIR LAO

QUÍ KHÁCH SẼ VỪA LÒNG :

MAU CHÓNG — ĐỦ TIỆN NGHI
TIẾP ĐẢI ÂN-CẦN

SAIGON - PAKSE - SAVANNAKHET - VIENTIANE

Thứ tư — Thứ Sáu và Chủ Nhật

XIN HỎI Ở : 65, LÊ THÁNH TÔN

ĐIỆN THOẠI : SAIGON 34

ĐÃ PHÁT HÀNH :

MAI SỐ 29 (RA NGÀY 10-9-1961)

- Chính trị :** Đại-Hàn : Cửa hàng « Dân Chủ » ? (Tiểu-Dân và Ông « K » đã làm sai con toán ? . Hoàng-Minh-Tuynh)
Bá Linh kêu gọi. . .
- Kinh Tế :** Phỏng vấn Tòa Đại Sứ Đức về Hợp tác Quốc tế. (Khánh-Trang)
Kỹ nghệ hóa Việt-Nam. (Phạm-Hoàng)
- Văn nghệ :** Rồi mặt trời lại mọc. (Thụy-Dung)
Mổ bụng tự sát. (Ngọc-Bách)
Thú chơi gà. (Vương-Hồng-Sén)
- Văn học :** Vài cảm tưởng khi đọc chủ « Chân Dung » của Gandhi do Hoàng-Minh-Tuynh viết. (Bùi-Giang)
- Giáo dục :** Lật qua hồ sơ thanh niên (tiếp theo) (Nguyễn-Hiến-Lê)
Văn đề tiền bạc đối với trẻ em và thanh niên (tiếp theo) (Nguyễn-Hữu-Phiếm)
- Phỏng vấn :** Chương trình mới của B.Q.G.G.D. (Nguyễn-Ngu-Í)
- Và các mục :** Điềm người điềm việc, Tin văn, Tin Khoa học, Câu chuyện giáo dục. . .

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tử bảo hiểm cho thuê, mỗi tử tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

ĐÃ PHÁT - HÀNH TIN SÁCH số đặc-biệt

Nội-dung gồm có:

Phần I. Tiểu - luận

VƯƠNG HỒNG SẼN thú chơi sách. NGUYỄN DUY CẦN thuật đọc sách. THÁI VĂN KIỂM đọc lại sách xưa. JULIANE H. HEYMAN những thư-viện ở Việt-nam. TĂNG THỊ TỶ một thư-viện chuyên-khoa. NGUYỄN MẠNH CÔN sách ngoài trời. CÔ THU-LIỆU Ernest Hemingway, con người và tác-phẩm. BUI KHÁNH ĐẢN tâm-sự tác-giả.

Phần II. Mục Thường-xuyên

Sinh-hoạt Thư-tịch — Cổ-thư Kỳ-thư — Sinh-hoạt Báo-chí

Phần III. Điềm sách

CÔ PHƯƠNG THẢO giọng sông Thanh-thủy. ĐỖ TẤN bát cơm bát máu. TRĂNG THIÊN một bản đàn. TRẦN QUAN TÂM cổ-đô Huế. TRƯƠNG BỬU LÂM giáo-sĩ Đắc-lộ. NGHIÊM THẨM nguồn gốc văn-minh Việt-nam.

Phần IV. Giới-thiệu sách

sắt cả các sách mới ấn-hành trong các tháng 5 và 6 năm 1961

TIN SÁCH chỉ in vừa đủ bán cho độc-giả dài hạn. Muốn biết thể-lệ mua năm, xin viết thư hỏi toà-soạn, số 60-62 Ký Con, Saigon. Riêng số đặc-biệt xin hỏi tại các hiệu sách lớn trong đô-thành. Độc-giả ở xa, xin gửi 10.000 tem thư, đề tên ông Nguyễn Ngọc Linh, chủ-nhiệm.

TÌM ĐỌC :

THẾ - GIỚI CHÚNG TA

TẠP-CHÍ VĂN-HỌC NGHỆ-THUẬT

XUẤT BẢN HẰNG THÁNG

Kiểu công nhậm — Nguyễn trung — Trần thyn hãca — Nghiêu đê
Đoàn ngọc quỳnh — Saot trên rừng — Viên linh — Lê thạc tâm
Trần đức uyển — Trần dật từ — Trường dza — Cù nguyên
Bửu sum — Trần thiệng dật — Nguyễn khắc thiều — Hương nhậ quý
Đỗ ngọc yển — Nguyễn khắc trung — Vương dư — Vũ bình nghị.

SỐ RA MẮT THÁNG MƯỜI SÁU MỘT

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales
(S. I. D. E. R. C. D.)**

Exclusivités :

Whisky **BALLANTINE'S** »

Cognac « **COURVOISIER** »

Sardines « **LES OCÉANIDES** »

Champagne « **HEIDSIECK & C^e**
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« **MIRAFIORE** »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« **MONTRESOR** »

Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

**La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. D.)**

18, BẾN BẠCH DANG — SAIGON

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

Đại-Lý

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE-TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

QUÝ-VI HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY



LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone : 20.821 — SAIGON